



THÔNG LUẬN

ISSN 1145-9557

NGUYỆT SAN THÔNG TIN NGHỊ LUẬN

Publiée par Association Viet Nam Fraternité, 24 Square des Cottages, 91200 Athis-Mons, France
Inscrite à la Commission Paritaire des Publications et Agences de Presse sous le No 70359
Directeur de publication: Vũ Thiện Hân

Mục Lục

1. *Vấn đề trong tháng*
Thông Luận
3. *Dân Việt Nam luôn luôn đối*
Huyền Hùng
4. *Già từ Hồng Kông*
Nguyễn Phi Phụng
9. *Gian nan và bền bỉ*
Tiêu Dao Bảo Cự
11. *Thư gửi một người bạn Việt kiều*
Tiêu Dao Bảo Cự
12. *Thảo luận bàn tròn về Dự Án*
Dân Chủ Đa Nguyên
Nguyễn Thành Nhân
14. *Về việc ông Hà Sĩ Phu bị bắt*
Hoàng Tiến
17. *Giữa một thời điểm đầy bất trắc*
Bùi Tín
19. *Chọn lựa một chế độ chính trị*
Võ Xuân Minh
21. *Người Việt tiến tới*
Hòa giải Hòa hợp
Diệp Tường Bào
23. *Ngoại giao kinh tế của Việt Nam*
đi về đâu?
Nguyễn Minh
25. *Đọc báo "Người Sài Gòn"*
27. *Bạn đọc viết: Vài cảm nghĩ khi*
đọc Dự Án Chính Trị
Trần Khắc Cần
28. *Tin tức thời sự*
31. *Tùy Bút*
Trần Thanh Hiệp
32. *Tap ghi*
Nguyễn Gia Kiểng

Vấn đề trong tháng

Chính quyền cộng sản gây áp lực nặng nề trên Bảo Cự

Kể từ ngày 12-11-1996, nhà trí thức dân chủ Nguyễn Phước Bảo Cự, thường được biết dưới bút hiệu Tiêu Dao Bảo Cự, đã phải trải qua hai đợt thẩm vấn tại trụ sở công an Đà Lạt.

Đợt đầu trong ba ngày 12, 13 và 14 tháng 11, trong đó riêng ngày 12-11-1996 ông đã bị hạch hỏi từ 8 giờ sáng đến 3 giờ sáng hôm sau. Nhà ông đã bị khám xét, các tài liệu của ông bị thu giữ. Một người bạn cùng lý tưởng với Bảo Cự, ông Mai Thái Linh, đảng viên đảng cộng sản, nguyên đại biểu Hội Đồng Nhân Dân tỉnh Lâm Đồng, đã bị bắt trong lúc tìm cách cất giấu một số tài liệu riêng của Bảo Cự và bị bắt trở lại nhà Bảo Cự diễn lại mọi động tác như một tội phạm hình sự nghiêm trọng.

Đợt thứ hai, diễn ra từ tuần lễ sau đó, gồm sáu buổi chấp cung trong đó Bảo Cự phải trả lời về những bài viết và bài phỏng vấn của ông trên các đài phát thanh tại hải ngoại, về quan hệ của ông với các thân hữu ở nước ngoài, về nhóm Thông Luận, về cả Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên - "Thủ Thách và Hy Vọng" mà ông có bài đóng góp.

Tới đây công an Đà Lạt cho hay đợt điều tra thứ hai đã chấm dứt, họ có đầy đủ dữ kiện để làm một báo cáo và hẹn Bảo Cự đợt "làm việc thứ ba" vào đầu tháng 12 sau khi đã có ý kiến của cấp trên.

Để cô lập và để đàn áp Bảo Cự, ông Trương Hòa Bình, cục phó Cục An Ninh Văn Hóa Tư Tưởng, đã tới Đà Lạt cảnh cáo những bạn bè của Bảo Cự là nên đứng ngoài cuộc, đừng bênh vực Bảo Cự vì đây là một vụ quan trọng.

Nhưng có lẽ công an đã không lượng định đúng tình thế. Trước hết họ đã gặp một đối tượng cứng cỏi hơn họ tưởng tượng. Thay vì bối rối và lo lắng, Nguyễn

Phước Bảo Cự đã chất vấn công an dựa vào luật nào để khám xét nhà ông, thu giữ tài liệu của ông và thẩm vấn ông. Ông được trả lời là công an "hành xử chức năng an ninh" và được lệnh điều tra Bảo Cự vì ông có liên hệ với một số người Việt tại nước ngoài. Bảo Cự tố giác việc kéo dài những cuộc thẩm vấn là một hành vi xâm phạm đối với ông, gây phiền nhiễu và xáo trộn trong sinh hoạt hằng ngày, gây lo âu cho gia đình ông và làm thương tổn mối quan hệ của ông với nhiều người thân quen. Nguyễn Phước Bảo Cự khẳng định ông là một người đối lập dân chủ và sẽ tiếp tục là một người đối lập dân chủ trong mọi tình huống. Ông nhìn nhận có quan hệ với nhóm Thông Luận mà ông tán thành về đường lối. Ông ủng hộ Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên - Thủ Thách và Hy Vọng vì đó là một dự án tương lai hợp tình hợp lý cho đất nước, mà theo ông chính đảng cộng sản cũng cần nghiên cứu. Bảo Cự khẳng định một lần nữa ông không chủ trương lật đổ chính quyền, ông tranh đấu cho dân chủ đa nguyên bằng đường lối bất bạo động, công khai và trực diện. Bảo Cự nói rằng chính quyền cộng sản đã làm khi không chịu nhìn nhận sự hiện diện hợp pháp của một đối lập dân chủ. Bảo Cự cũng thách đố chính quyền để cho đối lập Việt Nam có được một tờ báo. Đảng cộng sản đã có hơn hai trăm tờ báo bên đảng mà không dám chấp nhận một tờ báo đối lập là một sự nhát sợ và một thủ nhận không có chính nghĩa. Bảo Cự cũng cảnh giác chính quyền cộng sản là nên chấm dứt ngôn ngữ nước đôi đối với cộng đồng người Việt hải ngoại. Không thể một mặt tuyên bố cộng đồng người Việt hải ngoại là những đứa con thân thương của đất nước, mặt khác lại truy bức tất cả những ai

có liên hệ với hải ngoại. Thái độ đó không đánh lừa được cộng đồng người Việt hải ngoại càng ngày càng trưởng thành. Bảo Cự quả quyết trong đại bộ phận các tổ chức hải ngoại đều là những cơ cấu thành thực, yêu nước, có trách nhiệm và có lập trường đúng đắn. Chính quyền nên trân trọng lắng nghe những tiếng nói từ cộng đồng người Việt hải ngoại thay vì tiếp tục thái độ nghi kỵ và thù địch như từ trước đến nay. Bảo Cự cũng nhắc lại niềm tin chắc chắn của ông là dân chủ, nhân quyền, lẽ phải sẽ thắng. Đi ngược trào lưu tiến hóa bất khả kháng đó là chuốc lấy thất bại chắc chắn.

Nhà cầm quyền cộng sản cũng đã không lường được phản ứng của các thân hữu của Bảo Cự. Những hăm dọa của họ đã hoàn toàn không có tác dụng trên những người bạn cùng chí hướng với Bảo Cự. Thay vì xa lánh Bảo Cự, họ đã liên đới chặt chẽ hơn với Bảo Cự. Khi điện thoại của Bảo Cự bị cắt, họ đã cùng với Bảo Cự phản đối và cuối cùng chính quyền đã phải nhượng bộ. Không phải chỉ riêng những trí thức thân cận tại Đà Lạt, mà tất cả mọi trí thức dân chủ tại Sài Gòn, tại Hà Nội đều đã không ngần ngại bày tỏ cảm tình và sự gắn bó với Bảo Cự. Cũng trong tinh thần đối lập công khai và trực diện, và để phản ứng lại những áp lực trên Bảo Cự, đầu tháng 12 này các trí thức dân chủ Việt Nam sẽ tung bùng đón tiếp Hà Sĩ Phu trở về sau một năm tù. Đây cũng là một cơ hội để đối lập dân chủ Việt Nam khẳng định sự hiện diện công khai và thách đố của mình. Vụ Bảo Cự đã có tác dụng đẩy thêm một bước quá trình hình thành của một mặt trận đối lập dân chủ tại Việt Nam.

Trường hợp Bảo Cự là dịp để chúng ta nhìn rõ hơn một số vấn đề:

Trước hết về con người Bảo Cự. Cho đến nay, dưới mắt nhiều người, Bảo Cự là một nhà văn. Cái nhìn đó không đúng. Bảo Cự không phải là một nhà văn, hay đúng hơn không phải chỉ là một nhà văn, trước hết ông là một người tranh đấu cho dân chủ và một nhà lý luận. Các tác phẩm của ông có giá trị văn học nhưng viết văn không phải là sở thích của Bảo Cự. Trong hoàn cảnh hiện nay, như mọi người đối lập trong nước Bảo Cự đã phải tranh đấu chủ yếu bằng ngòi bút. Ông viết hay, nhưng ông còn có thể đóng góp nhiều hơn nữa. Chúng ta có thể chờ đợi rất nhiều ở Bảo Cự. Trong thời gian gần đây, Bảo Cự đã là một trong những người xông xáo nhất trong cuộc vật lộn gay go với chế độ cộng sản. Ông lúc nào cũng là người đi đầu, đẩy lùi mức độ khống chế của chính

quyền cộng sản, giành lấy một phần đất, và ngay khi các anh em khác đã tiến lên chiếm cứ phần đất đó, Bảo Cự lại tiến thêm một bước nữa. Từ một năm nay, Bảo Cự là một trong những người đối lập mạnh bạo nhất trong nước. Nhiều người lo lắng cho ông, có người trách ông quá liều lĩnh. Nhưng Bảo Cự không phải là con người nông nổi. Ông hiểu rằng phải đánh tan sự sợ hãi, phải giành giật từng thước đất cho cuộc vận động dân chủ và phải chấp nhận trả giá nếu cần.

Thứ hai là cuộc vận động dân chủ đã đạt nhiều thắng lợi rất khả quan trong thời gian qua, mặc dầu chủ trương cứng rắn của phe thủ cựu tạm thời chiếm được thế áp đảo trong Đại Hội VIII. Cuộc vận động dân chủ đã có đội ngũ hơn, đã có phối hợp hơn. Sự vận động dư luận thế giới đã hiệu quả hơn, sự hưởng ứng của dân chúng đã mạnh mẽ hơn, gây tin tưởng cho các thành phần dân chủ trong nước, tạo ra lương tâm day dứt ngay trong hàng ngũ cộng sản và đã buộc đảng cộng sản phải chùn tay trong chính sách đàn áp. Hoàng Minh Chính, Đỗ Trung Hiếu, Hà Sĩ Phu, Lê Hồng Hà và ngay cả Hòa Thượng Quảng Độ đã chỉ phải chịu những bản án rất nhẹ so với những bản án dành cho những người đối lập vài năm trước. Sự hy sinh dũng cảm của những Đoàn Viết Hoạt, Nguyễn Đan Quế, Nguyễn Đình Huy, Phạm Thái, Tuệ Sỹ, Lê Mạnh Thát, Đoàn Thanh Liêm, Nguyễn Ngọc Lan, Chân Tín... đã không vô ích. Lần đầu tiên trong vụ án Hà Sĩ Phu và Lê Hồng Hà, nhiều tiếng nói công khai ngay từ trong nước đã vang lên bênh vực những người mắc nạn. Lần đầu tiên các luật sư đã biện hộ một cách hăng say và thẳng thắn. Bối cảnh chính trị của Việt Nam đã thay đổi.

Thứ ba là tầm quan trọng đặc biệt của vụ đụng độ đang diễn ra giữa Bảo Cự và chính quyền cộng sản. Bằng cách hiện ngang nhìn nhận mình là một người đối lập dân chủ và, hơn nữa, tuyên bố tiếp tục là một người đối lập trong mọi tình huống, Bảo Cự đã đặt ra cho chính quyền cộng sản một vấn nạn rất mới. Bất ông, đảng cộng sản mặc nhiên thừa nhận họ tiếp tục chính sách đàn áp thô bạo và sẽ phải gánh chịu những hậu quả nghiêm trọng. Để ông yên, đảng cộng sản đã mặc nhiên phải chấp nhận sự hiện diện của một đối lập dân chủ trong nước. Sự kiện này sẽ mở ra một cục diện rất mới. Bảo Cự đang đứng trên tuyến đầu của một cuộc công phá trọng đại, ông cần được hỗ trợ của mọi người dân chủ Việt Nam.

Sau cùng cộng đồng người Việt hải ngoại sẽ phải phản ứng thế nào trong trường hợp nhà cầm quyền cộng sản bách hại Bảo Cự?

Trước hết chúng ta cần ý thức rõ rệt trọng lượng của chúng ta đối với đất nước. Trong hơn 21 năm qua, chúng ta đã viện trợ cho quốc nội hơn bất cứ một cường quốc nào, hay một định chế quốc tế nào. Có thể chúng ta đã viện trợ cho quốc nội tương đương với tổng số ngoại viện mà Việt Nam đã nhận được từ thế giới nếu trừ ra khoản viện trợ có mục đích chính trị từ Liên Xô trước đây. Chúng ta có quyền đòi hỏi ở nhà cầm quyền cộng sản một thái độ biết điều. Trên thực tế, chúng ta đã chỉ gặp một cách đối xử thô lỗ. Hạch hỏi, làm khó trong việc cấp chiếu khán; khám xét, đọc thư riêng, tịch thu tại cửa khẩu; trấn lột trong những chi phí cư trú, di chuyển, tham quan danh lam thắng cảnh, v.v... Vừa thô lỗ lại vừa giả dối. Một mặt nhà cầm quyền nói cộng đồng người Việt hải ngoại là một bộ phận thân thương của đất nước, nhưng mặt khác họ bức bách tất cả những ai có liên lạc với hải ngoại. Đỗ Trung Hiếu bị kết án vì đã phổ biến bài viết ra hải ngoại chứ không phải vì nội dung những bài ông viết. Hà Sĩ Phu, Lê Hồng Hà thực ra cũng đã chỉ bị tù vì đã liên hệ với hải ngoại. Và giờ đây Bảo Cự, trong suốt các cuộc thẩm vấn đã bị hạch sách rất nhiều vì những quan hệ của anh với hải ngoại. Các cơ quan ngôn luận chính thức của nhà nước cộng sản gần đây còn công khai coi cộng đồng người Việt hải ngoại là thù địch. Trên thực tế, trong đại bộ phận chúng ta đã chỉ nói tiếng nói xây dựng, ôn hòa, hợp tình hợp lý. Đến một lúc nào đó chúng ta phải nhất trí với nhau về một cách phản ứng trước một thái độ không chấp nhận được.

Phản ứng của chúng ta sẽ có tác dụng. Một quyết định chung ngừng gọi tiền hay thăm viếng Việt Nam trong một thời gian có thể gây khó khăn không nhỏ cho chế độ. Những vận động đồng bộ dư luận quốc tế và các chính phủ dân chủ lên án những vi phạm nhân quyền cũng có khả năng tạo áp lực lớn lên chế độ và gián tiếp gây những thiệt hại đáng kể. Tất cả những phối hợp trên qui mô lớn đó giờ đây chúng ta đã bắt đầu có thể làm được vì cộng đồng đã trưởng thành hơn.

Anh em dân chủ trong nước và đồng bào trong nước đặt kỳ vọng rất nhiều ở cộng đồng người Việt hải ngoại. Chúng ta không có quyền để anh em và đồng bào trong nước thất vọng.

Thông Luận

Thất bại của một chính sách vô trách nhiệm: Dân Việt Nam luôn luôn đói

Từ 13 đến 17-11-1996 thượng đỉnh toàn cầu đầu tiên về lương thực đã được tổ chức tại Rome, trụ sở của Tổ Chức Lương Nông (FAO), thuộc Liên Hiệp Quốc, chuyên lo về các vấn đề thực phẩm và nông nghiệp, nghĩa là vấn đề bao tử của nhân loại. Vào ngày đầu tiên của thượng đỉnh, các nước tham dự đã ra một tuyên ngôn về an ninh lương thực cho toàn cầu: "Mọi cá nhân đều có quyền đạt đến một số lương thực có vệ sinh và đủ dinh dưỡng... Tám trăm triệu người trên thế giới, nhất là tại các nước kém mở mang, không đủ lương thực để thỏa mãn nhu cầu thực phẩm căn bản, là một điều không dung thứ được."

Số người đói - theo tiêu chuẩn tiêu thụ dưới 2.400 calorie một ngày- tại Châu Phi nam Sahara gia tăng từ 100 triệu năm 1970 lên gần 200 triệu năm 1990 và sẽ đạt tới gần 300 triệu năm 2010. Tại Châu Á, khuynh hướng lại giảm: số người đói gần một tỉ năm 1970 xuống còn gần 600 triệu năm 1990, và khoảng 300 triệu năm 2010. Theo FAO, một cách tổng quát, số người đói trên thế giới có khuynh hướng giảm. Tuy nhiên, chính sách của các nước phát triển và tình trạng tại Trung Quốc cũng như tại Châu Phi nam Sahara đặt ra một vài ẩn số và vấn đề cho cố gắng giải quyết nạn đói. Cuộc toàn cầu hóa sẽ đem lại một số nguy cơ trầm trọng hóa nạn đói thế giới. Tổ Chức Mậu Dịch Toàn Cầu (OMC/WTO) đưa ra một chính sách giảm dần các viện trợ lương thực. Thật vậy, Thỏa Hiệp Marrakech (1994), kết thúc chu kỳ Uruguay - các hoạt động này nằm trong khuôn khổ Thỏa Hiệp Tổng Quát Về Thuế Biểu Và Mậu Dịch (GATT), tiền thân của Tổ Chức Mậu Dịch Toàn Cầu - đã quy định rằng các xuất khẩu lương thực được trợ cấp phải giảm xuống 21%.

Trung Quốc chiếm 20% dân số thế giới, trong khi đó chỉ có 8% đất cày cấy được. Vào năm 1995, Trung Quốc đã nhập khẩu 12 triệu tấn lúa thóc, khoảng 13% số dự trữ trên thế giới. Vào thế kỷ 21, theo dự phóng bi quan của Lester R. Brown, giám đốc World Watch Institute, một trung tâm nổi tiếng thế giới nghiên cứu về nhân khẩu học và môi sinh tại Hoa Kỳ, Trung Quốc sẽ nhập 200 triệu tấn, tương đương với tổng số nhập khẩu lúa thóc thế giới hiện nay. Trung Quốc cần nhiều đầu tư để

bảo trì hồ chứa nước (84.600 hồ) và để điều (246.000 km). Ngoài ra để gia tăng hiệu năng sản xuất nông nghiệp, nước này cần rất nhiều vốn để đầu tư vào các ngành nghiên cứu và truyền bá các kỹ thuật mới, các nhu cầu về phân bón, thuốc trừ sâu và gia tăng diện tích đất trồng trọt.

Nạn đói tại Châu Phi càng ngày càng gia tăng, nhất là vùng nam Sahara. Tại đây, ngoài lý do thời tiết và đất đai xấu, còn lý do vệ sinh, y tế làm cho dân càng ngày càng kém sức khỏe: đó là vấn nạn thiếu sinh tố A làm cho người bệnh bị mù; thiếu chất sắt, làm trẻ sơ sinh chết hoặc tăng trưởng kém; thiếu iode, sinh ra bệnh bướu ở cổ và làm trẻ con thành đần độn.

Tại Việt Nam, năm 1995, số gạo sản xuất giảm 1,7% vì lý do thời tiết xấu, trong khi đó số gạo xuất khẩu tăng lên ít nhất 20%, và dân số tăng 2,2%. Với những dữ kiện trên, các chuyên gia đi đến kết luận là bình quân một đầu người tiêu thụ nhiều nhất là 272 kg gạo một năm, trong khi nhu cầu tối thiểu là 365 kg, nghĩa là 25% dưới tiêu chuẩn đủ no. Trong một báo cáo, Ngân Hàng Thế Giới cho rằng 50% dân Việt Nam sống dưới mức nghèo và 25% không đủ ăn (*Vietnam: Poverty Assessment and Strategy*, WB, Washington D.C., 1-1995).

Theo Gabriel Kolko, trong bài "Thất bại của một chính sách vô trách nhiệm: dân Việt Nam luôn luôn đói" [*Fiasco d'une politique irresponsable: Toujours moins de riz pour les Vietnamiens*, Le Monde diplomatique, số 508, tháng 7-1996, Paris], có nhiều lý do giải thích tình trạng này. Trước hết, đó là sự sai lầm của chính sách duy ý chí "tất cả cho xuất khẩu". Vì lý do muốn thâm nhập ngoại tệ, Bộ Chính Trị đã chỉ định số lượng gạo cần phải xuất khẩu trong năm tới mà không thêm để ý đến số gạo sẽ sản xuất được. Vì nhu cầu ngoại tệ càng ngày càng nhiều nên số lượng gạo xuất khẩu càng ngày càng tăng. Từ năm 1989 đến 1995, trung bình số gạo xuất khẩu tăng 10% một năm, gấp đôi số gia tăng sản xuất. Ngoài ra lại còn tệ nạn bán lậu gạo qua Trung Quốc - vì tại đây giá gạo cao hơn ở Việt Nam 30%. Các thuyền của hải quân cũng tham gia chuyên chở gạo qua bán cho nước láng giềng phương Bắc. Vào giữa năm 1995, 700.000 tấn gạo đã được đem bán cho Trung Quốc. Số gạo

này tương đương với số gạo cần phải có để nuôi miền Bắc trong trường hợp mất mùa.

Tình trạng bi đát này có nguy cơ kéo dài vì Bộ Chính Trị cho rằng họ đã có chọn lựa đúng và không cần thay đổi chính sách xuất khẩu nông phẩm. Năm 1984, số gạo tiêu thụ mỗi đầu người là 303kg/năm, năm 1995 chỉ còn 272 kg/năm, nghĩa là giảm xuống 10% trong 10 năm. Theo đà này thì nạn đói năm Ất Dậu sẽ không còn là cơn ác mộng của quá khứ mà có thể thành hiện thực trong tương lai gần.

Ngoài ra, vào tháng tư 1995, Việt Nam đã ký Thỏa Hiệp Hợp Tác Phát Triển Sông Mêkong với ba nước Campuchia, Lào và Thái (*Người Việt và kế hoạch khai thác sông Mêkong của Liên Hiệp Quốc*, Phạm Phan Long, báo Thế Kỷ 21, số 87, 7/96, Hoa Kỳ). Theo thỏa hiệp này, các thành viên sông Mêkong sẽ chỉ thông báo cho nhau trước khi dẫn nước vào vùng của mình trong mùa mưa, và chỉ tham vấn nhau trước khi dẫn nước tưới ruộng vào mùa khô. Điều này rất nguy hiểm cho nông nghiệp đồng bằng Cửu Long vì các nước ở thượng nguồn như Thái, chỉ cần tham vấn trước, nhưng không cần đợi chấp thuận - vì Thỏa Hiệp không đề cập những biện pháp trừng phạt khi có tranh chấp - có thể dẫn nước vào ruộng trong mùa khô, và do đó, làm giảm lưu lượng sông Mêkong. Đồng bằng Cửu Long sẽ thiếu nước, sẽ bị nước mặn dâng lên làm hư lúa và đất màu. Đây là một vấn nạn cho Việt Nam, nếu không có biện pháp hữu hiệu ngăn chặn kẻ hở này của Thỏa Hiệp thì Việt Nam có thể rơi vào nạn đói trầm trọng. Các công trình này còn đe dọa môi sinh của các nước trong vùng. Ông Phạm Phan Long kêu gọi các chuyên viên hải ngoại thành lập các hiệp hội không chính phủ, với mục tiêu nghiên cứu những đe dọa cho môi sinh các nước liên hệ gây ra bởi Dự Án Mêkong, theo sát các kế hoạch và hoạt động khai thác sông Mêkong, đóng góp kinh nghiệm, kiến thức, phân tích và phê bình trong tinh thần khoa học và trách nhiệm vào các kế hoạch đề ra. Chúng ta cần tích cực hỗ trợ việc thành lập các hiệp hội này.

Ấn đù no là nhân quyền tự nhiên căn bản. Đem lại cho dân Việt Nam cái quyền này là phương cách xây dựng nền móng dân chủ một cách vững chắc nhất.

Huỳnh Hùng

Giã từ Hồng Kông

Nguyễn Phi Phụng

Chỉ còn độ 200 ngày nữa là đảo Hương Cảng sẽ được trả lại cho Trung Quốc vào ngày 1-7-1997 theo bản tuyên bố chung giữa cựu thủ tướng Anh, bà Margaret Thatcher, và ông Triệu Tử Dương ký ngày 19-12-1984 ở Bắc Kinh.

Đảo Hương Cảng sẽ trở thành một khu hành chính đặc biệt có nền "tự trị cao độ" trực thuộc chính quyền Trung Quốc và được giữ hệ thống hiện nay trong 50 năm. Đó là thể chế do ông Đặng Tiểu Bình sáng chế ra "một nước, hai thể chế" (yi-guo, liang-zhi).

Việc giao trả Hương Cảng được chính quyền Bắc Kinh khai thác triệt để. Vào cuối năm 1994, họ cho xây cất một đồng hồ nằm bên cạnh Viện Bảo Tàng lịch sử ở Quảng Trường Thiên An Môn để cho dân chúng và du khách xem giờ khắc cho đến ngày 1-7-1997! Nhật báo Nhân Dân, mỗi ngày dành một cột nhỏ để báo độc giả biết số ngày còn lại. Còn người Hương Cảng, trải lại mỗi ngày lại lo âu hoảng sợ không biết ngày mai ra sao. Lê ra, họ phải hành diện và sung sướng trở thành công dân một nước độc lập có chủ quyền sau 150 năm bị người Anh đô hộ.

Sự lo âu của họ cũng có cơ sở vì chính quyền Bắc Kinh đã dần dần từ bỏ những gì mà họ đã ký. Chẳng hạn như ông chủ tịch hành pháp và Ủy Ban Lập Pháp (Legco) lê ra phải do dân bầu, nhưng Bắc Kinh đã dùng thủ đoạn để bỏ nhiệm. Điều nghiêm trọng hơn nữa là họ đã cho giải tán Ủy Ban Lập Pháp trong đó một phần ba thành viên được dân cử trong năm 1995.

Tự do dân chủ là điều tối kỵ ở các chế độ độc tài trong khi nhân loại bắt đầu sang thế kỷ thứ 21.

Trong bài viết này, chúng ta hãy tìm hiểu lý do tại sao Hương Cảng được trả lại cho Trung Quốc và tại sao người Hương Cảng không sung sướng trở về đất mẹ.

Vài dòng lịch sử

Hương Cảng được gọi là "Hòn ngọc Viễn Đông" nằm bên cạnh tỉnh Quảng Đông. Cách đây 2000 năm, đảo trực thuộc huyện Phiên Ngưu trước khi trực

thuộc huyện Tân An, tỉnh Quảng Đông, dưới các triều đại nhà Minh và nhà Thanh.

Diện tích toàn diện của đảo là 1.086 km², trong đó bán đảo Hương Cảng 80 km², bán đảo Cửu Long (Kowloon) 48 km² và khu Tân Địa (Nouveaux Territoires) số diện tích còn lại. Khu Tân Địa chiếm hơn 90% diện tích toàn đảo.

Bán đảo Hương Cảng trở thành thuộc địa của Anh sau chiến tranh nha phiến lần thứ nhất (1840-1842) do hòa ước Nam Kinh ký ngày 29-8-1842, dưới triều vua Đạo Quang (1821-1851). Phải nói vào cuối thế kỷ thứ 18, đầu thế kỷ thứ 19, dưới triều vua Gia Khánh (1796-1821), nhà Thanh đang lúc mặt vận so với hai triều đại hưng thịnh trước đó của các vua Khang Hy (1662-1723) và Càn Long (1736-1796).

Trong nước, giặc già nổi dậy khắp nơi. Bên ngoài, các cường quốc Tây Phương buộc nhà Thanh phải mở cảng buôn bán. Trong bối cảnh đó, cảng Quảng Châu "được" mở rộng để người Anh tung hoành bán nha phiến. Tổng đốc tỉnh Quảng Châu, Lâm Tắc Từ (Lin Ze-xu), ra lệnh cấm bán nha phiến nhưng bị triều đình Thanh cất chức năm 1840 và thay bằng quan đại thần Khải Thiện (Qi Shan) "cởi mở" hơn. Lâm Tắc Từ, một quan lại sáng suốt, đã ước tính trong năm 1839 người dân Trung Hoa đã chi tiêu 100 triệu tiền taël cho thuốc phiện trong khi ngân quỹ nhà nước chỉ có độ 40 triệu taël. Ông có lần tuyên bố "nếu để tình trạng này kéo dài thì Trung Hoa trong vòng mười năm không những không còn binh lính để chống lại kẻ thù mà còn không đủ tiền để trang bị quân đội".

Ngoài việc chiếm bán đảo Hương Cảng, người Anh còn đòi nhà Thanh bồi thường 21 triệu USD. Liên tục sau đó, các cường quốc Âu Mỹ được buôn bán tự do ở bốn hải cảng khác: Quảng Châu, Thượng Hải, Hạ Môn (Amoy), Phúc Châu. Các hội truyền giáo cũng được chính thức hoạt động. Tuy đã được nhà Thanh nhượng bộ, các cường quốc vẫn không hài lòng, tiếp tục kiếm cớ để

chiếm thêm lãnh thổ mới.

Đó là cuộc chiến tranh nha phiến lần thứ hai (1856-1860). Quân Anh và Pháp tiến chiếm thủ đô Bắc Kinh và đốt trụ Di Hòa Viên (Palais d'Été). Vua Hàm Phong (1851-1861), phu quân bà thứ phi Từ Hi Thái Hậu, phải bỏ chạy về Jehol (nay là Thử Đức, phía bắc Bắc Kinh) và chết ở đó.

Kết quả của cuộc chiến tranh nha phiến lần thứ hai còn trầm trọng nhiều hơn lần thứ nhất. Mười một hải cảng mới được mở thêm, trong đó có Thiên Tân và Hán Khẩu. Hàng hóa ngoại quốc được tự do lưu hành trên toàn lãnh thổ. Riêng về người Anh, họ đòi nhà Thanh phải nhường vĩnh viễn bán đảo Cửu Long qua công ước (convention) Bắc Kinh ký ngày 24-10-1860. 38 năm sau, người Anh lại làm áp lực buộc triều đình Bắc Kinh cho thuê (bail) trong 99 năm Tân Thế Giới (New World) qua công ước Bắc Kinh ký ngày 9-6-1898.

Như thế toàn đảo Hương Cảng thuộc về người Anh từ đó.

Lý do Hương Cảng được trao trả

Sau khi cách mạng Tân Hợi (1911) thành công, theo đó vua cuối cùng của nhà Thanh Phổ Nghi (Pu-Yi) thoái vị, nền cộng hòa được thành lập.

Các chính quyền liên tục từ bác sĩ Tôn Dật Tiên qua Tưởng Giới Thạch đến Mao Trạch Đông đều có lý do để đòi Hương Cảng được trả về nước mẹ Trung Hoa. Những nhà lãnh đạo này đều lên án các hiệp ước bất bình đẳng nhượng lãnh thổ do nhà Thanh ký. Tuy nhiên, vì nhiều lý do khác nhau, phải đợi 86 năm sau Hương Cảng mới được giao trả.

Bác sĩ Tôn Dật Tiên chỉ cầm quyền trong thời gian ngắn ngủi, hơn nữa ông còn phải đương đầu với nạn sứ quân và chết sớm (tháng 3-1925). Năm 1923, khi đến Hương Cảng, trước sinh viên Đại Học Hương Cảng, ông tuyên bố: "Tôi đã từng thấy thế giới bên ngoài và bắt đầu tự hỏi làm sao người Anh đã biến khối đá "cần côi" này trở nên trù phú như họ đã làm trong 70 hay 80 năm qua trong khi cả nước Trung Hoa trong 4000 năm chẳng sản xuất được bằng".

Chính quyền của Tưởng Giới Thạch (1927-1949) có thái độ hòa hoãn với chính quyền Anh vì cần sự ủng hộ của phương Tây để đối phó với những khó khăn trong và ngoài nước (xâm lược Nhật Bản và đe dọa cộng sản). Tưởng có cơ hội đòi lại Hương Cảng cũng như Đài Loan sau khi Nhật thất trận năm 1945 vì Nhật đã chiếm đảo Hương Cảng từ năm 1941 nhưng chính quyền Anh cương quyết không trả, mặc dù bị tổng thống Roosevelt làm áp lực từ năm 1943. Sau đó Tưởng lại "lờ" đi vì phải lo đối phó với hồng quân của Mao. Thái độ của Tôn Trung Sơn và Tưởng Giới Thạch về Hương Cảng, nơi ẩn náu của các nhà cách mạng và nơi cất giấu tài sản, là muốn dùng đảo làm ngõ nhập vô khí và cửa khẩu mở ra bên ngoài để học hỏi phương thức Âu Tây. Thái độ này tương đối còn có cơ sở. Trái lại, thái độ của Mao đối với Hương Cảng, sau khi làm chủ toàn lãnh thổ Trung Hoa năm 1949, rất khó hiểu. Chính quyền Mao chắc chắn không chờ đợi gì ở Âu Mỹ, nhất là Trung Quốc đứng về phía "chống đế quốc". Tuy nhiên, Mao không những không đòi Hương Cảng mà còn xin hợp tác! Con đường xe lửa Quảng Châu-Cửu Long được mở lại và thương mại giữa hai phía được gia tăng. Tân Hoa Xã có đại diện ở Hương Cảng từ cuối năm 1949; người đại diện này là một "đại sứ" bán chính thức của Bắc Kinh. Sự hợp tác hàng ngày giữa hai chế độ hành chính là một sự công nhận trên thực tế chủ quyền của người Anh, mặc dù thỉnh thoảng chính quyền Bắc Kinh vẫn khẳng định chủ quyền của mình trên Hương Cảng. Phải nói người Anh đã tỏ ra khá khôn khéo trong việc giao tiếp với Mao. Trong thời kỳ nội chiến giữa Mao và Tưởng, người Anh đứng trung lập. Họ là quốc gia đầu tiên của Tây Phương công nhận Cộng Hòa Nhân Dân ngày 6-1-1950. Trong cuộc chiến tranh ở Triều Tiên (1950-1953), người Anh chỉ tham dự với một đội quân nhỏ và chính thủ tướng Anh Attlee đã can thiệp với tổng thống H. Truman để cất chước tướng Mc Arthur, người có ý định dùng bom nguyên tử trong cuộc chiến nói trên.

Có lẽ vì nhờ thái độ mềm dẻo của người Anh mà Bắc Kinh cũng "lờ" đi việc đòi lại Hương Cảng, hơn nữa còn

phải tập trung xây dựng "xã hội chủ nghĩa" trong nước. Phải đợi đến tháng 3-1979, vấn đề Hương Cảng tình cờ được bàn đến. Nhân cuộc viếng thăm Trung Quốc, thống đốc đảo, Sir Murray McLehose, lấy sáng kiến bàn với Đặng Tiểu Bình về việc mãn hạn thuê của Thế Giới Mới với lý do là thời hạn thuê bất động sản thường kéo dài 15 năm và các nhà kinh doanh cần có sự bảo đảm về đầu tư của họ. Tiếp theo đó, tháng 9-1982, bà Margaret Thatcher đi Bắc Kinh gặp Đặng Tiểu Bình. Hai bên đồng ý thương lượng về tương lai của Hương Cảng với mục đích là duy trì ổn định và phồn thịnh của đảo. Các nhà lãnh đạo Bắc Kinh bắt đầu suy nghĩ tìm một giải pháp vừa lấy lại chủ quyền vừa đảm bảo được sự phồn thịnh của đảo.

Sau đại hội lần thứ 12 (tháng 9-1982), hiến pháp Trung Quốc được tu chỉnh, cho phép thành lập các "vùng hành chính đặc biệt" trong xứ. Hai bên bắt đầu thương lượng về tương lai của Hương Cảng. Quan điểm của Bắc Kinh là các hiệp ước bất bình đẳng trước kia đều không có hiệu lực, chủ quyền của Hương Cảng thuộc về Trung Quốc, người Anh không có vai trò nào về hành chính khi đảo được giao trả lại. Về điểm này, chính phủ Anh trong lúc đầu không đồng ý. Thái độ cứng rắn của Bắc Kinh có thể giải thích bởi sự thay đổi nhân sự của cơ quan phụ trách về Hương Cảng và Ma Cao. Liêu Thừa Chí, con của hai nhân vật cánh tả thời Tưởng Giới Thạch là ông Liêu Trọng Khải và bà Hà Hương Ngung, vừa vào Bộ Chính Trị ở đại hội thứ 12, lại từ trần vào tháng 6-1983. Góc người Quảng Đông, Liêu Thừa Chí phụ trách cơ quan này từ nhiều năm nên rất am tường tình hình Hương Cảng. Trong thời gian nội chiến quốc-cộng, ông là đại diện của đảng ở Hương Cảng. Người thay ông là Cơ Bằng Phi, cựu bộ trưởng ngoại giao, được Lý Tiên Niệm, chủ tịch nước, đề cử. Cục trưởng Tân Hoa xã ở Hương Cảng, Vương Khuông, cũng được Hứa Gia Đồn, một ủy viên trung ương đảng đương làm bí thư tỉnh ủy Giang Tô, lên thay. Hai người này không phải người gốc Quảng Đông nên chẳng am tường gì về Hương Cảng. Sự thay đổi nhân sự lại nằm trong bối cảnh tranh chấp quyền lực giữa Hồ Diệu Bang, tổng thư ký đảng lúc đó, và Triệu

Tử Dương, thủ tướng chính phủ.

Chính sách thu hồi Hương Cảng của Bắc Kinh

Sau khi bỏ nhiệm các nhân vật mới phụ trách về Hương Cảng và Ma Cao, Bắc Kinh một mặt thương lượng với Luân Đôn, một mặt đưa cán bộ và cho đầu tư ò ạt vào Hương Cảng. Cái đặc điểm của thương lượng giữa Bắc Kinh và Luân Đôn là không có sự tham dự của dân chúng. Đối với Bắc Kinh điều này cũng dễ hiểu. Họ chưa bao giờ tham khảo ý kiến dân chúng để chọn người lãnh đạo qua một cuộc tổng tuyển cử như các xứ dân chủ. Lại nữa, trong một cuộc thăm dò ý kiến năm 1982, 95% dân chúng Hương Cảng muốn giữ nguyên trạng tình hình hiện nay. Đối với Luân Đôn, người Anh không khuyến khích dân chúng tham gia vào đời sống chính trị, cho nên dân Hương Cảng không có truyền thống tranh đấu chính trị. Công bình mà nói, chính phủ lao động của Anh năm 1946 có ý định cho tu bổ hiến pháp để các thành viên Ủy Ban Lập Pháp (Legco) được bầu thay vì được bổ nhiệm. Tuy nhiên, giới kinh thương chống lại ý định này vì sợ một ủy ban lập pháp do dân bầu có thể sẽ tăng thuế và thiết lập một hệ thống bảo hiểm xã hội làm tổn hại cho nền thương mại. Năm 1954, bộ trưởng Bộ Thuộc Địa có làm một đề nghị tương tự và cũng bị các giới này chống đối.

Hai giai đoạn này cho phép vạch ra vài nét chính của đời sống chính trị của đảo trước khi ký kết bản tuyên ngôn chung 1984. Thêm vào đó, phương thức định dân của đảo làm dân chúng không tha thiết với đời sống chính trị. Sau 1945, dân chúng từ lục địa sang tăng từ 500 ngàn đến 1,8 triệu năm 1947, 2,4 triệu năm 1953, 3,2 triệu năm 1961, 5 triệu năm 1981 và gần 6 triệu năm 1991. Những người này sang Hương Cảng để trốn tránh sự đàn áp chính trị của lục địa và tìm cuộc sống tương đối dễ dàng hơn.

Do tính đặc thù về đời sống chính trị của đảo, Bắc Kinh và Luân Đôn trong nhiều năm đã thương lượng ngầm. Cuối năm 1984, bản tuyên bố chung được hai bên phê chuẩn. Bản này gồm có ba tài liệu phụ nói rõ Hương Cảng, ngoài ngoại giao và quốc phòng, có tất cả mọi quyền kể cả quyền phán quyết của các

tòa án. Tài liệu phụ số một nói rõ là chủ tịch hành pháp và Ủy Ban Lập Pháp sẽ thông qua một tổng tuyển cử. Chế độ kinh tế và tài chính sẽ được giữ nguyên vẹn. Quân Đội Nhân Dân Trung Quốc được đồn trú ở Hương Cảng nhưng chi phí sẽ do Bắc Kinh đài thọ. Ngoài ra quân đội không có quyền can thiệp vào nội tình của Hương Cảng. Các quyền tự do dân sự như tự do báo chí, ngôn luận, biểu tình, đình công... sẽ được đảm bảo. Tài liệu phụ số hai nói về việc thành lập một nhóm liên lạc song phương Bắc Kinh-Luân Đôn để thương nghị các vấn đề trọng đại trong thời kỳ chuyển tiếp. Tài liệu phụ số ba cho phép Hương Cảng có quyền nhượng 50 hecta đất mỗi năm cho đến năm 2047. Bắc Kinh sẽ Luân Đôn trao tặng nhượng đất trong thời gian chuyển tiếp nên đã có sự giới hạn này.

Đầu tháng 7-1985, Bắc Kinh cho thành lập hai ủy ban. Ủy ban đầu là ủy ban soạn thảo đạo luật cơ bản gồm có 59 người trong đó có 36 người lục địa và 23 người Hương Cảng. Ủy ban thứ hai là ủy ban tư vấn về đạo luật cơ bản gồm có 180 người Hương Cảng. Tiêu chuẩn của Bắc Kinh đưa ra là người Hương Cảng phải thuộc thành phần "yêu nước, yêu Hương Cảng". Họ là ai? Trước hết là 26 đại biểu Hương Cảng ở quốc hội Bắc Kinh, những thành viên chính hiệp (chính trị hiệp thương), những thành phần tài phiệt có nhiều vốn đầu tư ở lục địa, những nhân vật bảo thủ đã từng phục vụ chính quyền Hương Cảng nay thay chiều đổi hướng, những thành viên công đoàn tả...

Điều này cũng dễ hiểu vì ủy ban về đạo luật cơ bản có nhiệm vụ soạn thảo các hiến chương của đảo trong tương lai. Do đó Bắc Kinh khống chế ủy ban này để việc soạn thảo các hiến chương đi theo chiều hướng của họ.

Đạo luật cơ bản sau hai lần công bố để tham khảo ý kiến dân chúng (tháng 4-1988 và tháng 2-1989) được Bắc Kinh chấp thuận và chính thức công bố trong tháng 4-1990. Thực ra nói tham khảo ý kiến dân chúng nhưng kỳ thực thời hạn đưa ra quá ngắn nên có rất ít ý kiến đòi hỏi.

Về Ủy Ban Lập Pháp, hai bên đi đến một thỏa hiệp là ủy ban này sẽ gồm có 60 thành viên, trong đó 18 thành viên do

dân bầu trực tiếp trong năm 1991, 20 thành viên trong năm 1995 (Luân Đôn đề nghị 30 nhưng Bắc Kinh giảm xuống 20). Ủy Ban Lập Pháp được bầu năm 1995 có nhiệm kỳ cho đến 1999. Cuối cùng phân nửa thành viên (30) sẽ do phổ thông đầu phiếu năm 2003. So với Ủy Ban Lập Pháp do người Anh bổ nhiệm và tuyển chọn từ trước đến nay trong giới kinh doanh, trí thức, công chức, nghiệp đoàn, tôn giáo... đây là một tiến bộ đáng kể về dân chủ.

Lẽ ra đạo luật cơ bản phải được phê chuẩn trong năm 1989, nhưng sự kiện Thiên An Môn đã làm đảo lộn tình thế. Lần đầu tiên trong lịch sử của đảo, một triệu người xuống đường ủng hộ phong trào đòi tự do dân chủ của sinh viên ở Bắc Kinh. Họ lại còn thu góp được 30 triệu HKD (4 triệu USD) để hỗ trợ sinh viên học sinh lục địa. Khẩu hiệu chính của họ là "Bắc Kinh ngày hôm nay là Hương Cảng của ngày mai".

Điều Bắc Kinh không dự trù là chính nội bộ của họ ở Hương Cảng cũng lung củng. Hai tờ báo do Bắc Kinh kiểm soát là tờ Đại Công Báo và tờ Văn Hối Báo không viết theo đường lối của Bắc Kinh. Hai tổng biên tập và một số ký giả sau đó bị sa thải. Ký giả của Tân Hoa xã cũng xuống đường và cục trưởng Hứa Gia Đồn, một đại sứ bán chính thức, lên tiếng công khai ủng hộ đường lối của tổng thư ký Triệu Tử Dương. Khi vị tổng thư ký này bị cất chức, ông Đồn bị gọi về Bắc Kinh. Thay vì trở về lục địa, ông Đồn xin tỵ nạn chính trị ở Hoa Kỳ vào đầu tháng 2-1990. Có thể nói đây là một nhân vật cao cấp nhất của đảng xin tỵ nạn ở nước ngoài. Cách đây ngoài một năm, Hứa Gia Đồn cho xuất bản hai tập hồi ký dày 660 trang về cuộc hoạt động của ông ở Hương Cảng. Sách ông được liệt vào loại sách bán chạy nhất trong giới Hoa kiều. Người được Bắc Kinh cho thay là ông Châu Nam, một ủy viên trung ương đảng. Lỗ Bình cùng thay Cơ Bằng Phi phụ trách về Hương Cảng và Ma Cao ở Bắc Kinh.

Bắc Kinh trở mặt

Theo đạo luật cơ bản dự trù, 18 thành viên của Ủy Ban Lập Pháp phải do dân bầu trực tiếp trong năm 1991. Một cuộc tuyển cử được tổ chức ngày 15-9-1991. Đảng Liên Hiệp Dân Chủ Hong Kong

(UDHK), do luật sư Lý Trụ Minh (Martin Lee) lãnh đạo, chiếm 11 ghế. Ngoài ra, 6 ghế khác do những ứng cử viên dân chủ độc lập chiếm.

Phong trào đấu tranh cho dân chủ hoàn toàn thắng thế. Một sự kiện tình cờ khác làm phong trào dân chủ càng lớn thêm sau đó. Cựu chủ tịch đảng bảo thủ Anh, ông Chris Patten, bị thất cử hồi tháng 4-1992 mặc dù đảng của ông có đa số ghế ở quốc hội. Ông Patten được thủ tướng Anh John Major bổ nhiệm thay thế thống đốc David Wilson trong tháng 7. Đầu tháng 10-1992, ông Patten trình bày trước Ủy Ban Lập Pháp một dự án cải tổ hiến pháp của đảo. Dự án đề nghị nới rộng quyền kiểm soát của Ủy Ban Lập Pháp trên Ủy Ban Hành Pháp (Exco), đồng thời bãi bỏ sự kiêm nhiệm chức vụ ở hai ủy ban nói trên và cho thành lập nhiều ủy ban để kiểm soát chính phủ. Về thể thức chọn ứng cử viên trong năm 1995, ông Patten đề nghị nới rộng quyền cử tri cho tất cả người thay vì chỉ dành riêng cho thành viên của hội đồng quản trị ở chín nghiệp đoàn. Tuổi của cử tri cũng được hạ xuống 18 tuổi.

Trong dịp viếng thăm Bắc Kinh, dự án của ông Patten bị các nhà lãnh đạo Trung Quốc bác bỏ toàn bộ. Lỗ Bình còn hăm dọa sẽ đơn phương thành lập Ủy Ban Lập Pháp, cơ quan tư pháp và Ủy Ban Hành Pháp tương lai của đảo. Tuy bị Bắc Kinh bác bỏ, Patten vẫn tiếp tục đường lối của mình và đã được Ủy Ban Lập Pháp của đảo ủng hộ.

Bắc Kinh trái lại, cho thành lập trong năm 1993 một ủy ban công tác trừ bị gồm có 57 người. Điều làm người ta chú ý là các chủ tịch, phó chủ tịch và tổng thư ký của ủy ban là Tiền Kỳ Tham, phó thủ tướng kiêm ngoại trưởng, Châu Nam và Lỗ Bình! Các thành viên khác gồm những thành phần tài phiệt có tài sản từ 2 đến 4 tỷ USD như Lý Gia Thành (Li Ka Shing), Hoắc Anh Đông (Henry Fok), Chung Sĩ Nguyên (Sze Yuen Chung), Đổng Kiến Hoa (Tung Chee Hwa), La Đức Thừa (Lo Tak Shing), Quách Bính Tường (Walter P.S. Kwok), Quách Hạc Niên (Robert Kwok Hock Nien) v.v...

Trong thời gian đó, Bắc Kinh và Luân Đôn vẫn tiếp tục thương lượng với kết quả là hai bên quyết định gián đoạn

thương thuyết sau 17 buổi họp trong năm 1993.

Cuộc tuyển cử bầu 20 thành viên của Ủy Ban Lập Pháp được tổ chức trong tháng 9-1995. Đảng Dân Chủ và đồng minh chiếm 17 ghế. Ba ghế còn lại được đảng Liên Minh Dân Chủ Cải Thiện Hương Cảng (DAB), một đảng mới thân Bắc Kinh, chiếm hai ghế, và Đảng Tự Do của ông Lý Bằng Phi (Allen Lee Peng Fei) chiếm một ghế. Điều đáng kể là số cử tri tham gia bầu phiếu quá kém (35,8%) và ba người lãnh đạo của DAB bị thất cử. Đó là các ông Tăng Ngọc Thành (Tsang Yok Sing), Đàm Diệu Tông (Tam Yiu Chung) và Trình Giới Nam (Cheng Kai Nam). Ủy Ban Lập Pháp trong năm 1995 gồm có 28 người của Đảng Dân Chủ vừa được bầu và bổ nhiệm so với 16 thành viên xa gần của DAB và 16 thành viên của Đảng Tự Do.

Trước tình trạng này, Bắc Kinh tuyên bố giải tán Ủy Ban Lập Pháp và tiến thêm một bước mới khác là cho thành lập đầu tháng Giêng 1996 một ủy ban trừ bị nói rộng gồm có 150 người, trong đó có 94 người của Hương Cảng và 56 người của Bắc Kinh. Chủ tịch, phó chủ tịch và tổng thư ký cũng lại là ba nhân vật trước đó. Giới tài phiệt cũng được nói rộng. Theo một nhà báo Hương Cảng, tài sản của 21 người thuộc giới tài phiệt trong ủy ban chiếm 36% giá trị thị trường chứng khoán của đảo. Các đại diện của đảng Dân Chủ vừa thắng cử đều bị loại. Ủy ban này được Giang Trạch Dân tiếp đón trọng thể ở Chu Hải và người ta để ý đến sự bắt tay nồng hậu giữa ông chủ tàu buôn Đồng Kiến Hoa (Tung Chee Hwa) và Giang Trạch Dân. Đối với Bắc Kinh, ủy ban trừ bị này thành lập để tuyển chọn 400 nhân vật trong đó có 340 người Hương Cảng. Ủy ban này còn có nhiệm vụ "bầu" ông chủ tịch hành pháp, Ủy Ban Lập Pháp và Ủy Ban Hành Pháp.

Theo một tờ báo Hương Cảng, trong 340 người Hương Cảng có 260 người thân Bắc Kinh, giới đối lập hoàn toàn vắng mặt. Trong cuộc bầu cử vòng đầu giữa tháng 11 vừa qua, ông Đồng Kiến Hoa được 206 phiếu, trước đối thủ về thứ hai với 82 phiếu của ông đại thẩm phán Dương Thiết Lương (Yang Ti Liang). Số phiếu còn lại được chia cho 6 nhân vật khác. Như vậy, ông Đồng

Kiến Hoa chắc chắn sẽ trở thành chủ tịch hành pháp của đảo trong vòng hai được bầu vào ngày 11-12 sắp đến. Tất cả những điều này hoàn toàn trái ngược với những điều mà Bắc Kinh đã ký kết cũng như họ thường nói: "người Hương Cảng trị Hương Cảng". Thực sự là giới kinh tài do Bắc Kinh chỉ định để trị người Hương Cảng. Thật là một điều mỉa mai cho người Hương Cảng.

Tương lai của Hương Cảng

Với ngoài 6 triệu dân, tổng sản lượng Hương Cảng chiếm 20% tổng sản lượng Trung Quốc với 1,2 tỷ người. Lợi tức đầu người của người dân Hương Cảng vượt 30 lần hơn đầu người của Trung Quốc với ngoài 15.000 USD/năm. Nền kinh tế của đảo đứng vào hàng thứ 8 trên thế giới. Ngoại thương trong năm 1994 lên tới 313 tỷ USD, vượt cả nền ngoại thương của Bắc Kinh (237 tỷ). Dự trữ ngoại tệ trên 80 tỷ USD. Hương Cảng đứng hạng thứ hai trên thế giới sau Singapore về số lượng thùng trọng tải hàng hải (container) và hạng thứ ba về doanh thương tài chính. Số ngân hàng tại đảo còn nhiều hơn ở Paris hay Tokyo với 560, trong đó có 360 chi nhánh ngân hàng ngoại quốc.

Phi trường Khải Đức (Kai Tak) là một trong những phi trường tấp nập nhất của thế giới với trên 18 triệu khách/năm. Một phi trường mới ở Xích Lạp Giác (Chek Lap Kok) đang được xây cất ở đảo Lan Tau với chi phí 20 tỷ USD để giải tỏa phi trường Khải Đức và sẽ được hoàn tất vào năm 2006.

Số báo chí và tạp chí không thua bất cứ quốc gia nào trên thế giới. Trong năm 1993, có 77 nhật báo và 619 báo định kỳ. Tỷ lệ người có điện thoại đứng vào hàng các nước tiên tiến (cứ hai người có một điện thoại). Ngoài ra, hệ thống tư pháp được coi là vô tư nhất thế giới.

Tóm lại, nền kinh tế của Hương Cảng thuộc vào các nước phồn thịnh nhất và người dân của đảo được hưởng các quyền tự do dân chủ như các nước Tây Phương hay Hoa Kỳ.

Trước một vị thế thuận lợi trên chính quốc tế như vậy, Bắc Kinh có khả năng giữ nguyên vẹn trong tương lai hay không? Nói một cách khác, Bắc Kinh có khả năng giữ một "con gà đẻ trứng

vàng" hay không? Trong thâm tâm chắc hẳn họ muốn giữ vị thế độc nhất và thuận lợi đó. Nhưng những điều họ làm đã đưa đến kết quả hoàn toàn trái ngược.

Về tự do dân chủ, như đã thấy ở phần trên, họ đối xử với Hương Cảng như một tỉnh trong lục địa. Ông thống đốc mới của đảo không khác gì một bí thư tỉnh ủy do đảng bổ nhiệm. Các thành viên của Ủy Ban Lập Pháp được tuyển chọn. Ngoại trưởng Tiền Kỳ Tham vừa tuyên bố là Bắc Kinh sẽ không tha thứ các đảng phái đi ngược lại quyền lợi của tổ quốc. Như vậy các đảng phái đối lập hiện nay như Đảng Dân Chủ sẽ bị cấm hoạt động.

Về tự do báo chí, tự do ngôn luận v.v... người dân Hương Cảng cũng bắt đầu đặt câu hỏi. Cựu cục trưởng Tân Hoa xã Hứa Gia Đồn trong quyển hồi ký cho biết là Bắc Kinh có chiến lược tiêu diệt tự do báo chí bằng các mua lại các báo chí chống đối hoặc cho đóng cửa sau đó. Những người có khả năng làm công việc này toàn là những giới tài phiệt có quyền lợi ở lục địa và đều thuộc về thành phần cố vấn và thành viên của ban tuyển chọn về Hương Cảng do Bắc Kinh bổ nhiệm. Một vài thí dụ cụ thể cho thấy chiến lược nói trên. Ngoài hai tờ báo (Đại Công Báo và Văn Hối Báo) do Bắc Kinh kiểm soát, một số báo khác bị mua lại trong những năm gần đây. Tờ báo chính Anh ngữ có tiếng của đảo là South China Morning Post của ông Rupert Murdoch được tài phiệt Quách Hạc Niên mua 34,9% cổ phần trong tháng 9-1993. Ông Niên còn có tiếng là "vua đường" ở Mã Lai và có phân nửa cổ phần của World Trade Center ở Bắc Kinh. Một tuần báo Anh ngữ khác, tờ Window, do tài phiệt La Đức Thừa kiểm soát. Tờ tuần báo này tuy ít độc giả và thua lỗ nặng nhưng vẫn được duy trì để trở thành cơ quan tuyên truyền chống đối thống đốc người Anh Chris Patten. Ông Niên là cố vấn và ông Thừa là thành viên tuyển chọn của đảo. Hai tờ báo khác cũng được giới tài phiệt thân Bắc Kinh mua lại như tờ Gương Báo (The Mirror) của ông Từ Tứ Dân (Xu Si Min) và tờ Giải Phóng của ông Lưu Loan Hùng (Joseph Lau). Ông Từ Tứ Dân là thành viên chính hiệp của Bắc Kinh và ông Lưu Loan Hùng có nhiều cổ phần ở hai công ty Polytechnologies

và Citty của Bắc Kinh. Hai tạp chí Dương Đại (Dang Dai) và Bách Tính (Pai Shing) đã được hai tài phiệt khác là Diệp Quốc Hoa (Paul Yip Kwok Wah) và Từ Triển Đường (Tsoi Tsin Tong) mua lại và cho đóng cửa. Hai ông này đều là thành viên ban tuyển chọn.

Nói tóm lại tự do báo chí đang bị hăm dọa trầm trọng và người ta có thể ví như "cá nằm trên thớt" sau tháng 7-1997.

Về kinh tế, trong những năm gần đây, Hương Cảng ngày càng lệ thuộc Trung Quốc. Một số lớn xí nghiệp của đảo đã dời sang lục địa, nhất là ở vùng châu thổ sông Chu Giang, chung quanh tỉnh Quảng Đông. Theo thống kê, đầu tư ngoại quốc ở lục địa do Hương Cảng chiếm 66% với 50.000 xí nghiệp và 6 triệu nhân công. Một phần ba (34,5%) nền ngoại thương của Hương Cảng tùy thuộc Bắc Kinh. Trái lại Bắc Kinh đứng hàng đầu về đầu tư nước ngoài ở Hương Cảng với 25 tỷ USD, tăng 150% so với năm 1989. Đầu tư của Bắc Kinh vượt hẳn cả các nước có quyền lợi từ lâu của đảo như Anh, Mỹ và Nhật. Họ kiểm soát hơn 3.600 xí nghiệp. Ngân Hàng Trung Quốc chỉ trong một thời gian ngắn trở thành ngân hàng thứ hai của đảo sau nhóm ngân hàng Hong Kong Shanghai (HSBC) của Anh. Ngân hàng này giữ 25% tiền gửi của đảo và cũng có quyền in giấy bạc. Trái lại, trước tình trạng bấp bênh, các xí nghiệp lớn cho di chuyển trụ sở sang nơi khác và số người ra nước ngoài ngày càng đông.

Ngân hàng HSBC với tài sản 340 tỷ USD và 530 chi nhánh trên thế giới lợi dụng cơ hội mua lại ngân hàng Midland năm 1992 ở Luân Đôn đã dời trụ sở sang Anh.

Jardine's, một trong những xí nghiệp nổi tiếng của Anh, cũng dời trụ sở sang Singapore trong năm 1994. Hãng Swire của Anh, cách đây vài tháng, bán lại 25% cổ phần hãng hàng không Cathay Pacific cho Citty, một công ty có tầm vóc lớn do gia đình ông phó chủ tịch nhà nước Vinh Nghị Nhân chủ trì. Ngoài ra hãng này cũng nhường lại 36% cổ phần hãng hàng không Dragonair (độc quyền khai thác đường bay Hương Cảng-Lục địa) cho hãng Hàng Không Quốc Gia Trung Quốc. Ngay cả ông Lý Gia Thành, một tài phiệt giàu nhất của đảo và cũng là người thân gần với chế độ Bắc Kinh, cũng cho dời một phần gia sản sang đảo

Bermudes.

Sự tin tưởng vào chế độ Bắc Kinh cũng có giới hạn! Theo một sự ước lượng gần đây, đã có phân nửa xí nghiệp đã cho dời trụ sở sang các thủ đô lân cận như Manila, Singapore, Kuala-Lumpur. Số người ra nước ngoài để tìm cuộc sống mới đã lên 500.000 người từ 1990 trở đi. Trong ba năm 1993-1994-1995, trung bình có hơn 60.000 xuất cảnh và hàng năm mang theo khoảng 45 tỷ HKD (6 tỷ USD). Giá xe hơi giảm 40% và giá bất động sản cũng giảm 25%, đó là chưa kể đến vô số nhà cửa cho thuê chung quanh các con đường sầm uất như Nathan Road ngày càng mất giá. Đây là một sự thiệt hại lớn về tài lực, nhân lực và chất xám của đảo.

Làm sao người dân Hương Cảng tin tưởng vào Bắc Kinh khi những người lãnh đạo tiếp tục tuyên bố những luận điệu răn đe. Chẳng hạn, Lô Bình có lần nói "báo chí phải yêu nước và do luật pháp Bắc Kinh điều chế"! Ngoài ra các công chức và thẩm phán phải tuyên thệ trung thành trước Ủy Ban Lập Pháp do Bắc Kinh áp đặt. Tiếng Quan Thoại trở thành bắt buộc thay tiếng Quảng Đông mà phần lớn người Hương Cảng đang dùng. Hệ thống bảo hiểm xã hội dựa theo hệ thống Anh cũng sẽ được xét lại. Các đạo luật được thông qua ở Bắc Kinh sẽ được áp dụng ở đảo. Người Hương Cảng sẽ trở thành công dân Trung Quốc sau tháng 7-1997. Lời tuyên bố của Tiền Kỳ Tham đáng được chú ý nhất khi ông ta nói: "Bất cứ dân chủ Tây Phương không phù hợp vào thực tế của Hương Cảng". Tất cả những điều này hoàn toàn trái ngược với đạo luật cơ bản và lời tuyên bố chung mà họ đã ký. Cái gọi là nền "tự trị cao độ" của Hương Cảng trong 50 năm sắp đến rồi cũng chỉ là những ngôn từ rỗng tuếch.

Trong khi đó, Bắc Kinh cho người lục địa di dân ồ ạt sang đảo, cấu kết với các "bang" để lung đoạn nền kinh tế và theo dõi hành động của mọi tầng lớp xã hội. Từ 1989 trở đi, số cán bộ đưa sang đảo lên tới 70.000. Họ xâm nhập vào các đoàn thể, nhất là trong giới đối lập để phân hóa và hăm dọa. Việc cấu kết với các bang hội ở Hương Cảng là điều khá lạ lùng. Ai cũng biết Hương Cảng có hơn một chục bang hội với số thành viên trên 100.000 người, trong đó bang Tân Nghĩa An (Sun Yee On) đồng nhất với

60.000 thành viên. Đào Tứ Cầu, bộ trưởng Bộ Công An Bắc Kinh, sau khi tiếp ngậm hai anh em họ Hoàng, thủ trưởng bang Tân Nghĩa An, cũng tuyên bố một cách khá ngộ nghĩnh. Họ Đào cho những người này không hoàn toàn là những tên cướp mà là những người "yêu nước" đã đảm bảo được sự phồn vinh của đảo. Thực ra điều này không có gì mới mẻ cả. Ở Quảng Châu và Thẩm Quyến, hai anh em họ Hoàng đã cấu kết với cựu thống đốc Diệp Tuyên Bình tỉnh Quảng Đông, con cựu nguyên soái Diệp Kiếm Anh. Bang này còn bảo vệ an ninh cho ông Đặng Tiểu Bình trong chuyến công du ở Hoa Kỳ và Nhật năm 1979.

Kết luận

Từ một khối đá "cần côi", Hương Cảng đã trở thành một con "rồng" của A Châu nhờ sức lao động cần cù của người dân của đảo. Trong nhiều thập niên gần đây, người dân của đảo còn hưởng được tất cả quyền tự do dân chủ như các nước Tây Phương mặc dù trên bình diện quốc tế Hương Cảng là một thuộc địa của người Anh. Những ai có dịp viếng thăm Hương Cảng đều thấy rõ điều đó.

Tương lai của Hương Cảng sau ngày 1-7-1997 sẽ ra sao? Từ khi có bản tuyên bố chung năm 1984 cho đến những ngày gần đây, tình hình ở Hương Cảng làm người ta không mấy lạc quan. Hương Cảng sẽ do một tập đoàn tài phiệt thống trị dưới sự chỉ đạo của Bắc Kinh, trong đó tham nhũng, hà hiếp và áp bức sẽ là khuôn vàng thước ngọc. Các "bang" sẽ lộng hành như ở khu đặc biệt Thẩm Quyến (Shen Zhen) hiện nay. Chính quyền Bắc Kinh vô tình hay cố ý có thể biến một Hương Cảng trù phú thành một khối đá "cần côi".

Về tự do dân chủ, người dân Hương Cảng không còn ảo vọng nào như luật sư Lý Trụ Minh, lãnh tụ Đảng Dân Chủ đã nhiều lần than thở. Trách nhiệm của Bắc Kinh thật vô cùng nghiêm trọng. Đây cũng là bài học cho dân chúng Đài Loan và Ma Cao về lý thuyết "một nước, hai thể chế" của ông Đặng Tiểu Bình.

Nguyễn Phi Phụng

Chú thích: Về tên tuổi các nhân vật Hương Cảng, chúng tôi giữ nguyên cách phát âm của đảo thay vì bằng Pin-Yin.

Gian Nan và bèn bí

[Vài góp ý nhỏ với "Thử Thách và Hy Vọng - Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên"]

Trong hoàn cảnh bùng nổ thông tin của tình hình trong nước, tôi có cơ may đọc được "Thử Thách và Hy Vọng - Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên" [từ đây viết tắt là TTVHV]. Trong nước, đối với ai đó, đây là một tài liệu "nguy hiểm, phản động" nhưng đối với những người yêu dân chủ, những công dân đích thực của một nước Việt Nam "độc lập - tự do - hạnh phúc", những người có các nhân quyền và dân quyền được ghi đầy đủ trong hiến pháp, những người quan tâm đến tình hình và số phận đất nước, đây là một tài liệu có tầm quan trọng cần phải nghiên cứu. Và ngay cả những người cầm quyền hiện nay cũng cần phải nghiên cứu nếu họ thực sự quan tâm đến tương lai của dân tộc, hạnh phúc của nhân dân chứ không phải chỉ lo củng cố địa vị thống trị.

Trong điều kiện chưa thể tham gia một cách toàn diện, tôi xin đóng góp vài ý kiến nhỏ trong tinh thần mà TTVHV đã đề ra ngay từ **Phần I - Nhiệm vụ lịch sử**: "*Dự án chính trị này có tham vọng đóng góp vào một cương lĩnh chính trị cho tập hợp dân chủ Việt Nam. Nó muốn được đón nhận như một tài liệu để thảo luận. Thảo luận để đi đến kết hợp giữa những người cùng theo đuổi một lý tưởng chung là xây dựng một đất nước Việt Nam mà những con người hôm nay có thể chấp nhận và các thế hệ mai sau có thể tự hào*".

Cảm nhận chung sau khi đọc, TTVHV là một công trình nghiêm túc, trí tuệ và tâm huyết. Nghiêm túc vì đặt vấn đề, phân tích đến nơi đến chốn, vì một lý tưởng cao đẹp, một mục tiêu quan trọng chứ không là những lời hô hào mị dân suông. Trí tuệ do tập hợp được những lý luận, phân tích mới mẻ và sắc bén, có tính thuyết phục trên nhiều lãnh vực, chắc chắn là đã do các chuyên gia có trình độ cao, nhiệt tình nồng nàn với tương lai đất nước, thái độ dấn thân, tâm trạng lo âu và hy vọng trong một hoàn cảnh vô cùng khó khăn phức tạp và gian nan thử thách.

Những điều trên còn thể hiện cả trong hình thức và văn phong của văn bản. Cương lĩnh đồng thời là lời hiệu triệu, là phân tích lý giải kết hợp với kế hoạch hành động. Nội dung đã chi phối cách hành văn rõ rệt, đôi khi làm cho nó không được thuần nhất. Tuy nhiên vì đây là một dự thảo, chưa phải là đúc kết sau cùng, trong điều kiện muốn phổ biến rộng rãi nhiều vấn đề cùng một lúc, nên cũng có thể chấp nhận

được.

Một tính chất bao trùm khác là tinh thần phóng khoáng, bao dung và ý hướng đấu tranh hòa quyền (đấu tranh bằng phương thức bất bạo động). Dân chủ đa nguyên phải chấp nhận đối thoại và chấp nhận những ý kiến khác biệt, chấp nhận mọi con người và tổ chức có quá khứ khác nhau, thậm chí là cựu thù khi đã có đồng thuận, nhưng không vì thế mà thỏa hiệp với cái xấu, cái ác, sự độc tài chuyên chế đã mang lại đau khổ cho nhân dân. Đó cũng là tinh thần xuyên suốt của cuộc cách-mạng-mới-tân-nhân-bản, trên đất nước này cũng như trên toàn thế giới hiện nay.

Đối với người trong nước, đóng góp quan trọng của TTVHV là cách đặt vấn đề và lý giải một số nội dung bị coi là cấm kỵ hay chưa có điều kiện phân tích, trao đổi thấu đáo. Đó là các vấn đề dân chủ đa nguyên, hòa giải hòa hợp dân tộc, phát triển đất nước trên nền tảng dân chủ, kinh tế thị trường và sáng kiến cá nhân, xây dựng đất nước trên nền tảng xã hội dân sự và vấn đề tản quyền. Nội dung những vấn đề này nếu được phổ biến rộng sẽ tạo ra một nhận thức mới rất có lợi cho cuộc đấu tranh vì một nước Việt Nam dân chủ và phồn vinh.

Một vài vấn đề quan trọng tôi thấy cần phải trao đổi, thảo luận thêm để làm sáng tỏ hơn và đi đến thống nhất.

Đầu tiên là vấn đề "bốn điều kiện vừa cần vừa đủ để một cuộc cách mạng thành công":

"Điều kiện thứ nhất là mọi người trong nước đồng ý rằng chế độ hiện hữu là tệ hại và phải thay đổi.

Điều kiện thứ hai là đảng hay giai cấp cầm quyền, vì mất đồng thuận trên lý tưởng chung hay vì bị ung thủy, đã chia rẽ, phân hóa và đã mất bản năng tự tin của một đoàn thể.

Điều kiện thứ ba là đại đa số quần chúng đạt tới đồng tình về một chế độ mới và những mục tiêu quốc gia mới.

Điều kiện thứ tư là có một tập hợp chính trị xuất hiện phù hợp với nguyện ước của toàn dân làm điểm hội tụ cho những khát vọng đổi mới.

Di nhiên không bao giờ có điều kiện nào được thực hiện xong 100% cả, nhưng với một mức độ chín muồi nào đó ta có thể coi một điều kiện là đã đạt được".

Theo TTVHV, hai điều kiện đầu đã có,

điều kiện thứ ba gần đạt được, điều kiện thứ tư đã xuất hiện những mầm mống. Như vậy việc còn lại phải làm là hoàn tất điều kiện thứ ba và xây dựng điều kiện thứ tư.

Tôi cho rằng nhận định này hơi lạc quan và nếu nhận định tình hình không chính xác sẽ dẫn đến sách lược hành động không phù hợp hay không có hiệu quả.

Hiện nay nhiều người, nhất là trí thức cấp tiến và một số bộ phận thị dân có nhận thức về chính trị, đã chán ghét chế độ độc tài và sự thối nát của nhà cầm quyền nhưng không phải mọi người đều muốn thay đổi. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên, cơ sở cách mạng, quân đội, công an, công nhân viên chức nhà nước và gia đình thân nhân của họ vẫn còn gắn bó với đảng cộng sản vì quá trình tham gia kháng chiến, vì tình cảm tự nhiên, vì nhận thức đối với chế độ, vì quyền lợi được thụ hưởng, vì tương lai của bản thân và gia đình, chưa hẳn họ đã muốn thay đổi. Ngay cả một bộ phận trước đây chán ghét hay không có cảm tình với cộng sản, nhưng nay làm ăn được, đời sống khá nhờ cơ hội, biết luồn lách, móc ngoặc cũng không muốn thay đổi khi sự thay đổi có thể làm cho họ thấy tương lai trở nên bấp bênh. Một bộ phận không nhỏ khác là nhân dân ở nông thôn, ở vùng sâu, vùng xa từ bao nhiêu năm qua chỉ tiếp thu sự tuyên truyền của chế độ, chưa có điều kiện thu nhận và suy nghĩ về những thông tin mới. Khả năng số thanh thiếu niên lớn lên sau chiến tranh, ít có kinh nghiệm và nhận thức về quá khứ để phán đoán và so sánh, thậm chí sống một cách phi chính trị. Hai đối tượng sau này có thể bất mãn với những hiện tượng này khác, vẫn có yêu cầu về dân chủ nhưng đi đến một đòi hỏi phải thay đổi toàn diện là điều cần có thời gian và những yếu tố khác thúc đẩy.

Đó là một tình hình thực tế cần phải suy nghĩ. Và phải chăng đó cũng là trở ngại lớn nhất cho một cuộc cách mạng mới?

Đảng cộng sản hiện nay tuy đã suy thoái và phân hóa nghiêm trọng nhưng sự cố kết để tự tồn của họ rất mạnh mẽ. Khác với các đảng phái khác, đảng cộng sản có cách tổ chức và kỷ luật rất chặt chẽ, có kinh nghiệm đấu tranh giành và giữ chính quyền hơn nửa thế kỷ, đã hi sinh và chịu nhiều tổn thất lớn lao, một số không ít đảng viên vẫn trung thành với đảng, đã có kinh nghiệm về sự sụp đổ của các chế độ cộng sản ở Liên Xô và Đông Âu, nay đang nắm quyền lực và mọi quyền lợi. Những điều kiện này là

những yếu tố quan trọng và động lực mạnh mẽ giúp họ đấu tranh để tồn tại. Dĩ nhiên họ không phải là "vô địch, bách chiến bách thắng, muôn năm" nhưng làm tan rã một tổ chức như thế không phải là điều dễ dàng.

Nếu hai điều kiện đầu còn khó khăn do tình hình quá khú để lại, thì hai điều kiện sau nếu được phát triển mạnh và thực tế là có cơ hội để phát triển, tuy cần đến thời gian, lại là yếu tố thúc đẩy và làm chín muồi hai điều kiện đầu. Đặt vấn đề như thế đòi hỏi lực lượng đấu tranh cho dân chủ phải nỗ lực nhiều hơn vì con đường còn cam go và tránh được biểu hiện nôn nóng hay tâm trạng thất vọng khi tình hình không diễn ra như mong đợi.

Vấn đề thứ hai là hòa giải hòa hợp dân tộc, TTVHV đưa ra nhiều lý giải và nội dung quan trọng, có sức thuyết phục nhưng có một quan điểm cần phải thảo luận và một vấn đề mới cần nêu thêm.

Quan điểm cần thảo luận là vấn đề "hòa giải đất nước với cộng đồng người Việt hải ngoại và hòa giải người Việt Nam với đất nước Việt Nam".

TTVHV có lý phần nào khi cho rằng "Đất nước không đồng hóa với người cầm quyền nhưng vẫn được thể hiện qua người cầm quyền. Vì thế, khi trong một thời gian quá dài chỉ có những người cầm quyền gian trá hay bạo ngược, hay vừa gian trá vừa bạo ngược, thì chính hình ảnh của đất nước cũng bị tổn hại và lòng yêu nước cũng bị suy giảm". Đó cũng có thể là vấn đề thực tế đối với một số người Việt ở hải ngoại và một phần nào đó những người bị đày đọa ở trong nước. Tuy nhiên cách nhận thức và đặt vấn đề ở đây là quan trọng vì nó sẽ chi phối các giải pháp sẽ đề ra.

Đất nước là một khái niệm vừa cụ thể vừa trừu tượng. Đất nước là lãnh thổ, là rừng núi, thành phố, cánh đồng, dòng sông, là căn nhà và mảnh vườn nơi mỗi người đã sống với bao ràng buộc và kỷ niệm. Đất nước cũng còn là lịch sử, truyền thống, văn hóa, phong tục tập quán, mối quan hệ xã hội hòa quyện trong hoài niệm và suy tư, hành động của mỗi con người. Đất nước có linh hồn, có cả quá khứ, hiện tại và tương lai, có đau khổ và hạnh phúc, có sống thực và mơ ước, có tình yêu và sự chia sẻ, niềm tự hào và nỗi nhục nhằn. Đất nước đó không đồng hóa với người cầm quyền và chỉ bị chi phối bởi người cầm quyền trong một mức độ nhỏ bé, một thời gian giới hạn.

Nếu hiểu đất nước như thế, lòng yêu nước sẽ là một tình cảm tự nhiên, vô điều kiện. Do đó sẽ không cần thiết đặt ra vấn đề hòa giải đất nước với cộng đồng người Việt ở hải ngoại, hòa giải người Việt Nam với đất nước Việt Nam. Lòng yêu nước đối

với một đất nước như thế sẽ làm tăng thêm ý chí và sức mạnh để đấu tranh loại bỏ những người cầm quyền vô đạo, chống lại đất nước; làm giảm đi uy thế của người cầm quyền trong một chế độ độc tài toàn trị. Trong nhận thức, tách người cầm quyền vô đạo ra khỏi hình ảnh đất nước sẽ có lợi hơn là đồng hóa họ với đất nước. Đó phải chăng cũng là giải pháp cho việc giáo dục trẻ em Việt Nam lớn lên ở nước ngoài về hình ảnh đất nước và tình tự yêu nước.

Một vấn đề mới cần nêu thêm mặc dù rải rác trong TTVHV đã nhắc tới, đó là mối quan hệ với những người cộng sản. Có thể hòa giải hòa hợp với những người cộng sản không? Mỗi nêu câu hỏi có lẽ có nhiều người Việt ở hải ngoại đã thấy bất bình, khó chịu, khó nghe hay cho rằng không thực tế. Vì nếu hòa giải hòa hợp mà một trong hai bên không muốn thì khó lòng thực hiện. Nhưng ở đây ta thử phân tích sâu vào vấn đề.

Nói chung, có lẽ mọi người đều tán thành hòa giải hòa hợp là một nhu cầu, một yếu tố quan trọng trong việc xây dựng đất nước, thậm chí còn là một "đoạn tuyệt lịch sử cần thiết" như cách nói của TTVHV.

Trong các bộ phận của dân tộc thì những người cộng sản là một bộ phận quan trọng và dù muốn dù không họ cũng đang cai trị đất nước này.

Thực ra tập thể những người cộng sản hiện nay (khác với đảng cộng sản hay chế độ cộng sản) không còn thuần nhất và không giống như trước đây. Có người bảo thủ, có người cấp tiến; có người được gọi là "ngu trung" trong khi có người đã ly khai đảng; có kẻ cơ hội nhưng cũng có người yêu nước; có người già nua, thiên cận nhưng cũng có người trẻ hơn, có tầm nhìn cao hơn, rộng hơn; có kẻ tham lam ích kỷ nhưng cũng có người có lòng nhân ái. Có thể trong toàn bộ, kẻ xấu nhiều hơn người tốt, người tốt trở nên xấu khi nằm trong cơ chế xấu hay bị tha hóa vì quyền lực và quyền lợi. Sự phân hóa trong nội bộ là một bước lùi của đảng cộng sản nhưng, và lại, là một bước tiến của lịch sử, một thuận lợi cho phong trào đấu tranh vì dân chủ.

Trong nước hiện nay có một luận điểm cho rằng tình hình chỉ có thể thay đổi nếu trong đảng lực lượng cấp tiến chiếm ưu thế, sự chuyển biến trong đảng sẽ mang tính chất quyết định chứ không phải là sự chuyển động của các thế lực ngoài đảng dù ở trong hay ngoài nước. Dĩ nhiên đây chỉ là một trong những luận điểm, chưa hẳn đã đúng nhưng đó là một khía cạnh cần chú ý và gọi ra những giải pháp. Có cách nào tác động thêm vào sự chuyển biến đó không? Có thể nào hòa giải hòa hợp với những người cộng sản được coi là tốt? Có con

đường nào cho những người cộng sản muốn đi về phía dân chủ?

Hòa giải hòa hợp với những người cộng sản có thể hòa giải hòa hợp được trên phạm vi rộng sẽ là một chuyện của tương lai sau quá trình đấu tranh và chuyển biến của cả hai phía nhưng trước mắt tại sao lại không đặt vấn đề đối thoại với những người cộng sản đang cầm quyền?

Ở trong nước, tuy bị kèm kẹp, một số người, với tư cách cá nhân, cũng đã công khai phê phán những người cộng sản cầm quyền một cách không khoan nhượng dù họ chấp nhận đối thoại hay không. Còn ở hải ngoại, Việt kiều tại sao không chính thức đối thoại với những người cầm quyền trong nước? Những người cầm quyền đã chính thức thừa nhận cộng đồng người Việt ở hải ngoại, nhận thức được tiềm năng to lớn của Việt kiều và đặt vấn đề đoàn kết, hòa hợp dân tộc. Nếu Việt kiều ở hải ngoại có sự đồng thuận lớn, thống nhất về tổ chức, nhân danh hai triệu kiều bào để đặt vấn đề đối thoại với nhà nước, nhất định những người cầm quyền phải lắng nghe và chấp nhận đối thoại. Nếu họ không làm như thế họ sẽ tự bộc lộ là những kẻ man trá.

TTVHV có nhiều chương quan trọng về nhận định tình hình và đề nghị những chủ trương, mô thức, giải pháp cho tương lai nhưng **Chương VI: Chấm dứt độc tài và thiết lập dân chủ đa nguyên**, nói về những "công tác" trước mắt và lâu dài, chính là kế hoạch hành động sẽ quyết định thắng lợi hay không của dự án chính trị.

Có thể còn nhiều việc khác phải làm nhưng ngay trong những việc đã đề ra, cần phải nghiên cứu cụ thể thêm nữa. Ai làm? Làm như thế nào? Phương tiện ra sao? Sách lược đối với từng loại đối tượng, từng địa bàn, từng giai đoạn?...

Những người cộng sản có nhiều kinh nghiệm trong đấu tranh cách mạng, và cái gọi là "đấu tranh chống phản cách mạng". Họ đã thành công trong một giai đoạn vì có "lý luận cách mạng, lực lượng cách mạng, chiến lược, chiến thuật, sách lược, phương châm, khẩu hiệu; nghệ thuật vận động, tổ chức, các bước, công tác..."

"Biết người biết ta" vẫn là một điều không thể thiếu trong mọi cuộc đấu tranh.

Trên đây chỉ là một vài ý kiến nhỏ, thô thiển, trong tinh thần dân chủ đa nguyên. Mong sẽ được nghe, trao đổi và chỉ giáo.

Thử thách và hy vọng là thực tế và niềm tin. Gian nan và bèn bỉ là tính chất và yêu cầu của cuộc đấu tranh. Thắng lợi nhất định sẽ thuộc về những người có chính nghĩa.

Tháng 10-1996
Tiêu Dao Bảo Cự

Thông Luận 99 - Tháng 12.96

Thư gửi một người bạn Việt kiều

Tiêu Dao Bảo Cự

Thưa anh,

Thế là anh đã đi mà không có cuộc gặp nói chuyện lần thứ hai và già từ mặc dù anh đã hẹn. Có lẽ một vài tin tức nào đó mới nghe được ở đây làm anh e ngại không muốn gặp tôi. Dù sao anh cũng đã giữ lịch sự tối thiểu, thay vì gặp theo giờ hẹn, anh đã gửi cho tôi một lá thư ngắn xin lỗi trong đó có nêu lý do vì sự an toàn của tôi quan trọng hơn. Tôi hiểu đúng hơn đó cũng là sự an toàn của anh.

Kể ra cũng buồn. Một người Việt ở nước ngoài về tiếp xúc với một người Việt ở trong nước để nói những câu chuyện bình thường về đất nước cũng đã phải đắn đo đề phòng. Đó là một tình hình có thật. Và điều này cho thấy đất nước tuy độc lập, thống nhất nhưng người dân chưa có tự do, hạnh phúc, ngay từ những chuyện nhỏ nhặt như thế.

Thực ra anh và tôi chưa hề quen nhau. Anh đã đọc một vài bài viết nào đó của tôi trên báo chí hải ngoại, biết được địa chỉ của tôi, nên khi có dịp về nước anh đến thăm để trò chuyện, trao đổi thêm về những vấn đề chung. Một việc nhỏ nhặt quá đối bình thường mà sao cũng khó khăn đến thế ngay trong thời kỳ mà đất nước đã đổi mới, mở cửa hơn mười năm.

Anh cho biết người Việt đi ra nước ngoài, sau thời gian đầu phải vất vả kiếm sống và thích nghi với hoàn cảnh mới, khi đã ổn định hay thành đạt, nhiều người muốn trở về quê hương để thăm viếng, làm ăn và làm một cái gì đó để góp phần xây dựng đất nước. Dù đã ra đi với bất cứ lý do gì, hoàn cảnh nào, đất nước vẫn là tiếng vọng không nguôi trong lòng những người con xa xứ. Điều đó thật tự nhiên. Như "chim có tổ, người có tông" và "cáo chết ba năm quay đầu về núi".

Tuy nhiên anh cũng nói thêm Việt kiều thường băn khoăn không biết có nên đầu tư về Việt Nam làm ăn hay không. Đã có nhiều ý kiến tranh luận về vấn đề này nhưng quan niệm chung là không nên vì nhiều lý do mà lý do quan trọng nhất cho rằng làm như thế là góp phần củng cố chế

độ độc tài cộng sản. Điều này cũng dễ hiểu vì phần lớn những người ra đi đều đã đối kháng hay có nhiều mặc cảm, thành kiến với chính quyền cộng sản.

Trong lần gặp duy nhất với thời gian ít ỏi, chúng ta chưa kịp trao đổi sâu vấn đề này mà anh cho là quan trọng, nên qua thư này, tôi muốn tiếp tục trao đổi thêm với anh những suy nghĩ của tôi, mong cũng là dịp trao đổi với những ai có quan tâm đến vấn đề.

Hơn mười năm trước, trong thời kỳ khủng hoảng nghiêm trọng về kinh tế, đất nước đứng trên bờ vực thẳm, đảng cộng sản đã chủ trương đổi mới, mở cửa và chấp nhận kinh tế thị trường. Trước hết đó là cách tự cứu của đảng cộng sản và sau đó tình hình kinh tế chung có nhiều bước phát triển, đời sống một bộ phận nhân dân bớt khó khăn hơn. Dĩ nhiên tình hình kinh tế hiện nay vẫn còn nhiều vấn đề nan giải, tiềm ẩn nhiều nguy cơ và bộc lộ không ít biểu hiện tiêu cực. Tuy nhiên, đó không phải là vấn đề chúng ta bàn ở đây. Dù sao, về một mặt, phải thừa nhận kinh tế phát triển đã góp phần củng cố quyền lãnh đạo của đảng cộng sản, ít ra là trong thời gian vừa qua. Vì thế việc không muốn đầu tư về Việt Nam của đa số Việt kiều không phải là không có cơ sở.

Tuy nhiên việc này thực sự có lợi cho đất nước không?

Tình hình hiện nay cho thấy nhiều vấn đề cần suy ngẫm.

Đảng cộng sản đang và sẽ còn nắm quyền cai trị đất nước, ít ra là trong một tương lai gần. Sẽ không thể có chuyện bạo động, lật đổ chính quyền cộng sản nhưng chế độ cũng sẽ không còn thực chất cộng sản như trước đây. Có người nhận định hiện nay đã là thời kỳ hậu cộng sản, cộng sản chỉ còn là chiêu bài, không có thực chất. Chế độ cộng sản đã buộc phải tự thay đổi. Tư duy và hành động của những người cộng sản từng bước phải thay đổi để thích nghi với tình thế mới. Điều này có lợi cho dân tộc khi không còn thế cách nào khác tốt hơn.

Từ khi mở cửa, ngày càng có nhiều công ty nước ngoài đầu tư vào Việt Nam

để khai thác các lãnh vực kinh tế, thường là dưới hình thức liên doanh với các công ty nhà nước Việt Nam hoặc các tư bản đồ núp bóng bằng hiệu nhà nước. Điều này giúp kinh tế phát triển nhưng các công ty nước ngoài thu nhiều lợi nhuận hơn, và các công ty nhà nước cung cấp tài chính cho bộ máy cai trị và là nơi đục khoét, tham nhũng của các cán bộ, viên chức nhà nước có quyền hành.

Các công ty tư nhân trong nước khó lòng cạnh tranh nổi với các công ty liên doanh trên vì yếu kém trên nhiều phương diện tiền vốn, kỹ thuật và chỗ dựa quyền lực dù được tự do thành lập và hoạt động. Tình hình này dẫn đến hiểm họa nền kinh tế của đất nước sẽ nằm trong tay các công ty nước ngoài và một số tư bản đồ trong khi đại đa số nhân dân chỉ là những kẻ làm thuê trên đất nước mình.

Dù muốn đầu tư, càng về lâu về dài, Việt kiều yêu nước càng khó chen chân và cạnh tranh với các công ty liên doanh kể trên khi các công ty này đã chiếm lĩnh hầu hết các trận địa kinh tế chủ yếu. Đầu tư càng sớm càng có nhiều cơ may hơn. Mặt khác, việc đầu tư sẽ trực tiếp tạo công ăn việc làm cho nhiều người, đặc biệt là những người có năng lực nhưng gặp khó khăn khi đi làm cho những công ty nhà nước.

Nói đầu tư nhưng không nhất thiết phải đầu tư vào các hoạt động kinh tế trực tiếp mà có thể đầu tư vào các lãnh vực khác như giáo dục, y tế, xã hội, từ thiện, qua đó vẫn có thể có lợi nhuận nhưng giúp đỡ trực tiếp cho nhân dân nhiều hơn hoặc chỉ nhằm mục đích phục vụ từ thiện.

Việc Việt kiều đầu tư và về nước làm ăn sẽ tạo điều kiện cho họ trực tiếp tìm hiểu tại chỗ tình hình đất nước, tạo ra mối quan hệ cần thiết với con người và môi trường, từ đó họ có thể có nhận thức đúng đắn và điều kiện thuận lợi để giúp ích cho đất nước.

Thực ra trong chuyện này, ranh giới giữa việc xây dựng đất nước, phục vụ nhân dân và việc củng cố chế độ độc tài là một cái gì rất mong manh, hoặc có hai mặt trái ngược đi kèm nhau.

Giao thông và thông tin liên lạc phát triển nhanh trở thành những công cụ lợi hại của nhà nước trên nhiều phương diện, đồng thời cũng giúp ích thiết thực cho nhân dân trong các nhu cầu hàng ngày, mở rộng mối giao lưu và thu nhận, trao đổi thông tin với thế giới bên ngoài mà nhà nước dù muốn kiểm soát, hạn chế cũng không làm được.

Giáo dục tăng trưởng, khoa học kỹ thuật được chú trọng, ngoại ngữ, tin học được học nhiều, quản lý kinh tế được quan tâm, sinh viên đi du học nước ngoài nhiều, những điều này sẽ có lợi cho ai?

Có lẽ rất nhiều vấn đề khác cũng có thể được đặt ra theo cách như thế.

Và do đó phải chăng sự đầu tư của Việt kiều [mà có người nói là tiềm năng ngang với một cường quốc] rất cần thiết, càng sớm càng tốt để góp phần xây dựng đất nước. Đất nước phát triển một cách toàn diện, nhân dân hạnh phúc hơn, tầm nhìn mở rộng hơn, nhất định sẽ chống được nạn độc tài, áp bức của bất cứ bộ máy cai trị nào. Thực tế mấy năm qua cho thấy kinh tế phát triển đã làm nói lỏng sự siết chặt về mặt chính trị dù nhà cầm quyền có muốn hay không.

Di nhiên việc đầu tư vào Việt Nam hiện nay chưa phải dễ dàng vì luật lệ chưa hoàn chỉnh, thủ tục phức tạp, rườm rà, các quan chức có thẩm quyền những nhiều. Hơn nữa, còn phải cảnh giác ngay với một số người đầu tư chạy theo lợi nhuận tối đa, bóc lột công nhân trong nước, trốn lậu thuế, làm ăn gian dối, lừa đảo, móc ngoặc với những thành phần xấu trong bộ máy nhà nước.

Dù sao tôi tin tưởng Việt kiều yêu nước nhất định sẽ có cách góp phần thiết thực xây dựng đất nước, giúp đỡ nhân dân mình nếu họ thực sự có lòng.

Mong rằng trong lần tới về thăm quê hương, anh lại có dịp đến thăm tôi và chúng ta sẽ đàm hoàng bàn chuyện đất nước, chuyện thế sự, không có gì phải e ngại đề phòng.

Chúc anh đạt được nhiều bước tiến trong những dự định tốt đẹp đối với đất nước.

Tiêu Dao Bảo Cự
Đà Lạt, tháng 10 năm 1996

Thảo luận bàn tròn về

DỰ ÁN CHÍNH TRỊ DÂN CHỦ ĐA NGUYÊN 1996 "THỬ THÁCH VÀ HY VỌNG"

Ngày Chủ nhật 17-11-1996, Câu Lạc Bộ thân hữu Thông Luận đã tổ chức, tại hội trường d'Artagnan trong quận 20 của Paris, một buổi thảo luận bàn tròn về 4 chủ đề đã được đề cập đến trong tài liệu "Dự án chính trị Dân chủ Đa nguyên 1996 : Thử thách và hy vọng" do nhóm Thông Luận biên soạn và xuất bản vào tháng 6 năm nay.

Bốn đề tài đó là :

- Bối cảnh quốc tế và Việt Nam
- Hòa giải và hòa hợp dân tộc
- Dân chủ Đa nguyên
- Thể chế chính trị tương lai cho Việt Nam.

Như mọi lần, các thân hữu Thông Luận đã hy sinh thời gian quý báu đến họp mặt đông đảo, tham gia góp ý hào hứng trong suốt 4 tiếng đồng hồ. Sự có mặt của đại diện Liên minh Dân chủ Việt Nam (ông Nguyễn Quốc Nam), của phong trào Phục Hưng từ bên Đức (ông Nguyễn Văn Tân), cùng sự hiện diện của một số thành phần thanh niên đông hơn những lần trước đã gây nhiều cảm tình với cử tọa.

Anh Diệp Tường Bảo điều hợp chung buổi họp.

Bối cảnh quốc tế và Việt Nam.

Ông Huỳnh Hùng dẫn nhập phần này. Theo ông, thế giới đang đi vào xu hướng "Toàn cầu hóa". Các biên giới không gian, thời gian cũng như luật pháp ngày càng mờ nhạt tạo điều kiện thuận lợi cho sự thâm thấu của các hệ thống khác nhau đồng thời thúc đẩy những liên kết trong nhiều lãnh vực (chính trị, kinh tế, tài chánh, chủng tộc,...).

Từ đó, thế giới đi vào một tư duy đồng nhất dựa trên những giá trị phổ cập như hoà bình, tự do, nhân quyền, nhà nước pháp trị, đối thoại, hợp tác, lợi nhuận. Ý niệm quốc gia dân tộc mang một ý nghĩa khác dựa trên an ninh, nhân phẩm và phúc lợi.

Trong môi trường này, sự cạnh tranh sẽ rất gay gắt và yếu tố nhân công rẻ của những nước nghèo không còn là một ưu điểm nổi bật. Tuy nhiên, các nước này lại có những thuận lợi đáng kể khác nhờ sự

sụp đổ của các liên minh ý thức hệ kéo theo những nhu cầu đóng góp của mỗi nước cho một thế giới an bình và ổn vững.

Song, những nguy cơ đe dọa hòa bình thế giới không phải không có do thái độ hung hăng của Trung Quốc trong vùng Thái Bình Dương. Hoa Kỳ, tuy giữ một vai trò quan trọng trong việc giải quyết những tranh chấp và xung đột trên thế giới chưa chắc đã sẵn sàng bênh vực một nước như Việt Nam bao lâu mà nhà cầm quyền Việt Nam chưa chân thành đi vào con đường dân chủ. Nhân dân Việt Nam, trái lại, càng ngày càng vững tin vào hướng đi tất yếu đến Dân chủ.

Trong phần thảo luận, giáo sư Nguyễn Hữu Châu nhận định rằng chủ trương toàn cầu hóa chỉ là mưu đồ của những nhà đại tài phiệt để khuynh đảo nền kinh tế thế giới chứ còn đối dân Việt Nam chỉ có sự thoát khỏi cái ách của Đảng Cộng sản Việt Nam mới là quan tâm hàng đầu. Về vấn đề ý niệm quốc gia dân tộc, có ý kiến cho rằng thế giới trái lại, đang đi vào chủ nghĩa quốc gia quá khích. Á châu đang trở thành một trái bom nổ chậm.

Hòa giải và hòa hợp dân tộc.

Ông Vũ Thiện Hân triển khai phần này chung với ông Nguyễn Quốc Nam. Ông Diệp Tường Bảo điều hợp, mở đầu bằng cách nhắc lại tuyên bố của ông Lê Phát Minh, chủ tịch Liên minh Dân chủ Việt Nam, cho rằng "hai phe quốc cộng sản đã thất bại trong việc lãnh đạo đất nước, do đó nên để quá khứ về lịch sử để tiến về tương lai". Ông Nguyễn Quốc Nam phát biểu rằng Hoà giải Hoà hợp Dân tộc (HGHHDT) đã gây ra quá nhiều ngộ nhận cần giải thích rõ ràng đến nơi đến chốn và Thông Luận nên đi xa hơn trong hành động thực thi HGHHDT. Ông cũng nhắc lại rằng đối tượng của HGHHDT không phải chính quyền Cộng sản mà là các thành phần dân tộc. Theo ông Vũ Thiện Hân thì HGHHDT bắt đầu bằng tinh thần bao dung, chấp nhận những ý kiến khác biệt nhưng không có nghĩa nhất thiết phải tham gia chung tất cả những hội họp. Không chỉ trích, xuyên

tạc, nói xấu nhau trong một hướng đi chung (đấu tranh cho dân chủ tại Việt Nam) là khởi sự của HGHHDT. Thông Luận đã tìm cách phối hợp với một số hội đoàn nhưng chưa thành công với tất cả các hội đoàn. Theo ông Trần Ngọc Sơn thì chưa kết hợp vì chưa đạt được đến đồng thuận chứ không phải không muốn. Còn phải kiên trì nữa. Đối với ý kiến của một số người đã cho rằng HGHHDT làm suy yếu lực lượng dân chủ thì ông Vũ Thiện Hân nhận xét rằng chưa có ai phân tích rằng Việt Nam Cộng hòa đã thua vì đã tin vào chủ trương Hòa hợp Hòa giải của cộng sản trước kia.

Ông Võ Nhân Trí lưu ý hội nghị rằng chúng ta không nên xem thường tác dụng chủ trương HGHHDT. Bằng chứng là báo Quân Đội Nhân Dân của cộng sản đã bắt đầu có những bài lên án tư tưởng Hòa giải Hòa hợp.

Về việc hòa giải người Kinh với các sắc tộc thiểu số, ông Nguyễn Hắc Đô, người Việt gốc Chăm, lưu ý rằng dân tộc Chăm đã không bao giờ sử dụng vũ lực để tranh giành quyền tự trị. Theo ông, nguyện vọng của người Chăm là được chánh quyền trung ương tôn trọng những cá biệt văn hóa và giúp đỡ việc phát triển trong những lãnh vực y tế, giáo dục và kinh tế.

Ông Nguyễn Quốc Nam cho biết rằng số phận của các sắc tộc là một trong những trọng tâm của LMDCVN, thể hiện bởi việc tổ chức này dành một ủy ban riêng cho vấn đề này.

Thành phần trẻ tham gia buổi họp cũng đã tỏ ra có nhiều quan tâm đến tương lai đất nước khi anh Huỳnh Huy Khang Thái phát biểu rằng anh rất hoan nghênh tập tài liệu Dự Án Dân Chủ Đa Nguyên tuy anh còn phân vân về những điều kiện, khả năng để thực hiện.

Dân Chủ Đa Nguyên

Ông Nguyễn Quốc Nam nhận định rằng chủ trương dân chủ đa nguyên còn đi xa hơn tất cả các chế độ dân chủ hiện hành.

Ông Vũ Thiện Hân giải thích rằng dân chủ đa nguyên (DCĐN) không phải chỉ là từ ngữ suông mà có một nội dung hẳn hoi. Dân chủ đa nguyên tiếng pháp gọi là *démocratie pluraliste* thể hiện một tinh thần đồng thời một triết lý về một xã hội đa dạng. Nó không chỉ hạn chế trong lãnh vực chính trị mà phải hiện hữu trong tất cả những hình thái sinh hoạt của xã hội dân sự.

Ông Nguyễn Gia Kiểng bổ sung rằng

nền dân chủ của Pháp chẳng hạn chưa có thể gọi hoàn toàn là đa nguyên vì quyền hành còn tập trung ở trung ương. Ông Nguyễn Văn Tân, đại diện tổ chức Phục Hưng khu bộ Âu Châu, cho biết dân Đức phân tích rằng tàn quyền có những hậu quả tổn kém về tài chánh do việc thiết lập đầy đủ những cơ chế hành chánh tại mỗi địa phương. Nhưng ông Tân cũng nhìn nhận tàn quyền là giải pháp tối ưu.

Ông Nguyễn Gia Kiểng trả lời một câu hỏi của ông Nguyễn Quốc Nam : HGHHDT và DCĐN không phải là hai "anh em song sanh" nhưng đối với Việt Nam thì HGHHDT là điều kiện tiên quyết, (trái với một số nhận định cho rằng HGHHDT chỉ đặt ra một khi chế độ cộng sản đã sụp đổ), vì nếu không chỉ là chuẩn bị cho những âm mưu tiêu diệt nhau.

Thế chế chính trị tương lai cho Việt Nam

Ông Võ Xuân Minh dẫn nhập phần này. Theo ông Minh, hiện nay chọn lựa một chế độ chính trị cho Việt Nam tương lai không phải là một việc làm quá sớm và thiếu thực tế, vì nó không những đặt nền tảng để xây dựng một chế độ tốt đẹp cho Việt Nam tương lai mà còn đóng góp tích cực trong việc đánh đổ chế độ độc tài hiện tại. Ông đưa ra những nguyên do sụp đổ của các chế độ cộng sản Đông Âu như sau: - Sự tàn ác của các chế độ này làm cho người dân chán ghét và ruồng bỏ các chế độ đó. - Sự phát triển của những phương tiện truyền thông đại chúng làm cho người dân các nước đó thấy được sự phồn vinh của các nước dân chủ, mang lại cho họ niềm tin vào dân chủ.

Giờ đây, chúng ta đấu tranh cho dân chủ đa nguyên tại Việt Nam thì phải phác họa một chế độ tương lai để tranh thủ niềm tin quần chúng. Ông cho rằng khi người dân tin thì đất nước sẽ chuyển mình, lịch sử sẽ thay đổi. Để phác họa chế độ tương lai, chúng ta cần xác minh những nhu cầu cơ bản của đất nước chứ không nên sao chép những mô hình sẵn có vì mỗi quốc gia có những đặc thù cá biệt của nó. Ông nhắc lại sáu yêu cầu cơ bản đã được đề cập đến trong tập tài liệu "Thủ Thách và Hy Vọng" là: xây dựng dân chủ, phát triển, hòa giải và hòa hợp dân tộc, giảm thiểu chênh lệch giữa các vùng, thỏa mãn khát vọng của các thiểu số sắc tộc và tôn giáo và thực hiện thống nhất thực sự đất nước.

Nguyễn Thành Nhân

Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên 1996 THỦ THÁCH và HY VỌNG

Thông Luận biên soạn và
xuất bản

THỦ THÁCH và HY VỌNG là thành quả của hơn một năm nghiên cứu, trao đổi và đúc kết của hàng trăm trí thức, thân hữu và chí hữu Thông Luận cả trong lẫn ngoài nước.

Đặt mua (gởi tiền mặt hoặc chi phiếu, kể cả cước phí bưu điện):

Tại Pháp: Vietnam Fraternité, 24 Square des Cottages, 91200 Athis-Mons (50 FRF)

Tại Hòa Lan: Ông Đặng Minh Kỳ, Malvert 74-05, 6538 CR Nijmegen (15 NLG)

Tại Đức: Ông Nguyễn Thanh Lương, Habsburgerallee 104, 60385 Frankfurt am Main (15 DEM)

Tại Hoa Kỳ: Thông Luận, PO Box 2594, Upper Darby - PA 19082 (10 USD).

THÔNG LUẬN Nguyệt san Thông tin Nghị luận

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số
(tháng 7 và 8 chỉ ra một số)

Giá báo một năm:
Âu Châu 200 FF hoặc tương đương

Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin về
VIET NAM FRATERNITE
(xin đừng đề Thông Luận)

Địa chỉ liên lạc:
Association VietNam Fraternité
24 Square des Cottages
91200 ATHIS-MONS, FRANCE

VỀ VIỆC ÔNG HÀ SĨ PHU BỊ BẮT

Hoàng Tiến

LTS: Ông Hoàng Tiến quê quán tại Hà Nội, sinh ra vào Trung Thu năm Quý Dậu (1933), đã có quá trình là bộ đội chống Pháp, dạy học, viết báo, viết văn. Ông đã tốt nghiệp đại học Ngữ Văn khóa 3 trường Đại Học Tổng Hợp Hà Nội, hội viên Hội Văn Học Nghệ Thuật Hà Nội, hội viên Hội Nhà Văn Việt Nam.

Các tác phẩm của ông gồm có: *Bóng đêm và ánh sáng* (tập truyện-Hà Nội 1958), *Sương tan* (truyện - Hà Nội 1963), *Hà Nội của tôi* (tiểu thuyết - 1983), *Con rồng thần thoại* (tiểu thuyết - 1987), *Khoảng trời tháng chạp* (tiểu thuyết - 1987), *Mùa hoa nghệ rừng* (tiểu thuyết - 1990), *Người đàn bà có khuôn mặt trắng rằm* (tiểu thuyết lịch sử - 1991), *Có một Hồ Xuân Hương khác* (tiểu luận phê bình và giới thiệu-1992), *Chữ quốc ngữ và cuộc cách mạng chữ viết đầu thế kỷ 20* (khảo cứu, 1994), *Đường lên Yên Thế* (tiểu thuyết lịch sử), *Chữ quốc ngữ và sự phát triển ngôn ngữ văn học* (khảo cứu).

Tôi là bạn ông Hà Sĩ Phu. Quá trình bắt ông và xử ông tại tòa án Hà Nội ngày 22-8-1996, báo chí không được tường thuật, chỉ được đưa vài tin vắn tắt theo lệnh trên, nên tôi thấy mình có trách nhiệm phải trình bày những điều tôi biết về vụ án Hà Sĩ Phu, và nhân đây nói vài điều về chuyện tự do dân chủ ở nước mình.

Cuối tháng 11-1995, Hà Sĩ Phu từ Đà Lạt ra Hà Nội. Ông đi thăm họ hàng và bè bạn quen biết. Ngày 29-11-1995, tôi được công an phường Thanh Xuân Bắc (nơi tôi cư trú) mời ra đồn, hỏi về tác giả Hà Sĩ Phu vừa ở Đà Lạt ra và những bài viết của ông. Do có những câu nói bất nhã thiếu lịch sự của người công an, lòng tự trọng của một trí thức văn nghệ sĩ bị xúc phạm, tôi đã phản ứng bỏ ra về. Sau đó tôi đã viết đơn gửi các cấp có thẩm quyền nói về việc ấy.

Trưa ngày 4-12-1995, tôi đang trên phố Trần Hưng Đạo, bỗng gặp Hà Sĩ Phu đi xe đạp. Mừng quá, vì tôi rất muốn gặp Hà Sĩ Phu để báo ông biết tôi bị công an hỏi. Công an đang theo dõi ông. Rồi tôi rủ ông đi ăn cơm bụi, vì mới lĩnh mấy chục ngàn tiền nhuận bút bài báo. Chúng tôi vào ăn một quán ăn bình dân đầu đường Trương Hán Siêu và Nguyễn Du. Khi chia tay, tôi còn nhắc ông nhớ chiều đến ăn cơm ở nhà một người bạn văn, hẹn từ trước.

Buổi đó chúng tôi chờ mãi. Tối mịt vẫn không thấy Hà Sĩ Phu đến. Chúng tôi đành ngồi ăn với nhau mà lòng dạ thấp thỏm. Linh tính như mách bảo có chuyện gì không hay đã xảy ra với ông đây. Mấy hôm sau cháu gái tên Nhân ở đề Tô Hòa gọi điện cho tôi: "Chú Tụ (tức Hà Sĩ Phu) ba hôm nay không về nhà". Thế là có chuyện rồi. Tôi bàn với cháu cách đi tìm. Trước hết hãy đến công an giao cảnh hỏi xem mấy hôm nay có tai nạn giao thông gì. Tên tuổi những người bị nạn. Không có tên Hà Sĩ Phu. Vậy thì các cháu đến công an thành phố xem có bắt giữ ông Hà

Sĩ Phu xin báo cho gia đình biết, và cho gia đình gửi quần áo đồ ăn. Công An Hà Nội trả lời không bắt giữ. Là nhỉ? Các cháu đã làm đơn trình bày với công an sự mất tích của ông chú từ Đà Lạt ra chơi, và yêu cầu họ tìm giúp hộ. Công an Hà Nội trả lời, họ bận nhiều việc, muốn tìm người nhà mất tích thì nhờ báo đăng hoặc tivi.

Cháu Nhân đã đến Nhà Truyền Hình, nhờ đăng tin tìm người nhà, nộp 200.000 đồng, sẽ phát ba lần trên ti vi vào ngày hôm sau. Cháu hồ hởi báo tin cho tôi biết, và tôi rất chăm chú theo dõi ti vi. Không có gì.

Tôi gọi điện hỏi. Cháu không hiểu ra sao. Cháu đến đài, thì họ trả lại tiền, và nói trường hợp này phải về xin giấy chứng nhận của địa phương là mất tích thì họ mới phát. Thật kỳ quặc!

Công An đã huýt còi bên đài rồi. Tôi nghĩ, việc công an bắt người sau 24 giờ phải thông báo cho gia đình biết, mới phải luật pháp đảng này ... Tôi gọi điện cho bè bạn quen biết ở các tòa báo, nhờ can thiệp giúp, ít nhất là phải báo cho gia đình người ta biết. Nhưng mọi nơi đều từ chối, dính đến công an phiền lắm ông ạ. Tôi gọi điện cho người bạn có chức quyền ở thành phố (Hà Nội), nhờ bạn can thiệp bên Công an làm đúng thủ tục bắt người theo luật định, chú sao lại làm như Mafia bắt người vậy. Bạn tôi hỏi lại: Có thật thế không? Nhớ văn nghệ sĩ các ông giữ nhau uống rượu ba bốn ngày chưa về thì sao? Tôi khẳng định Hà Sĩ Phu không nghiện rượu, mà dù ông có ở nhà bè bạn cũng phải điện cho gia đình các cháu biết chứ.

Vài hôm sau thì đài nước ngoài đưa tin Hà Sĩ Phu bị bắt. Trong nước báo chí vẫn im re, người ta sợ hãi nói đến tin bắt Hà Sĩ Phu. Bạn bè quen biết của Hà Sĩ Phu, ai cũng nơm nớp có thể họ sẽ đến bắt mình.

Ngay cả tôi, vì tôi đã phản ứng với

công an điều tra. Tôi chuẩn bị sẵn một chiếc ba lô, dặn dò con cái, khi tình huống công an tìm đến bắt đi. Lòng nghĩ tới hồi ký của EB dưới thời Staline, lúc nào cũng chuẩn bị sẵn một chiếc va-li con. Bạn quen nói: "Không đến nỗi như thế đâu. Muối mặt dám làm thế. Nhưng biết đâu được, ở một đất nước không có tự do ngôn luận, tự do báo chí, thì việc gì cũng có thể xảy ra".

Những bài viết của Hà Sĩ Phu đã thức tỉnh lương tri của nhiều người. Tất cả mới có ba bài thôi ("*Đốt tay nhau đi dưới những tấm biển chỉ đường của trí tuệ*", "*Đôi điều suy nghĩ của một công dân*", "*Chia tay ý thức hệ*") đều không được báo chí in. Chỉ chuyên tay nhau đọc. Ông phân tích tình hình thế giới, phân tích tình hình trong nước, chỉ ra những sai lầm của chủ nghĩa Marx, v.v... nhiều ý kiến trái tai những người lãnh đạo. Ông rất thành thật, thực hiện quyền của một công dân trí thức, trình bày những suy nghĩ của mình trước vận mệnh dân tộc. Ông gọi cho những người lãnh đạo cao nhất nước, các cơ quan báo chí, bè bạn quen biết, để xin ý kiến. Tấm lòng ông trong sáng, ý nghĩ ông minh bạch, không một chút khuất tất và không có gì vi phạm luật pháp.

Nhưng bây giờ người ta đã bắt ông.

Không khí khủng bố lo ngại lan tràn trong trí thức văn nghệ sĩ. Lại như cái năm nào bắt Dương Thu Hương trước Đại hội 7 - để bịt mồm văn nghệ sĩ lại. Bây giờ bắt Hà Sĩ Phu trước Đại hội 8 - để bịt mồm giới trí thức lại. Dân chủ tự do lại bị siết chặt. Ngột ngạt. Lo âu. Người ta cố tìm một triết lý để tự an ủi: Thì đã bao giờ ta có dân chủ tự do mà bảo sợ siết chặt. Nghi thế mà thấy yên tâm hẳn, mà sẵn sàng tinh thần chịu đựng một khi tai họa ập đến.

Việc bắt Hà Sĩ Phu mãi đến ngày thứ 12, công an mới báo cho gia đình biết, sau khi nhiều đài nước ngoài đã nói âm lên. Cháu Nhân kể với tôi, có hai ông công an

đến giờ cái giấy chú Tụ (tức Hà Sĩ Phu) viết về, nói chú đến ở chỗ công an, yêu cầu cháu đưa các đồ dùng của chú cho hai đồng chí công an cầm giấy này mang về. Các cháu gái bình luận: Họ bắt giữ thì nói là bắt giữ, lại bắt chú cháu viết về là đến ở chỗ công an, làm như ở gia đình chúng cháu không tốt đẹp bằng ở chỗ công an hay sao. Tôi cười bảo cháu: Để họ dễ có đường rút, họ có bắt người bố lão đầu, đây là ông Hà Sĩ Phu tự nguyện dọn đến ở với họ đấy chứ.

Thời hạn tạm giữ theo luật định không được quá ba ngày đêm. Hà Sĩ Phu là lệnh tạm giữ, do trung tá Vũ Hiền công an Hà Nội ký. Giấy này bà Hà Sĩ Phu sau mới nhận được, ghi lý do: có hành vi chiếm đoạt tài liệu bí mật nhà nước. Lệnh tạm giữ là ba ngày mà rồi trở thành 9 tháng, mới được đem ra xét xử tại tòa án Hà Nội.

Tôi may mắn có tham dự phiên tòa. Về cái tội danh "có hành vi chiếm đoạt tài liệu bí mật nhà nước" của ông Hà Sĩ Phu, đã bị ông lật tẩy trước phiên tòa. Ông đang đi xe đạp về phía Bờ Hồ thì bị hai người đi xe máy tông vào sau xe làm ông ngã ra. Cái túi treo ở ghi đông văng ra đường. Có người định giật lấy. Ông kêu lên: "Cướp! Cướp!" thì công an ập đến. Bắt tất cả vào đồn công an Hàng Bài. Đòi khám chiếc túi. Ông hỏi lý do. Họ bảo xem có mất gì không. Ông bảo không mất gì cả. Nhưng rồi họ cứ khám và lấy được hai bản photocopy lá thư của ông Võ Văn Kiệt gửi Bộ Chính trị ngày 9-8-1995 có in dấu "Tối mật".

Thì ra cái hành vi tông xe, người ngã, cướp túi, không thành tội danh mà lại trở thành cái lý do kết tội có hành vi chiếm đoạt tài liệu bí mật Nhà Nước cho người bị hại. Lạ lùng thay, và cũng buồn cười thay cho lối bắt người kém cái tiến như công an Hà Nội đã làm.

Nhớ lại cái lần bắt Dương Thu Hương, công an cũng đạo diễn lớp kịch cho tên Tâm, Việt kiều, ra sân bay đi Mỹ. Khám va li thấy một đống những tài liệu phản động: thư ông Nguyễn Khắc Viện gửi Mặt Trận Tổ Quốc, bản góp ý của ông Hoàng Minh Chính gửi Đại Hội Đảng lần thứ 7, kiến nghị của các cụ nghỉ hưu quận Đống Đa gửi lãnh đạo nhà nước v.v... Tên Tâm khai nhận ở nhà văn Dương Thu Hương. Và Dương Thu Hương bị bắt.

Ai cũng hiểu rằng ở thời đại khoa học kỹ thuật phát triển như ngày nay, chỉ cần một cái Fax là ở nước ngoài đã nhận được một bản sao y như nguyên bản; và nếu còn cổ lỗ như vài chục năm về trước thì cũng

đã có những máy ảnh nhỏ xíu rất nhạy thu nhỏ những tài liệu mật vào một cuộn phim chỉ bằng ngón tay, nhét vào đâu chẳng được, mà lại phải kèn càng cho những bản kiến nghị, bản góp ý, vào một chiếc va li để công an sân bay bắt được. Mẹo của công an khôn, nhưng chỉ đánh lừa được những người nhẹ dạ, chứ chưa ngoan. để bịp nổi những người có suy nghĩ đôi chút.

Trong phiên tòa cả ba bị cáo (Hà Sĩ Phu, Lê Hồng Hà, Nguyễn Kiến Giang) và ba luật sư (Đàm Văn Hiếu-Hà Nội, Nguyễn Hữu Nhân-Hà Tây, Trần Lâm-Hải Phòng) đều cãi rất hay. Cái quan trọng nhất của một phiên tòa là vật chứng lại không có. (Tức lá thư ông Võ Văn Kiệt gửi Bộ Chính Trị ngày 9-8-1995, Tòa giải thích đã gửi nộp lên văn phòng chính phủ cất giữ bảo quản). Người Phó văn phòng Chính phủ ký công văn xác nhận lá thư ông Võ Văn Kiệt là tài liệu bí mật Nhà Nước, cũng không có mặt tại phiên tòa. Các luật sư lập luận: không một ai, không một cơ quan nào được quyền xác nhận là bí mật hay không bí mật. Điều này phải được Tòa xem xét và phán định dựa trên luật pháp đã ban hành. Bị cáo Lê Hồng Hà nhận trước Tòa có đọc lá thư ông Võ Văn Kiệt, vì thế mà bị cáo khẳng định, hiểu theo luật pháp, nội dung lá thư không nằm trong bảy điều được gọi là bí mật nhà nước đã ghi rõ trong sách luật. Lá thư nói về đường hướng phát triển kinh tế đất nước, khu vực kinh tế nhà nước, khu vực kinh tế tư nhân, tỷ lệ như thế nào cho hài hòa. Những điều đó sau này đã biến thành Bản Dự Thảo để toàn dân tham gia ý kiến. Có gì là bí mật.

Trở trêu là phiên tòa không được bàn vào nội dung bức thư. Chủ tọa Nguyễn Sơn điều khiển phiên tòa, chỉ cho phép bàn về hình thức có in dấu "Tối mật" ở đầu bức thư, và căn cứ vào công văn của văn phòng chính phủ xác nhận bức thư là tài liệu bí mật nhà nước. Thật là hết sức khó khăn cho các luật sư tham gia vụ án. Thư là thư tay của ông Võ Văn Kiệt gửi các ủy viên Bộ Chính Trị, trên chữ ký của ông Kiệt không có dấu đỏ dấu đen gì cả. Thì cùng lắm nó là tài liệu bí mật của Đảng, chứ sao lại thành bí mật nhà nước được.

Các luật sư cũng chỉ ra, kiểm sát viên buộc tội không chứng minh được sự thiệt hại nghiêm trọng do việc làm lộ lá thư của ông Võ Văn Kiệt gửi Bộ Chính Trị, được gọi là bí mật nhà nước. Vì thế, theo các luật sư, vụ án chưa đủ yếu tố cấu thành tội phạm.

Luật sư Hải Phòng là Trần Lâm đề

nghị Hội đồng xét xử nên bãi bỏ phiên tòa, hoặc dừng lại, tiếp tục điều tra một cái gì lớn hơn, đằng sau vụ việc này. Nếu cái đó thành tội danh thì gắn vụ việc này vào, nếu không thành thì tự nó sẽ triệt tiêu.

Ông Hà Sĩ Phu nói lời cuối cùng đã đặt một câu hỏi: Như bản án kết tội ông là cố ý làm lộ bí mật nhà nước, chịu khung án từ 9 tháng đến 12 tháng tù giam, trong khi ông chỉ mới cầm tài liệu, chưa kịp đọc, đem photo làm 2 bản, thì bị đâm xe và khám túi. Công an đã lấy lại cả hai bản photo. Thế mà ông bị kết án là cố ý làm lộ bí mật nhà nước. Vậy tất cả mọi người tham dự phiên tòa ngày hôm nay chẳng hóa ra cũng dính vào tội danh cố ý làm lộ bí mật nhà nước cả ư? Cả phiên tòa đã bật cười. Lối nói của Hà Sĩ Phu vẫn rất Hà Sĩ Phu như thế.

Có lời bàn sau phiên tòa, kiểu dân dè, bà có cái của ấy, ai bảo bà để nó ra thì người ta dòm. Sao lại đi bắt tội cái người dòm, mà không kết tội cái người để hở. Lại có tiếng xì xào, đáng lẽ Hà Sĩ Phu bị 9 tháng thôi, thời gian giam giữ vừa hết hạn, nhưng vì lời nói cuối cùng mà bị đẩy lên khung án cao nhất của ông.

Một lời nói thật, bợ lộ một nhân cách kẻ si, mà linh thêm ba tháng tù. Một cái giá phải trả mang nhiều ý nghĩa đấy chứ

Chủ tọa Nguyễn Sơn cùng kiểm sát viên buộc tội Phùng Kiến Lập không bác bỏ được một ý kiến nào của các luật sư cũng như của các bị cáo, nhưng rồi cứ tuyên án theo án đã viết sẵn tự bao giờ: Lê Hồng Hà 2 năm tù giam, Hà Sĩ Phu 12 tháng tù giam và Nguyễn Kiến Giang 15 tháng tù cho hưởng án treo.

Thật là một màn kịch vụng về. Vụng về ngay từ khi kéo màn xử án. Bản cáo trạng cố ý làm lộ bí mật nhà nước, việc đem xét xử để làm tấm gương răn đe mọi người chớ làm lộ bí mật nhà nước, hẳn phải xử công khai, đăng báo cho nhiều người tới dự, mà lấy đó làm bài học ngầm chung. Đăng này lại của kín, rất ít báo chí được mời. Dân chúng thì đứng hồng vào. Mọi người tò mò tập trung đông đúc ở cửa Tòa án phía đường Hai Bà Trưng, bị công an ra giải tán. Thiếu dân chủ như vậy mà không báo chí nào dám đưa tin.

Nghe đâu ông Võ Văn Kiệt và ông Đỗ Mười không muốn đưa ra xử. Như thế là phải, vì ai lại nỡ bỏ tù những người đã đọc và truyền bá ý kiến của mình. Ông Đỗ Mười và ông Võ Văn Kiệt hiện nay đứng đầu Đảng và đứng đầu nhà nước, có ý kiến đúng, mà không thực thi được, thì tránh sao khỏi bị mang tiếng là người nhu

nhược. Vua mà đã nhu nhược thì quần thần lấn lướt. Sự đời là thế.

Cuộc sống mất dân chủ và dân quyền ở đất nước đã kéo dài. Quốc hội đang họp kỳ thứ 10 của khóa 9, vừa công bố trên tivi, con số 497 vụ bắt người oan trong năm, tính trung bình một ngày hơn một người bị bắt oan. Công an được giao quyền quá lớn trong chiến tranh, vẫn theo quán tính con lăn, đến nay chưa thu mình được vào luật pháp.

Chỉ kể sơ qua những vụ án bắt oan mà nhiều người biết.

Năm 1955, vừa tiếp quản Hà Nội được ít lâu, gấy lên vụ gián điệp Mỹ phá hoại hiện hành. Bị cáo là ông Nguyễn Phổ, con cụ Nguyễn Văn Vinh, người có công truyền bá chữ quốc ngữ trở thành chữ viết của dân tộc hồi đầu thế kỷ, nhưng lâu nay ta vẫn coi là một đại Việt gian. Gián điệp Mỹ Nguyễn Phổ là con một đại Việt gian, đã chỉ đạo việc đốt nhà máy in Tiến Bộ, thì đúng quá đi rồi. Hợp lý quá đi rồi. Ai còn dám nghi ngờ điều gì. Ông Lê Quốc Thân, giám đốc Sở Công An Hà Nội thời bấy giờ ký lệnh bắt cùng các ông Nguyễn Thực, trưởng phòng chính trị công an Hà Nội, và ông Trần Nam Đăng tức Lê Hạt, trưởng phòng chấp pháp công an Hà Nội thời năm 1955. Ba ông này đã làm rùm beng vụ án, từ ở sân sau tòa án Thành phố, vào ban đêm, treo đèn, căng khẩu hiệu, rồi sau đó phát thanh đăng báo, in áp phích loại bướm tuyên truyền rầm rì mục đích đề cao thành tích của công an, và để toàn dân nâng cao cảnh giác với âm mưu phá hoại của địch.

Ông Nguyễn Phổ bị giam 17 năm một tháng 1 ngày (bản án hình sự số 271 ngày 26-11-1955 Tòa Án Nhân Dân Hà Nội). Khu nhà biệt thự 25 phố Nguyễn Gia Thiều bị thu giữ, rồi trở thành trụ sở của Ban Đối Ngoại Trung Ương Đảng. Cuối năm 1972 ông Phổ được thả. Sau đó ông được minh oan là vô tội, theo bản án giám đốc sở số 9HS1 của Tòa Án Nhân Dân Tối Cao ký ngày 28-3-1978. Việc đốt nhà in Tiến Bộ là dựng chuyện. Giám đốc nhà máy in Tiến Bộ đã xác nhận với cán bộ thanh tra đi thẩm tra lại vụ án theo đơn kêu oan của ông Phổ: không có việc nhà in bị đốt, hồi đó là làm theo yêu cầu của bên công an. Ông Phổ lại là người của Bộ Quốc Phòng đưa vào Hà Nội hoạt động, và hiện nay được nhận lương hưu quân đội theo quyết định số 873/QĐ của Bộ Tổng Tham Mưu - Bộ Quốc Phòng ký tháng 5-1981, và được đền bù 100 triệu (8-1995).

Ông bây giờ đã ngoài 80, hàng xóm với tôi, ông nói trường hợp của ông là muốn một may mắn được minh oan, trong hàng vạn những người bị oan kiểu như ông. Con cái ông nay thoát khỏi cái lý lịch phản động. Tài sản của ông được đền bù nhưng ngôi nhà của ông vẫn chưa lấy lại được. Ông đã làm đơn đòi lại ngôi nhà, và hy vọng, trước lúc nhắm mắt, được nhà nước giải quyết.

Điều kỳ lạ là, những người tạo dựng lên vụ án không hề bị trừng phạt. Nhóm ông Lê Quốc Thân vẫn lên chức, lên lương. Nếu không vấp phải vụ đại tá tình báo Nguyễn Công Tài (con nhà văn Nguyễn Công Hoan), thì Lê Quốc Thân lúc ấy đang làm thứ trưởng thứ nhất Bộ Công an kiêm bí thư Đảng đoàn hẳn sẽ lên bộ trưởng.

Thời kỳ cải tạo tư sản ở miền Bắc, có một sắc lệnh do thủ tướng Phạm Văn Đồng ký năm 1961, bắt tập trung cải tạo những người có tư tưởng và hành vi chống đối chủ nghĩa xã hội. Thế là hàng loạt những người trong cao trào công tư hợp doanh bị đưa đi cải tạo. Rồi phong trào Nhân văn Giai phẩm, hàng loạt văn nghệ sĩ bị đưa đi lao động cải tạo. Kế đến vụ án xét lại chống Đảng, hàng loạt cán bộ trung cao cấp bị đưa đi tập trung cải tạo. Tất cả đều không có án. Thời hạn là ba năm. Nhưng thường là gấp hai-ba lần cái ba năm đó. Với lý do mơ hồ: chưa tiến bộ, hoặc chưa cải tạo tốt. Ấy là chưa kể trước đây, đợt cải cách ruộng đất đã giết oan hàng mấy ngàn người (chính phủ chưa công bố con số).

Ông Phạm Văn Đồng khi ký cái sắc lệnh mơ hồ và rộng nghĩa đó, có biết đâu rằng sau chữ ký của ông, hàng ngàn hàng vạn gia đình đã phải ly tán, cha bỏ con, vợ bỏ chồng, chồng bỏ vợ. Con cái mang cái lý lịch phản động không xin đâu được việc làm, học lên cao lại càng khó. Ngay một người nổi tiếng như tiến sĩ luật sư Nguyễn Mạnh Tường chỉ vì phát biểu ở Mặt trận Tổ quốc, sau những tổn thất cải cách ruộng đất, đề nghị được làm một cuộc bỏ phiếu tín nhiệm chính phủ. Thế là bị vô hiệu hóa.. Các chức vị giáo sư, luật sư không được dùng. Đến mức ông muốn dạy pháp văn để kiếm sống, mà không có ai dám đến học. Ông sống thui thủi như cái bóng, về già viết cuốn hồi ký "Un excommunié" in ở bên Pháp, mà rồi sợ bị trong nước đàn áp, đã chuẩn bị tuyệt thực cho đến chết, nếu công an rờ đến.

Ông Phạm Văn Đồng hiện nay đã ngoài chín mươi. Ông an hưởng tuổi già

ở biệt thự dựng bên Hồ Tây, hưởng cảnh trăng trong gió mát. Tôi rất muốn những hàng chữ này lọt đến tai ông, trước khi ông nhắm mắt xuôi tay, để ông nhìn ra một sự thật là: lòng mong muốn sự tốt đẹp nhiều khi lại là việc độc ác.

Vụ công an bắt giữ nhà văn nữ Dương Thu Hương đã phải trả giá. Sự phản ứng của trí thức và văn nghệ sĩ trong nước bị o bế vẫn im re, nhưng bù vào đấy là sự công phần của trí thức nước ngoài, nhất là ở Pháp bà Mitterrand, phu nhân Tổng thống Pháp bấy giờ sang nước ta tuy bị công an từ chối không cho gặp nhà văn Dương Thu Hương, nhưng bà đã gây áp lực với giới cầm quyền. Rồi sau đó, bằng sức ép ngoại giao, công an đã phải thả Dương Thu Hương. Thiếu tướng công an Quang Phòng, người chỉ đạo vụ Dương Thu Hương, bị thải hồi về hưu.

Sau khi ông Lê Đức Thọ mất, vụ án "xét lại chống Đảng", đã được ông Nguyễn Trung Thành, trưởng ban Bảo Vệ Đảng, người đứng thứ hai sau Lê Đức Thọ chỉ đạo vụ án, do lương tâm thức tỉnh đã làm đơn trình bày với Bộ Chính Trị sửa sai cho 38 cán bộ đảng đã bị xử trí oan.

Sự mất dân chủ với dân, đã dẫn đến sự mất dân chủ trong Đảng. Tôi đã được đọc tờ đơn của ông Lê Liêm, nguyên Ủy viên Trung ương Đảng (thời kỳ Lê Duẩn), kiến nghị việc vô cơ khai trừ ông ra khỏi Trung ương, không lập hội đồng kỷ luật, không hỏi ý kiến cá nhân. Tôi cũng đã được đọc lá thư ông Võ Nguyên Giáp gửi Bộ Chính trị thanh minh một số việc khi giao ban nói không đúng về ông, với yêu cầu giao ban đến cấp nào thì lá thư của ông cũng được gửi đến cấp đó để thanh minh. Tôi cũng đã đọc lá thư của bà Vũ Đình Huỳnh gửi trung ương tố cáo vụ bắt ông Vũ Đình Huỳnh, công an đã dùng dây thừng trói giật cánh khuỷu ông Huỳnh đưa ông ra xe (chắc có lệnh của Lê Đức Thọ, để trấn áp ông Huỳnh). Và bà đòi minh oan cho chồng. Việc bắt ông Đặng Kim Giang thì như một vụ bắt cóc. Bà Giang đi tìm chồng khắp nơi, đến cả dinh Hồ Chủ tịch hỏi, cũng không biết, người ta mách bà đến Lê Đức Thọ. Bà đến hỏi. Lê Đức Thọ bảo: "Chị yên tâm, anh đang ngồi viết kiểm điểm, viết xong thì về". Những đảng viên có chức có quyền còn bị đối xử mất dân chủ như vậy, nói chi đến dân thường thấp cổ bé miệng.

Sự mất dân chủ và tự do ở nước ta đã đến mức báo động. Nó đã thành vật cản làm xã hội trì trệ và gây những tội ác.

Tôi khẩn thiết đề nghị các nhà lãnh đạo

Việt Nam cho thực thi dân chủ và dân quyền, cụ thể như sau:

1. Công nhận quyền làm báo tư nhân và xuất bản tư nhân. Có như thế dân mới có phương tiện để thực thi dân chủ và dân quyền. Nếu không nói dân chủ và dân quyền chỉ là nói xạo.

2. Bãi bỏ Ban Văn Hóa Tư Tưởng. Thực chất nó là ban dò thám tư tưởng trí thức văn nghệ sĩ và ban kiểm soát tư tưởng các giám đốc xuất bản và tổng biên tập các báo.

3. Buộc công an cũng phải tuân theo luật pháp. Nghiêm trị thật nặng những công an bắt người oan. Không xử lý nội bộ mà đưa ra xét xử tại tòa để làm gương cho mọi người (có thể thì mới xóa được con số 479 vụ bắt oan - theo công bố của Quốc Hội họp kỳ thứ 10 khóa 9 tháng 11-1996).

Vài lời thành thật nói thẳng của một công dân nhà văn cao tuổi, đã tham gia Cách Mạng Tháng 8, kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, cho tới ngày nay. Những lời nói có thể trái tai những nhà cầm quyền lúc này. Nhưng thuốc đắng già tật, với lòng mong mỏi góp phần xây dựng một đất nước pháp triển không thua kém các nước bạn trong vùng và trên thế giới.

Ngược lại, nếu có những nhà lãnh đạo Việt Nam hiện nay phiền lòng muốn trừng phạt thì kẻ viết này, xin sẵn sàng lãnh chịu những hình phạt với tấm lòng thanh thản đã nói thật được nỗi lòng mình.

Hoàng Tiến

Hà Nội, ngày 6-11-1996

Địa chỉ: Nhà A11 phòng 420 Khu tập thể Thanh Xuân Bắc - Hà Nội

Điện thoại : 8543852

THÔNG LUẬN

Nguyệt san Thông tin Nghị luận

Phát hành đầu tháng, mỗi năm 11 số (tháng 7 và 8 chỉ ra một số)

Giá báo một năm:

Âu Châu 200 FF hoặc tương đương

Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin đề
VIET NAM FRATERNITE
(xin dùng đề Thông Luận)

Địa chỉ liên lạc:

Association VietNam Fraternité
24 Square des Cottages
91200 ATHIS-MONS, FRANCE

Bình luận thời sự trong nước

Giữa một thời điểm đầy bất trắc

Bùi Tín

□ Những thủ thách sau Đại Hội VIII □ Mới lên dốc đã chóng mặt □ Những chiều hướng thuận và nghịch □ Tự bỏ hay mang thêm gánh nặng để leo dốc ? □ Mất đà, rồi sao nữa?

Đại Hội VIII đã lùi vào dĩ vãng với nét bi hài: ba cụ già cùng nhau ở lại nguyên vị sau khi trình diễn bản đồng ca "nuông ghé cho thế hệ trẻ hơn" (!). Quốc hội mùa thu vừa bế mạc, với việc thay thế gần mười vị bộ trưởng, không gây nên ấn tượng gì nổi bật ngoài sự thú nhận công khai là nạn tham nhũng lan tràn bất trị, bức tranh xã hội bị dát thêm (cướp bóc, cờ bạc, nghiện hút, mại dâm, sida, buôn lậu, trốn thuế đều... tăng tiến!). Đã vậy, hai tuần nay, xảy ra không khí gần như tang gia bối rối khi tướng Lê Đức Anh bị chảy máu não, bán thân bất toại, có lúc cấm khẩu, cần tìm người thay thế.

Bệnh tê liệt có nguy cơ lây lan

Chúc ông tướng từng nổi danh ở Cambốt tai qua nạn khỏi! Điều bất hạnh của ông đang gây nên khủng hoảng trong bộ máy cầm quyền. Những người yêu cầu cử người thay thế ông ngay trong kỳ Đại Hội VIII đã tỏ ra là có lý. Ai sẽ thay ông? Cần một cuộc họp Trung ương đảng bất thường? Cần một cuộc họp Quốc hội bất thường nữa sau đó? Vì bà phó chủ tịch nước Nguyễn Thị Bình không có chân trong Trung ương đảng. Ông Nông Đức Mạnh ư? Ông Nguyễn Mạnh Cầm ư? Ông Đoàn Khuê ư? Lại một cuộc đấu đá có thể kéo dài, gay gắt giữa các phe, phái, thành phần, Nam với Bắc, quân đội với dân sự, tuổi cao và ít cao hơn... Do sự ràng buộc về cơ cấu khá phức tạp trong bộ máy chính quyền ở Việt Nam nên sự tê liệt của người đứng đầu nhà nước có thể làm cho cả bộ máy bị liệt lây. Cần hiểu rõ tướng Anh đang ôm đồm nhiều quyền trong lĩnh vực quốc phòng, an ninh, đối ngoại, tình báo, luật pháp...

Tin từ Hà Nội cho biết bộ máy nhà nước đang có những biểu hiện không bình thường. Phó thủ tướng Nguyễn Khánh không được bầu lại vào Trung ương đảng, rất khó chỉ đạo Bộ Văn Hóa, Bộ Giáo Dục, Bộ Y Tế..., bộ trưởng các bộ này đều là ủy viên Trung ương đảng! Bộ Tư Pháp vẫn lép vế, do bộ trưởng Nguyễn Đình Lộc vẫn không được cử vào Trung ương đảng; pháp luật bị coi thường là lẽ tất

nhiên! Trong khi ở các nước coi trọng luật pháp, bộ trưởng tư pháp luôn là một nhân vật trọng yếu. Ông Lộc đang là nhân vật loại ba, loại tư. Cải cách tư pháp được coi trọng như vậy đó!

Xe đang có đà lên dốc, thì...

Sau mười năm đổi mới, sau năm năm thực hiện Nghị quyết Đại Hội VII, tình hình kinh tế có những nét *khả quan*. Tốc độ phát triển công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ khá cao. Lạm phát giảm đi trông thấy. Xuất khẩu gạo, hải sản, hàng may mặc, than, cà phê... đều tăng khá. Đầu tư từ nước ngoài tăng. Đời sống ở thành thị và một phần ở nông thôn có được cải thiện.

Lê ra khi xe đã có đà thì càng *cẩn thận, không chủ quan*, giữ đà và tìm cách tăng tốc độ. Đã có những dấu hiệu giới lãnh đạo *chủ quan, tự mãn, coi thường* những lời cảnh tỉnh của bè bạn. Họ bỏ ngoài tai những khuyến cáo xây dựng của các cơ quan quốc tế giàu kinh nghiệm như WB, IMF...

Sự sửa đổi luật đầu tư vẫn *chưa đạt yêu cầu*; cải cách hành chính *đầu voi đuôi chuột*; cải cách ngân hàng *ì ạch*; xây dựng và áp dụng luật pháp *quá hình thức, giả tạo*; chống tham nhũng *kiểu giơ cao đánh khẽ*.

Sau mười năm mở cửa, lê ra Việt Nam có thể mạnh dạn *hòa nhập* với thế giới thêm một bước thì họ lại run sợ, thoái lui. Việc trả thù nhà báo Adam Schwartz của tuần báo *Kinh Tế Viễn Đông* không cho ở lại thêm một nhiệm kỳ, do ông nói lên sự thật về những cái dở của giới cầm quyền; việc qui định gắt gao việc kiểm soát các nhà báo ngoại quốc hành nghề ở Việt Nam theo kiểu kiểm duyệt cổ lỗ; việc lập các chi bộ đảng cộng sản trong các cơ sở kinh tế hỗn hợp... đều là những việc làm kỳ quặc, đại dột mà tai hại chưa lường hết được. Xe có đà lên dốc thì người lái đã chóng mặt, mất tinh táo, xâm xẩy mặt mày. Những cải cách cơ bản nhất vẫn đang còn ở trước mặt. Những khó khăn nhất đang ở phía trước.

Chiều hướng thuận và nghịch

Ngay sau Đại Hội VIII, nếu những người lãnh đạo đất nước tỏ ra có trách nhiệm, *quý trọng những thành tích của nhân dân* sau khi họ buộc phải trả lại cho xã hội quyền tự do kinh doanh theo kinh tế thị trường, dần thêm một bước rũ bỏ những giáo điều và ảo tưởng cũ, hòa nhập thêm với thế giới hiện tại, văn minh, thì họ sẽ có thêm nhiều *thuận lợi mới*. Nguồn đầu tư đã không bị chững lại; khách du lịch sẽ tăng mạnh; các khách sạn đã không bị ế ẩm. Việc đổi mới hạ tầng cơ sở đã có thể thực hiện một phần.

Xu hướng *ngịch với việc hòa nhập* đang tăng thêm. Đối với thế giới, ngày càng tăng thêm số người *nản lòng* cho rằng những người lãnh đạo già nua của đảng cộng sản đã quá quen thích ứng với không khí *chiến tranh*, thù địch nên mắc bệnh *dị ứng* với một thế giới hòa bình, chỉ có bè bạn và bạn hàng... Họ vẫn cứ nhìn thấy ở chính quyền Clinton những *kẻ thù* tìm cách lật đổ họ; họ cứ lu loa âm ỉ các đài phát thanh VOA, BBC, RFI, Châu Á Tự Do là những công cụ của đế quốc và bọn phản động (!). Ở trong nước họ *bắt giam, xử tù và quân thúc những chiến sĩ kiên cường đấu tranh cho dân chủ và nhân quyền*, vu khống chụp mũ là tay sai của đế quốc. Họ lại còn quá quắt lên án các chính phủ và tổ chức quốc tế can ngăn, phê phán họ là can thiệp vào công việc nội bộ của Việt Nam. Họ giả ngây ngô lơ đi chuyện chính họ đã ký Công Ước Quốc Tế Về Nhân Quyền, giả vờ không biết rằng cộng đồng quốc tế chẳng những *có quyền*, mà còn *có nghĩa vụ can thiệp*, khi họ vi phạm những điều họ đã cam kết...

Lê ra khi xe đang leo dốc, cần bỏ bớt đi những hàng hóa công kênh, không có giá trị, thì những người lãnh đạo ở Hà Nội lại chất thêm gánh nặng không đáng có. Do đó quang đường trước mắt không sáng sủa, *đầy bất trắc và hiểm nguy*.

Mất đà, rồi sao nữa ?

Cỗ xe "đổi mới" đang mất dần đà leo dốc. Khi đà đã hết, động cơ yếu, xe có thể bị lùi. Trong thế giới hiện đại, các công ty đầu tư quốc tế rất năng động. Họ *cực kỳ nhạy bén*. Họ mở công ty, đóng công ty, di chuyển tư bản từ nước này qua nước kia chỉ trong *một sớm, một chiều*. Các cơ quan thông tin, báo chí, điều tra thị trường, tỷ lệ rủi ro là những cơ quan tư vấn có giá trị. Hàng điều tra may rủi ở Hồng Kông sắp Việt Nam là nước mà đầu tư có nhiều rủi ro nhất ở Đông Nam Á là điều rất

đáng để ý. Sự hấp dẫn về giá trị lao động rẻ ở Việt Nam đã bị triệt tiêu bởi nạn giấy tờ, quan liêu, chậm trễ về hành chính, bởi quà cáp phí, tham nhũng phí quá cao, bởi luật pháp tùy tiện, các tòa án không vô tư, các hãng luật và luật gia quốc tế vô phương can thiệp... Đà vậy không có tự do báo chí nên báo chí chỉ là công cụ của chính quyền để hiếp đáp các nhà đầu tư quốc tế. Các ông chủ tư bản Nhật Bản và Pháp đều khuyến cáo Việt Nam đi những bước mạnh dạn theo hướng đổi mới, tôn trọng luật pháp, quyền sở hữu, trong sạch hóa bộ máy...

Mới đây tổng thống Clinton từ thủ đô Thái Lan Bangkok đã khẳng định rằng *dân chủ và phát triển* là hai nhân tố cơ bản ở các nước Châu Á; ông biểu dương trào lưu dân chủ đang diễn ra Thái Lan, Philippines và Nam Hàn, đồng thời lên án gay gắt bọn quân phiệt Miến Điện trùm buôn ma túy... Tổ chức PENUD của Liên Hiệp Quốc cũng vừa chỉ trích chính quyền Việt Nam *ôm đồm o bế khu vực quốc doanh và ghê lạnh khu vực tư nhân!* Những lời khuyến cáo ngay thật và kịp thời trên đây rất khó lọt tai các nhà lãnh đạo bảo thủ, nhưng lại được nhân dân, trí thức, tuổi trẻ và các nhà kinh doanh trẻ ở Việt Nam vui mừng đón nhận. Hội nghị APEC mới đây ở Philippines cũng đặt Việt Nam trước một thử thách gay gắt. Việt Nam muốn gia nhập *thị trường tự do* rộng lớn này, nhưng lại hoa mắt, run chân vì phải rũ bỏ những *hàng rào mậu dịch* và *vị thế cạnh tranh yếu ớt* của mình.

Tình thế hiện nay thật gay go cho Hà Nội. *Lùi bước* thì không thể được. *Dừng lại* là lùi. Mà *tiến lên* thì sợ. Cái sợ lớn nhất là mất quyền. Cho nên họ tiến về mặt này, lại lùi về mặt khác. Vừa nhấn ga, vừa kéo phanh hãm! Luẩn quẩn, dở dở ương ương, *tự mình cãi nhau với chính mình!*

Khi đầu tư quốc tế giảm đi trông thấy, tư nhân ở trong nước càng thêm chán ngán găm vốn trở lại, sản xuất kinh doanh sẽ tiêu điều, bạn bè cũng thưa thớt, xã hội vốn đã hỗn loạn càng thêm *điên đảo*, nhà nước đứng trước những *món nợ khổng lồ* không phương thanh toán. Sau khi đã buộc phải trả quyền tự do kinh doanh cho xã hội, lúc ấy đảng chỉ còn có nước trả lại quyền lãnh đạo chính trị để ra đi. Chưa ai hình dung rõ được tình thế sẽ ra sao. Cảnh báo về triển vọng thực tế ấy để chủ động tránh xảy ra, lúc này cũng đã là muộn!

Bùi Tín

Paris, tháng 12-1996

Chọn lựa Việt Nam

Hiện nay, đề cập đến việc chọn lựa một chế độ chính trị cho Việt Nam tương lai, phải chăng là một việc làm quá sớm và không thực tế? Phải chăng hiện nay chúng ta nên dồn tất cả thì giờ và mọi cố gắng để chấm dứt chế độ này trước đã, rồi sau đó sẽ tính đến chuyện xây dựng đất nước Việt Nam ?

Vẫn biết trong lúc chế độ độc tài đảng trị đang còn thống trị đất nước thì công việc trọng đại nhất, khẩn cấp nhất là chấm dứt chế độ này. Tuy nhiên, hiện nay đề cập đến việc chọn lựa một chế độ chính trị cho Việt Nam tương lai không phải là một việc làm quá sớm và thiếu thực tế. Đó là một việc làm đúng lúc và rất thực tế, vì nó không những đặt nền tảng để xây dựng một chế độ tốt đẹp trong tương lai mà còn là một đóng góp rất tích cực vào việc đánh đổ chế độ hiện tại.

Nhìn lại những thay đổi lịch sử của các nước Đông Âu chúng ta thấy những gì? Nguyên nhân nào đã làm cho các chế độ cộng sản tại các nước này sụp đổ trong một sớm một chiều, và trong hòa bình?

Có hai nguyên nhân chính: nguyên nhân đầu tiên là người dân chán ghét, ruồng bỏ các chế độ đó, và nguyên nhân thứ hai, quan trọng hơn, là sự phát triển trong địa hạt truyền thông đã làm cho người dân các nước đó thấy được sự phồn vinh của các nước dân chủ, đã mang lại cho họ niềm tin vào dân chủ. Và niềm tin đó đã thay đổi lịch sử đất nước họ. Không có sức mạnh nào ngăn cản được niềm tin của người dân.

Nhiều người cho rằng các chế độ cộng sản Đông Âu sụp đổ là nhờ có Gorbachev. Chúng ta không phủ nhận công của Gorbachev, nhưng thật ra Gorbachev chỉ là người thấy lịch sử thay đổi và cố gắng chạy theo lịch sử, vì - như ông ta đã nói - những ai không chạy kịp theo lịch sử thì sẽ bị lịch sử bỏ rơi. Lịch sử các nước Đông Âu thay đổi vì tâm lý của người dân các nước đó thay đổi. Lịch sử thay đổi theo tâm lý của người dân. Lịch sử thay đổi theo niềm tin của người dân.

Đảng Cộng Sản Việt Nam hiện nay còn làm chủ đất nước không phải vì họ quá mạnh mà vì lòng dân chưa ổn, chưa tin.

Dù chán ghét chế độ độc tài tàn bạo hiện nay, người dân Việt Nam vẫn còn

một chế độ chính trị cho một nước dân chủ đa nguyên

Võ Xuân Minh

ngại thay đổi. Trong quá khứ, họ đã chứng kiến biết bao lần đổi thay, và lần nào cũng đã phải tốn rất nhiều xương máu để rồi phải nhận lấy một thân phận nghèo hèn, một tương lai mù mịt. Niềm tin vào sự thay đổi, do đó, đã mất dần.

Để thay đổi lịch sử Việt Nam cần phải gây lại niềm tin của người dân.

Công cuộc đấu tranh hôm nay không phải là đánh đổ tập đoàn lãnh đạo này để thay bằng một tập đoàn lãnh đạo khác mà là đánh đổ chế độ độc tài tàn ác để thay bằng một chế độ tự do, dân chủ, nhân quyền. Sự tàn ác và xấu xa của chế độ hiện nay người dân đã thấy, vấn đề còn lại là làm sao cho người dân tin tưởng vào chế độ tương lai. Điều này đòi hỏi chúng ta phải trình bày rõ ràng về chế độ đó: tổ chức như thế nào, bằng cách nào, và tại sao một chế độ như vậy sẽ bảo đảm tự do, dân chủ, nhân quyền, sẽ mang lại phần vinh và hạnh phúc cho mọi người. Có như vậy mới gây được niềm tin của người dân. Và, khi người dân tin thì đất nước sẽ chuyển mình, lịch sử sẽ thay đổi, và thay đổi một cách nhanh chóng, trong êm thấm.

Chọn lựa một chế độ chính trị cho một quốc gia là một việc trọng đại, nó ảnh hưởng đến số phận của toàn dân trong nhiều thế hệ. Hơn tất cả những kiến thức lý thuyết, những hiểu biết về kỹ thuật tổ chức quốc gia, những kinh nghiệm hành chính, việc chọn lựa một chế độ chính trị đòi hỏi trước hết một thái độ khiêm tốn, một tinh thần khách quan, trách nhiệm và một tấm lòng thiết tha đến tương lai của quốc gia dân tộc.

Khiêm tốn để quan sát, học hỏi những kinh nghiệm của các chế độ chính trị đã thành công để tiết kiệm thì giờ và tránh những sai lầm trong thời gian dọ dẫm. Khách quan để tránh những định kiến, những ý chí sao chép một khuôn mẫu sẵn có, vì mỗi quốc gia, mỗi dân tộc đều có những đặc tính khác nhau, một chế độ thành công tại một quốc gia này có thể thất bại tại một quốc gia khác. Trách nhiệm và yêu nước để chọn lựa một chế độ chính trị có lợi cho đất nước chứ không phải có lợi cho cá nhân hay đảng phái của mình.

Chế độ chính trị nào có lợi cho đất

nước, bảo đảm phần vinh, hạnh phúc cho dân tộc?

Một chế độ chính trị có lợi cho đất nước, bảo đảm phần vinh, hạnh phúc cho dân tộc khi nó đáp ứng được những yêu cầu cơ bản của đất nước, phù hợp với tập tính dân tộc và thích ứng với trào lưu của thời đại.

Vì mỗi nước có những yêu cầu cơ bản khác nhau, mỗi dân tộc có những tập tính khác nhau nên mỗi quốc gia cần có một cơ cấu chính trị phù hợp với quốc gia đó. Sinh hoạt chính trị của các quốc gia tiên tiến như Mỹ, Anh, Đức, Ý, Pháp... phản ánh điều đó.

Chế độ chính trị của Pháp - nền Đệ Ngũ Cộng Hoà - được xây dựng trên ý chí thành lập một chính quyền mạnh nhằm đáp ứng nhu cầu ổn định chính trị bắt nguồn từ sự bất ổn chính trị của thời Đệ Tứ Cộng Hoà. Từ đó, hiến pháp Pháp cho phép vị nguyên thủ quốc gia có quyền hành rất lớn. Tổng thống Pháp do dân bầu và chỉ chịu trách nhiệm trước nhân dân, ông có quyền giải tán quốc hội, bổ nhiệm và sa thải thủ tướng. Thủ tướng là người nắm hành pháp nhưng trên thực tế phần đông chỉ là phụ tá của tổng thống, với nhiệm vụ hoàn thành dự án chính trị của tổng thống. Điều 16 của hiến pháp Pháp còn cho phép tổng thống có toàn quyền khi chính ông nhận định rằng có khủng hoảng chính trị trầm trọng. Một chế độ như vậy có thể đưa đến độc tài, như Claude Leclercq - một giáo sư công pháp - nhận định. Tuy nhiên điều này đã không xảy ra, và không thể xảy ra tại Pháp vì nước Pháp có truyền thống dân chủ và xã hội dân sự vững mạnh.

Trái với Pháp, Ý và Đức vì bị thống trị bởi chế độ độc tài phát xít nên nhu cầu cơ bản của hai quốc gia này ngay sau thế chiến thứ hai là ngăn chặn độc tài và xây dựng dân chủ. Và do đó họ chọn một thể chế chính trị khác với Pháp.

Để ngăn chặn độc tài, Đức và Ý không muốn vị nguyên thủ quốc gia có uy quyền quá lớn. Tổng thống Đức và Ý không do phổ thông đầu phiếu bầu ra và không nắm hành pháp. Họ chỉ đóng vai trò của một vị lãnh đạo tinh thần để bảo đảm cho sự đoàn kết quốc gia. Người nắm hành pháp là thủ tướng, do quốc hội bầu ra và chịu trách nhiệm trước quốc hội.

Để xây dựng dân chủ, Ý đẩy mạnh về dân chủ đa nguyên. Họ đưa chính trị đến với dân, người dân Ý có thể trực tiếp đề nghị một đạo luật nếu tập hợp được 50.000 người, hay đề nghị bỏ một đạo luật nếu tập hợp được 500.000 người. Để cho mọi đảng phái chính trị có tiếng nói tại nghị trường, họ chọn thể thức bầu cử theo lối tỷ lệ. Gần đây, vì độc tài không còn là một đe dọa và để tránh sự bất ổn chính trị họ đã thay đổi thể thức đầu phiếu bằng cách phối hợp giữa hai thể thức đầu phiếu: đơn danh và tỷ lệ.

Đức cũng có nhu cầu dân chủ như Ý, nên chọn chế độ đại nghị. Tuy nhiên, Đức còn có ưu tư về ổn định và hữu hiệu của chính quyền nên ngay sau thế chiến thứ hai quốc hội Đức (Bundestag) chỉ có một nửa bầu theo tỷ lệ, nửa còn lại bầu theo đơn danh đa số một vòng. Ngoài ra họ cũng có những thủ tục để tránh những bất ổn chính quyền, chẳng hạn như muốn đánh đổ một thủ tướng thì phải đề nghị một thủ tướng khác được đa số tuyệt đối dân biểu chấp nhận. Mặt khác, vì nước Đức được thành hình do sự kết hợp của những vùng độc lập và vì để tôn trọng những khác biệt của mỗi vùng, họ chọn chế độ liên bang, tản quyền.

Nước Anh cũng theo thể chế đại nghị nhưng cơ cấu tổ chức hoàn toàn khác với Đức và Ý. Người Anh rất tôn trọng truyền thống dân tộc nên Hiến pháp Anh không viết bằng văn tự mà chỉ dựa trên truyền thống dân tộc của họ. Cơ cấu chính trị của Anh dựa trên hệ thống lưỡng đảng đã có từ thế kỷ 18: một bên gồm những người quý tộc và những chủ nhân đất đai (Tories), và một bên gồm giới doanh thương giàu có (Whigs). Với thể thức bầu phiếu đơn danh đa số một vòng, hệ thống lưỡng đảng tiếp tục tồn tại cho đến ngày nay. Đảng đa số nắm chính quyền, thủ tướng là người đứng đầu của đảng này, được đảng ủng hộ cũng như bị đảng kiểm soát.

Còn nước Mỹ thì chọn chế độ tổng thống. Hiến pháp Mỹ là hiến pháp thành văn lâu đời nhất, từ năm 1787. Chế độ tổng thống của Mỹ chỉ là sự chuyển tiếp thời đại phong kiến. Có thể nói tổng thống là vị vua được dân bầu lên. Tuy nhiên chế độ tổng thống Mỹ là một chế độ thành công trong khi mọi chế độ tổng thống khác ở Trung Mỹ, Nam Mỹ, và

Châu Phi đều thất bại.

Chế độ tổng thống Mỹ thành công là nhờ nhiều lý do. Trước hết là sinh hoạt quốc gia Mỹ dựa trên những luật chơi, những khế ước xã hội. Người Mỹ cùng đồng ý tôn trọng một số giá trị như lợi nhuận, tự do, bình đẳng, dân chủ... với mục đích để làm giàu và để bảo vệ đời sống cá nhân. Ý thức về quyền công dân của họ rất cao, quyền lực báo chí ở Mỹ cũng rất lớn, do đó chính quyền Mỹ không thể độc đoán được. Kế đến, đời sống của dân chúng Mỹ phần lớn là do các tiểu bang quyết định, cơ quan hành chính trung ương chỉ lo những vấn đề có tầm vóc quốc gia. Quyền hạn của tổng thống Mỹ khá bị hạn chế. Tổng thống Mỹ không có quyền giải tán quốc hội, trái lại quốc hội và thượng viện có quyền kiểm soát và truy tố cơ quan hành pháp về tham nhũng, lãng phí, và làm việc không có hiệu quả. Khi lạm quyền, tổng thống Mỹ có thể bị truy tố ngay khi tại chức, như trường hợp tổng thống Richard Nixon. Chế độ tổng thống cũng đáp ứng yêu cầu của nước Mỹ. Vì là một nước lớn, phải giải quyết những vấn đề quốc tế, nên Mỹ cần có một tổng thống có uy tín, có trọng lượng, có thể đại diện nhân dân Mỹ để lo việc đối ngoại một cách hữu hiệu.

Các quốc gia tiên tiến đã trải qua biết bao cuộc thử nghiệm trong hành trình xây dựng dân chủ và phồn vinh. Những kinh nghiệm của họ xứng đáng cho chúng ta trân trọng, nghiên cứu, học hỏi. Tuy nhiên quốc gia ta khác với quốc gia họ, dân tộc ta khác với dân tộc họ nên chúng ta không thể sao chép một cách máy móc một trong những cơ cấu chính trị của các quốc gia đó. Để chọn lựa đúng một chế độ chính trị cho Việt Nam trước hết chúng ta cần phải nhận định đúng những nhu cầu cơ bản của đất nước Việt Nam.

Đất nước chúng ta có địa lý thuận lợi, dân tộc ta thông minh và cần mẫn nhưng quốc gia ta kiệt quệ, dân ta khốn khổ vì độc tài luôn luôn ngự trị trên đất nước chúng ta. Để đưa đất nước vào quỹ đạo tiến bộ, để mang lại phồn vinh hạnh phúc cho mọi người trước hết chúng ta cần phải chấm dứt độc tài và ngăn chặn sự trở lại của nó dưới bất cứ một hình thức nào để xây dựng và củng cố dân chủ. Kế đến là phát triển đất nước để giải thoát dân tộc khỏi nạn nghèo nàn lạc hậu, một thảm cảnh đang đe dọa trầm trọng quốc gia Việt Nam. Quốc gia Việt Nam cũng cần phải hòa giải những hận thù do quá khứ để lại

để hòa hợp với nhau, cùng nhau xây dựng một tương lai chung. Những chênh lệch giàu nghèo giữa các vùng đang ở mức báo động cần phải được giảm thiểu để tránh nạn phân hóa xã hội, nguyên nhân của sự xáo trộn quốc gia. Và để tránh các ý đồ ly khai tự trị, Việt Nam cần phải được định nghĩa như là đất nước của các cộng đồng trong đó các cộng đồng sắc tộc ít người, các cộng đồng tôn giáo phải được đặc biệt tôn trọng để bù đắp những lỗi lầm của các nhà cầm quyền Việt Nam trước đây đã đời xử tệ hại đối với họ.

Nói tóm lại, đất nước chúng ta hiện nay có sáu yêu cầu cơ bản, đó là: xây dựng dân chủ, phát triển, hòa giải và hòa hợp dân tộc, giảm thiểu chênh lệch giữa các vùng, thỏa mãn khát vọng của các thiểu số sắc tộc và tôn giáo, và thực hiện thống nhất đất nước thực sự (1). Những yêu cầu này không phải chỉ là những đòi hỏi bức thiết của đất nước mà còn gói ghém cả một quá trình lịch sử, và mở ra cả một đoạn đường dài về tương lai.

Để đáp ứng sáu yêu cầu cơ bản đó chúng ta cần có một nhà nước tản quyền và một chế độ đại nghị.

Nhà nước tản quyền gồm có một chính quyền trung ương và nhiều chính quyền địa phương. Chính quyền trung ương không cai trị trực tiếp mà chỉ đảm nhiệm các sứ mạng quốc phòng, ngoại giao, tiền tệ và phối hợp giữa các địa phương. Mỗi vùng - Việt Nam có thể chia từ mười đến mười lăm vùng - có một chính quyền địa phương do dân địa phương bầu ra, có những quyền luật định rộng rãi để tổ chức cuộc sống phù hợp với bối cảnh riêng của mỗi vùng (1).

Tại sao phải tản quyền ?

Tản quyền trước hết là để xây dựng và bảo vệ dân chủ. Nó đem chính quyền đến gần với dân, tiếng nói của người dân do đó có trọng lượng hơn, nguyện vọng của người dân được chú ý đến nhiều hơn. Tổ chức xã hội cũng dễ dàng thay đổi để phù hợp với những mong muốn của người dân tại mỗi vùng. Tản quyền khuyến khích sinh hoạt chính trị, kích thích sinh hoạt văn hóa và báo chí, thuận lợi cho việc phát triển xã hội dân sự. Nó đem dân chủ đến mọi nơi và với mọi người, nhờ vậy mà dân chủ phát triển và lớn mạnh.

Tản quyền còn ngăn chặn độc tài. Nó tránh cho quốc gia nạn độc tài quân phiệt mà các nước chậm tiến thường hay mắc phải, vì đảo chánh chính quyền trung ương để làm gì khi các chính quyền địa

phương có quyền tự quản và được dân chúng trong vùng tín nhiệm ? Nó cũng tránh cho quốc gia nạn đảng trị. Khó có thể hình dung được một đảng vừa nắm quyền tại trung ương vừa nắm quyền tại tất cả mọi địa phương. Các đảng đối lập (trên bình diện quốc gia) có nhiều cơ hội để thực hiện dự án và lập trường của mình tại địa phương, tiếng nói của đối lập do đó không thể bị chèn ép, dân chủ do đó được bảo vệ.

Tản quyền thuận lợi cho việc phát triển đất nước và giảm thiểu chênh lệch giữa các vùng. Nhờ tản quyền mà mỗi địa phương có thể chọn lựa những công thức sinh hoạt phù hợp với tiềm năng kinh tế của mình. Các ý kiến, sáng kiến sẽ được chú trọng và được khai thác một cách hữu hiệu hơn. Tổ chức xã hội sẽ được hoàn hảo hơn do sự quan sát, học hỏi giữa các vùng với nhau. Tinh thần tranh đua giữa các chính quyền vùng sẽ được thúc đẩy. Các chính quyền của các vùng nghèo khó sẽ bị bắt buộc dồn mọi cố gắng, mọi nỗ lực cho việc phát triển vùng để bắt kịp các vùng khác. Kinh tế giữa các vùng phụ thuộc nhau và ảnh hưởng lẫn nhau tạo ra sự liên đới giữa các vùng. Sự chênh lệch giữa các vùng do đó sẽ giảm thiểu.

Tản quyền đóng góp tích cực cho hòa giải, hòa hợp dân tộc và đáp ứng những nguyện vọng của các cộng đồng sắc tộc ít người và các cộng đồng tôn giáo. Trước hết nó làm giảm bớt xung đột chính trị bởi vì một đảng có thể thua ở cấp trung ương nhưng có thể thắng ở địa phương, nơi mà họ tín nhiệm. Xung khắc chính quyền - đối lập sẽ bớt gay gắt, và tránh được nạn được làm vua thua làm giặc (1).

Hòa giải giữa những người dân với nhau cũng dễ thực hiện hơn. Chính quyền địa phương hiểu rõ những người trong vùng hơn là chính quyền trung ương và có khả năng giải quyết một cách thích đáng và nhậm lệ hơn. An sinh của người dân trong vùng là một ưu tư thường trực của chính quyền địa phương. Tản quyền cho phép các khuynh hướng thiểu số, các tôn giáo và sắc tộc ít người có trọng lượng đáng kể tại địa phương mà họ hiện diện đông đảo (1). Nguyện vọng của họ sẽ được chính quyền chú ý đến, văn hóa, tập tục của họ sẽ được duy trì và phát triển. Ý đồ ly khai, tự trị không còn và đất nước không bị đe dọa phân chia.

Tản quyền để bảo đảm sự thống nhất thực sự của đất nước. Chúng ta đang ở trong thời đại mà các chế độ độc tài, tòi dò

đe dọa sự thống nhất đất nước hơn tất cả những ý đồ xâm lăng của ngoại bang. Thống nhất đất nước hiện nay không thể bảo đảm bằng luật lệ hay bằng sức mạnh của quân đội, công an mà được bảo đảm bằng lòng ước muốn của người dân. Một quốc gia không bảo đảm về an ninh và nhân phẩm, không có chỗ đứng và tiếng nói cho mọi người, không đem lại phúc lợi và niềm tự hào cho người dân thì các ý đồ ly khai tự trị sẽ xuất hiện, loạn lạc sẽ nổi lên và quốc gia sẽ tan rã. Trái lại một quốc gia dân chủ và phồn vinh, hòa giải và hòa hợp, không bị phân hóa bởi sự chênh lệch giàu nghèo quá đáng, có chỗ đứng và tiếng nói cho mọi người, bản sắc của mọi cộng đồng được tôn trọng thì quốc gia đó không những đoàn kết được tất cả những người cùng chia sẻ một lịch sử, có cùng một ngôn ngữ, sống trên một lãnh thổ mà còn thu hút nhiều dân tộc của các quốc gia khác. Tận quyền cho phép Việt Nam trở thành một quốc gia như vậy.

Về thể chế chính trị, chúng ta chọn thể chế đại nghị vì nó thích hợp với một quốc gia vừa mới thoát khỏi ách độc tài: nó thuận lợi cho việc xây dựng và bảo vệ dân chủ. Trước hết nó ngăn chặn độc tài cá nhân. Trong chế độ đại nghị, tổng thống - vị nguyên thủ quốc gia - không do dân trực tiếp bầu ra nên không có quyền hành rộng lớn như trong chế độ tổng thống và bán tổng thống, do đó không thể lạm quyền để đi đến độc tài. Ông ta chỉ đóng vai trò lãnh đạo tinh thần với nhiệm vụ bảo đảm sự liên tục, ổn vững và đoàn kết của quốc gia.

Ưu điểm thứ hai là chế độ này đem chính trị đến với mọi người. Vì quyền hành pháp ở trong tay thủ tướng, do quốc hội bầu ra và chịu trách nhiệm trước quốc hội, nên khi đi bầu người dân không bầu một thủ tướng một cách trực tiếp mà bầu những dân biểu sinh hoạt gần gũi với họ, những người mà họ có điều kiện để đánh giá và có thể liên hệ một cách dễ dàng. Qua dân biểu của họ, họ có khả năng kiểm soát và chi phối chính phủ. Sinh hoạt chính trị nhờ đó được lành mạnh hơn, phù hợp với lòng dân hơn, dân chủ hơn.

Vô Xuân Minh

(1) Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên - Thủ Thách và Hy Vọng (xem chương III và V).

NGƯỜI VIỆT TIẾN TỚI HÒA GIẢI VÀ HÒA HỢP

Diệp Tường Bào

Qua dự án chánh trị *Thủ Thách và Hy Vọng*, tập hợp Thông Luận đã mở rộng khái niệm Hòa giải và Hòa hợp Dân tộc : từ một phương pháp để bẻ gãy vòng hận thù luẩn quẩn giữa phe quốc gia và phe cộng sản, nó trở thành một sách lược nhằm hàn gắn những đổ vỡ giữa các thành phần dân tộc Việt Nam, không những trên khía cạnh chánh trị mà còn trên các bình diện tôn giáo, sắc tộc hay địa phương. Lê dĩ nhiên, những vấn đề rất khác nhau về cả bản chất lẫn mức độ trầm trọng. Trong lúc sự xung đột quốc cộng đã gây tang tóc cho toàn thể dân tộc Việt Nam, đại đa số quần chúng nước ta lại không tham gia vào những tranh chấp tôn giáo, thường do các chánh quyền tạo dựng vì quyền lợi bề phái. Mặt khác, những mâu thuẫn giữa người Kinh và các sắc tộc thiểu số nằm trong khuôn khổ một lộ trình lịch sử liên tục mà nguyên tố cơ bản là chênh lệch dân số và khác biệt văn minh. Nếu về mặt tôn giáo, một nhà nước thế tục, công bằng và không can thiệp, có triển vọng xoa dịu những nghi kỵ, thì trên bình diện sắc tộc, có lẽ chúng ta sẽ phải thiết lập một chánh sách nâng đỡ tích cực mà mục tiêu vừa là giảm thiểu những chênh lệch phát triển, vừa là bảo vệ các cá biệt sắc tộc. Về vấn nạn kỳ thị địa phương, Thông Luận chủ trương thể chế tản quyền là một giải pháp có khả năng diệt trừ những tệ hiềm, do các chánh quyền trung ương thiên vị nuôi dưỡng : song song, tự do di chuyển cùng với sự tăng trưởng phương tiện giao thông sẽ giúp làm tan biến những thành kiến này sanh từ tình trạng thiếu trao đổi.

Vậy thì dân chủ và phát triển sẽ tự động giải quyết những mâu thuẫn giữa các thành phần xã hội Việt Nam chăng ? Một phần lớn các chánh trị gia Việt Nam nghĩ như thế và đó có thể là lý do khiến họ vẫn coi vấn đề hòa giải - hay không - giữa hai bên quốc gia và cộng sản là cốt yếu nếu không nói là duy nhất. Tuy nhiên, một số lý do cho phép chúng ta nghĩ rằng công cuộc Hòa giải và Hòa hợp Dân tộc trong lãnh vực chánh trị chưa chắc sẽ là tiến trình lâu dài và khó khăn nhất.

Tinh thần đồng bào và gia đình

Một cách nghịch thường, lý do thứ

nhất khiến lập trường Hòa giải và Hòa hợp Dân tộc thích ứng với khát vọng quần chúng, chính là vì cuộc nội chiến vừa qua đã gây thiệt hại cho hầu hết toàn thể người Việt Nam. Nếu hai phe liên lụy chiến tranh vừa qua thuần nhất, có thể nhu cầu hòa giải không đến nỗi bức thiết vì trong mỗi khối, con người có thể sống yên ổn mà không cần phải xóa bỏ sự thù ghét đối với phía kia. Ngược lại, cuộc chiến 1955-1975 đã phân chia một cách sâu đậm mọi thành phần dân tộc Việt Nam. Từ Bắc chí Nam, không có một gia đình nào không bị xâu xé giữa những đứa con "cách mạng" và những đứa con "lựa chọn tự do". Gia đình là trọng tâm căn bản của người Việt, nhưng có cách nào để anh em, bà con cô bác có thể nhìn lại nhau nếu không chấp nhận hòa giải ? Tinh thần gia đình và tinh yêu đồng bào là những động cơ thầm lặng nhưng vô cùng hiệu lực, khiến Hòa giải và Hòa hợp Dân tộc là một tiến trình không thể tránh được. Để tìm lại nhau, dân chúng Việt Nam đã bất tuân những khẩu hiệu tẩy chay, bất chấp những cảnh cáo, hù dọa, thách thức các khủng bố tinh thần, của chánh quyền cộng sản cũng như thuộc thành phần đối lập cực đoan. Hơn nữa, họ thực hiện lý tưởng Hòa giải và Hòa hợp Dân tộc theo đúng ý nghĩa của nó, tức thiết lập những cuộc gặp gỡ và trao đổi vô điều kiện, một tinh thần khác hẳn với những chiến dịch "chiêu hồi" hay "trở về dân tộc" trong quá khứ. Ở đây, không có việc đòi hỏi đối tượng bỏ nhọ quá khứ hay phủ nhận lý tưởng của mình, trước khi chấp nhận đối thoại. Người quốc gia không cần phải tự phê bình để được người cộng sản đón tiếp. Người cộng sản không cần phải nhận tội mới được người quốc gia tôn trọng. Như trong nhiều trường hợp khác, giới nghệ sĩ đã tiên kiến hiện tượng này và thực hiện nó qua nội dung của những công trình cũng như phong cách hành nghề. Hai ví dụ điển hình là nhóm Du Ca Đồng Nội và cặp song ca Sơn-Mài gồm có những cựu quân nhân thuộc hai chế độ. Dù rằng họ không chối bỏ thái độ của mình trong quá khứ, công trình của các nhà văn Bảo Ninh, Dương Thu Hương hoặc Nguyễn Huy Thiệp là những lời buộc tội kinh khủng đối với cuộc chiến

vừa qua và thành quả của phe chiến thắng. Tại hải ngoại, từ khoảng 1990, đã xuất hiện một thế hệ văn sĩ mới, thể hiện bởi Trần Vũ, Đỗ Kh., Vũ Quỳnh, mà đặc tính là không lệ thuộc những cảm đoán chánh trị và cổ võ hăng say cho sự gặp gỡ giữa các nhà văn ở nước ngoài và trong nước.

Từ giả giáo điều ý hệ

Nguyên nhân thứ nhì khiến tiến trình Hòa giải và Hòa hợp Dân tộc tự nhiên và nhanh chóng hơn ta tưởng, là tánh chất giả tạo của cuộc xung đột ý hệ vừa qua. Một dân tộc còn thuộc văn minh nông nghiệp, đã tự tàn sát vì lý tưởng công nhân và chủ nghĩa tư bản. Một quốc gia mà tập quán ngoại giao chỉ biết đến một vài nước, đã để các cường quốc biến thành chiến trường của cuộc đối đầu giữa hai liên minh quốc tế. Dần dần, dân tộc Việt Nam ý thức đúng mức sự vô lý của cuộc tranh chấp ý thức hệ vừa qua hay nói một cách khác tánh cách hoàn toàn ngoại bang của nó. Người Việt bắt đầu hiểu rằng y tế, giáo dục, kỹ nghệ hoặc môi sinh là những vấn đề không thể giải quyết bằng luận điệu giáo điều. Ngược lại, các vấn đề này quan trọng hơn nhiều những tranh cãi nhân hiệu chánh trị vì chúng vừa liên quan đến đời sống hàng ngày của nhân dân vừa định đoạt tương lai của đất nước. Để giải quyết các vấn đề này, nước ta phải vận dụng khả năng và tâm huyết của mọi thành phần, sự hiểu biết môi trường của người trong nước và kiến thức của người Việt hải ngoại. Phương cách bảo vệ độc lập cũng vậy. Không có giải pháp nào để binh vực chủ quyền ngoại việc đoàn kết dân tộc và không có cách nào thống nhất dân tộc ngoài tinh thần Hòa giải và Hòa hợp Dân tộc. Mặc dù Việt Nam theo đường lối chánh trị Trung Quốc, Bắc Kinh hoàn toàn không khoan nhượng trên vấn đề các quần đảo Trường Sa và Hoàng Sa : ngược lại, chính chánh phủ Bắc Việt đã nhìn nhận chủ quyền Trung Hoa trên các lãnh thổ này để được họ hỗ trợ nhằm ... đánh bại Miền Nam. Có lẽ hiến pháp Việt Nam tương lai sẽ phải dành một điều khoản kết án mọi hình thức vọng ngoại có mục tiêu triệt hạ một thành phần dân tộc Việt Nam. Mặt khác, Hoa Kỳ đã đối xử với phe quốc gia như một người vợ vừa không chánh thức vừa không nhan sắc, mà họ đã coi thường rồi bỏ rơi, để sau đó quan hệ với kẻ thù và cuối cùng kết hôn với nó. Người Việt bắt đầu hiểu rằng người đồng minh trung thành duy nhất của người Việt, là người Việt, dù có bất đồng chánh kiến.

Phải chăng có ít nhứt một đồng thuận giữa mọi thành phần Việt Nam, là sự trọn vẹn lãnh thổ, đặc biệt là chủ quyền nước ta trên các quần đảo nói trên ?

Hận thù dĩ vãng và hy vọng tương lai

Lý do cuối cùng làm cho chúng ta có cơ sở để lạc quan về Hòa giải và Hòa hợp Dân tộc, là điều đó tự nhiên như ... sự thay đổi thế hệ. Một nhà văn Pháp đã viết : *"Chúng ta không thừa kế đất nước từ ông cha mà chúng ta mượn nó của con cháu"*. Điều chắc chắn là thanh thiếu niên Việt Nam phải trả một giá quá mắc cho những sai lầm của những thế hệ trước và tuyệt đối không muốn duy trì những mù quáng của quá khứ. Giới trẻ hoàn toàn từ chối gia tài thù hận mà một số người thuộc thế hệ cũ muốn gán cho họ. Những thế hệ mới Việt Nam cảm thấy bồn chồn xây dựng một đất nước mà con cái sau này có thể hành diện, chứ không là tiếp nối cuộc tranh chấp điên cuồng đã làm nước Việt Nam tụt hậu, không những so với các nước Tây phương mà kể cả đối với những quốc gia láng giềng, xưa đúng sau xa nước ta. Người trẻ thuộc thành phần cách mạng nhìn thấy sự phá sản vật chất lẫn tinh thần của thế hệ trước và không chấp nhận phải đoạn tuyệt với đối tượng thuộc thành phần không cộng sản vì những các tội mà chính cha mẹ, anh chị của họ phạm phải hàng ngày. Giới trẻ thuộc phe quốc gia ý thức thế hệ đi trước đã thất bại trong việc giữ nước cũng như đối kháng và không muốn lãnh nhận những thất vọng bất lực của họ. Bất chấp những áp lực của chánh quyền và các tổ chức quá khích, thế hệ trẻ hải ngoại và quốc nội đã bắt đầu gặp nhau. Những cuộc gặp gỡ có hương vị tìm lại giữa anh em ruột thịt sanh trưởng ở những nơi khác nhau. Người trẻ hải ngoại và trong nước hân hoan vì tìm thấy những điểm chung và coi chúng là những chứng minh sự vĩnh cửu của bản chất Việt Nam ; họ phấn khởi khám phá những khác biệt giữa họ vì đánh giá chúng là những ưu điểm cho tương lai. Những cuộc trao đổi xảy ra trong tinh thần vừa tôn trọng lẫn nhau, vừa thẳng thắn : những chủ đề đề tế nhị như thể chế chánh trị hay vai trò và chỗ đứng của người Việt hải ngoại trong công cuộc tái thiết đất nước được đề cập một cách thành thực. Trong lúc ấy, những vấn đề thường làm bận tâm thành phần cao niên như lá cờ hay quốc ca không được coi là quan trọng. Có lẽ vì giới trẻ không có nhu cầu luôn luôn chứng minh lòng yêu nước bằng những biểu tượng như người lớn tuổi. Dù rằng họ

không thống nhất về lịch trình hay hình thức của công cuộc dân chủ hóa đất nước, thế hệ trẻ đồng ý dân chủ là điều cần thiết để bảo đảm sự phát triển đất nước và cản trở chánh cho công việc này vẫn là chánh quyền cộng sản. Nhưng họ cũng đã thoát khỏi cái sơ đồ đơn giản đồng hóa một cách máy móc lập trường chống cộng với thái độ dân chủ và đương nhiên gán cho tất cả mọi người cộng sản bản chất phản dân chủ.

Hòa giải người Kinh với các sắc tộc

Hận thù giữa phe quốc gia và phe cộng sản đã bắt đầu lắng xuống và những thế hệ sau này sẽ hoàn thành công trình này. Chiều hướng của lịch sử muốn như thế và không có một lực lượng nào có thể ngăn cản nó. Trong quá khứ, chủ trương đoạn tuyệt với quốc nội, ngoài việc "đem lửa về quê hương" đã chỉ có tác dụng làm nổi bật tánh cách lỗi thời của những tổ chức cổ võ chiến dịch đó. Điều duy nhứt mà các chánh đảng có khả năng làm là soi sáng con đường Hòa giải và Hòa hợp Dân tộc và đắp nó bằng những viên gạch vững chắc. Cách nào dung hòa hòa giải và công lý, phương pháp nào ân xá các đao phủ mà không quên những nạn nhân, đó là những câu hỏi thiết yếu mà những lực lượng có tham vọng lãnh đạo đất nước nên bắt đầu suy nghĩ.

Mặt khác, tánh cách tự nhiên của quá trình Hòa giải và Hòa hợp Dân tộc về mặt chánh trị cho chúng ta cơ hội nghĩ đến vấn đề này trên những khía cạnh khác. Vì nhìn kỹ, các vấn đề này không dễ như ta tưởng. Trên bình diện sắc tộc, kinh nghiệm Hoa Kỳ chứng minh rằng chánh sách "phân biệt tích cực" dù hay đẹp cách mấy, không dễ dàng được thành phần đa số chấp nhận và cũng có thể đưa đến một số hậu quả tai hại đối với chính những cộng đồng thừa hưởng nó. Trên bình diện chánh trị, một trong những yêu sách thiết yếu của một số sắc tộc thiểu số là quyền tự trị. Nhưng chúng ta không phải là thiếu thiện chí khi lưu ý rằng vấn đề rất phức tạp vì nó ảnh hưởng đến khái niệm công dân và sự thống nhất nhân dân Việt Nam. Đối thoại thường xuyên trong tinh thần tương kính, thông cảm và thực tế sẽ là phương cách duy nhứt để đạt đến những thành quả khả thi và lâu dài. Tạo lập một chỗ đứng xứng đáng cho các cộng đồng thiểu số, không chỉ là một công việc thuộc lãnh vực luân lý, mà còn rất hữu ích cho nước Việt Nam vì nó sẽ giúp chúng ta thấu hiểu những quốc gia láng giềng như Mã Lai Á,

Nam Dương hoặc Thái Lan và từ đó có một chính sách ngoại giao phù hợp trong Hiệp hội các Quốc gia Đông Nam Á.

Hòa hợp các vùng

Một trong những lỗi lầm lớn nhất của chế độ cộng sản là đã không biết lợi dụng công cuộc thống nhất đất nước để làm cho các miền sát gần lại mà còn đào sâu thêm những tị hiềm địa phương. Thay vì dựa vào tình trạng phồn vinh và phát triển tương đối của miền Nam để lôi kéo phần xứ sở còn lại, họ đã san bằng ở mức thấp nhất. Họ đã đối xử với những người cộng sản miền nam như những đồng chí hạng hai, nói gì đến các thành phần thuộc chế độ cũ. Trong hiện tại, tuy rằng họ đã nhìn nhận một cách gián tiếp tánh chất ưu việt của chế độ Việt Nam Cộng hòa qua phong trào Đổi mới, họ vẫn tiếp tục muốn chèn ép Nam bộ qua chính sách quản lý năng lượng có tác dụng kìm kẹp sự phát triển của miền này. Song song, những mâu thuẫn trong nội bộ Đảng Cộng sản Việt Nam và tinh thần vô trách nhiệm của các lãnh tụ đã đạt đến mức độ họ không ngại sử dụng tâm lý kỳ thị địa phương như một thủ đoạn tranh giành thế lực. Thế là, vì thái độ nhỏ mọn của những nhà lãnh đạo cộng sản, chính trị đã vô hiệu hóa tác dụng của sự thống nhất đất nước, sự phát triển giao thông và tại hải ngoại tinh thần đồng bào, trong việc hòa hợp các vùng Việt Nam. Do đó, công việc này không dễ dàng và đương nhiên như chúng ta có thể tưởng lúc ban đầu. Muốn thực hiện công trình này, trước hết nước Việt Nam cần có một nhà nước công bằng, đặt hạnh phúc quốc gia lên trên các quyền lợi địa phương. Nhưng điều đó chưa đủ. Các nhà lãnh đạo còn phải có khả năng sáng lập một chính sách tránh né hai cực điểm, là đều hòa sự phát triển quốc gia bằng những phương pháp cưỡng bách, hay là bỏ rơi các vùng nghèo nàn. Nói một cách khác, nhà nước phải nhẹ nhàng trong vai trò áp bức, mạnh mẽ trong nhiệm vụ nâng đỡ. Tốt nhất là để các vùng năng động tự do phát triển, coi chúng là những cực phát triển và vận dụng những huê lợi đến từ các vùng giàu có để nâng đỡ những vùng thua kém. Đề nghị cuối cùng ám chỉ một nhà nước có phương tiện tài chính và biết sử dụng tiền bạc nhân dân vì phúc lợi chung, những đặc tánh khác hẳn với những gì đang có tại Việt Nam.

Lịch sử thế giới chứng kiến có nhiều nguyên nhân để một quốc gia suy thoái nhưng chỉ có một điều kiện để một nước mở mang, đó là sự đồng thuận dân tộc. Do

Ngoại giao, kinh tế của Việt Nam đi về đâu?

Nguyễn Minh

Đường lối ngoại giao kinh tế của Việt Nam hiện nay có thể nói được thay đổi và hình thành một cách cơ bản vào tháng 5-1988. Nghị quyết lúc đó của Bộ Chính Trị Đảng Cộng Sản Việt Nam ghi: "Để xây dựng chủ nghĩa xã hội, nước ta cần phải mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế, kết hợp sức mạnh quốc phòng cần thiết với việc phát triển kinh tế". Nghĩa là ban lãnh đạo Việt Nam lúc ấy đã quyết định thay đổi chính sách an ninh quốc phòng tổng hợp của mình, lấy phát triển kinh tế và hợp tác quốc tế làm trọng tâm.

Dựa vào chính sách ngoại giao kinh tế mới này, vào đầu tháng 12-1988, Quốc Hội Việt Nam đã quyết định bỏ đoạn văn mở đầu Hiến Pháp, xem Trung Quốc và Mỹ là kẻ thù. Vào đầu tháng 9-89, quân đội Việt Nam hoàn toàn rút ra khỏi Campuchia. Quân đội chính quy cũng được giảm từ một triệu rưỡi xuống còn một nửa. Qua việc điếm qua hai khuynh hướng quan hệ ngoại giao kinh tế với Trung quốc và Mỹ-Nhật, chúng ta sẽ hiểu hơn hướng đi của Việt Nam trong những ngày sắp đến.

1. Nghiêng về Trung Quốc

Nếu căn cứ vào danh sách thứ tự các trưởng đoàn đại biểu các đảng cộng sản, đảng lao động trên thế giới đến tham dự Đại hội ĐCSVN lần thứ tám vừa qua, ta thấy như sau: Đảng Cộng Sản Trung Quốc, Đảng Nhân Dân Cách Mạng Lào, Đảng Nhân Dân Căm-bốt, Đảng Cộng

đó, Hòa giải và Hòa hợp dân tộc vừa là con đường bắt buộc để nước ta có hy vọng phát triển vừa là một tiến trình không thể đảo ngược vì do khát vọng nhân dân. Công việc mà các đảng phái, những nhà tư tưởng có khả năng và nên làm là tổ chức và đẩy mạnh quá trình này. Hòa giải hai phe quốc cộng có thể sẽ là một công trình ít gay go hơn ta tưởng. Hòa hợp các cộng đồng sắc tộc, tôn giáo, địa phương có thể sẽ không đơn giản như một số người nghĩ. Điều đáng mừng là một số tổ chức đối lập, như Liên Minh Dân Chủ Việt Nam hoặc Thông Luận cũng như một số thành phần trước đây từ phong trào cộng sản đã gặp nhau trên các vấn đề này.

Diệp Tường Bảo

Sản Cuba, Đảng Lao Động Triều Tiên, Đảng Cộng Sản Pháp, Đảng Cộng Sản Nga... Bằng đi 36 năm nay mới tham dự đại hội của ĐCSVN, thế nhưng đoàn đại biểu Trung Quốc lại được ban tổ chức ưu tiên đặt lên hàng đầu, trên các đoàn đại biểu Lào, Campuchia và Nga. Trưởng đoàn Trung Quốc là thủ tướng Lý Bằng lại được đặt ngồi ở hàng đầu ghế chủ tọa, ở giữa tổng bí thư Đỗ Mười và chủ tịch Lê Đức Anh!

Cũng trong ngày đầu Đại Hội trên, khi trả lời trong cuộc họp báo, thủ trưởng ngoại giao Vũ Quang đã nói như sau: "Quan hệ Việt-Trung không những đã bình thường hóa hoàn toàn mà còn được phát triển nhanh chóng trên nhiều mặt. Người ta có thể thấy dấu hiệu vững chắc quan hệ giữa hai nước qua các diễn đàn về các vấn đề tranh chấp biên giới giữa hai nước... Sự quan tâm của hai nước đã tạo được môi trường để hai nước xây dựng tổ quốc của mình trong hòa bình, ổn định, hợp tác, đồng thời giúp hai nước gia tốc việc giải quyết những vấn đề tranh chấp".

Thực ra hai nước Việt-Trung đã phải mất 20 năm mới trở lại cái khuôn cũ. Thủ trưởng Vũ Quang lại có thể đi xe lửa từ Hà Nội đến Bắc Kinh như 20 năm trước khi ông dẫn các đoàn thanh niên cộng sản, đoàn văn công đi thăm các nước xã hội chủ nghĩa "anh em"!

Nói cho đúng, cả sau khi Việt Nam thống nhất theo sự thống trị của ĐCSVN vào năm 1976, 30% viện trợ nước ngoài vẫn còn dựa vào Trung Quốc. Dù Việt Nam nhận hơn 50% viện trợ từ Liên Xô và Đông Âu, các hàng viện trợ từ Trung Quốc phần lớn là hàng công nghiệp nhẹ, đồ dùng hàng ngày rất cần thiết cho quần chúng. Từ khi đem quân qua Campuchia và chiến tranh biên giới Việt-Trung, phí tổn của Việt Nam dành cho chiến tranh chiếm khoảng 40% ngân sách, làm ảnh hưởng nặng nề đến nền kinh tế và đời sống của người dân. Các nhà lãnh đạo Việt Nam, vốn đã quen mùi thuốc Bắc và tào tào vẫn mong cơ hội làm lành với nước lớn phương Bắc.

Mãi đến khi tổng bí thư Đảng Cộng Sản Liên xô là Breznev đọc bài diễn văn ở Tassken năm 1982 kêu gọi cải thiện quan hệ Trung-Xô, Việt Nam mới có cơ

hội tạo chuyển biến về ngoại giao với Trung Quốc.

Chính sách đổi mới của Việt Nam bắt đầu từ cuối năm 1986 trên đường lối ngoại giao nhằm vào việc sửa đổi tình trạng ngoại giao dựa một chiều vào Liên Xô. Bớt thân Liên Xô, Việt Nam chuyển trọng tâm kinh tế từ công nghiệp nặng qua công nghiệp nhẹ và nông nghiệp, đổi từ kinh tế chỉ đạo sang kinh tế thị trường. Phương pháp của "đổi mới" bắt đầu từ cải cách kinh tế, còn chính trị để sau, bàn tới lại rất gần, sắc mùi Trung Quốc.

Cũng trong năm 1988, cùng với lúc loại đoạn văn xem "kẻ thù Trung Quốc" ra khỏi Hiến Pháp, Việt Nam cũng thả các ngư phủ Trung Quốc đánh cá lậu bị bắt, cho phép không chính thức các người Hoa nay mang quốc tịch khác được trở vào Việt Nam làm ăn. Các cuộc đụng độ quân sự ở Hoàng Sa cũng được các nhà lãnh đạo Việt Nam ép xuống để khỏi dẫn đến chiến tranh biên giới lần nữa.

Cuộc tan vỡ từng mảng của khối xã hội chủ nghĩa Đông Âu và Liên Xô từ năm 1989, sự kiện Thiên An Môn ở Trung Quốc đã làm chần chừ giới lãnh đạo các nước xã hội chủ nghĩa còn lại. Việt Nam đã tránh phê bình sự kiện Thiên An Môn mà còn gián tiếp ủng hộ cách đối ứng với "nội loạn" ở Trung Quốc để ngăn ngừa khuynh hướng đòi tự do dân chủ, "diễn biến hòa bình" ở trong nước mình.

Thông qua các cuộc đàm phán bí mật của hai đảng cộng sản Việt-Trung, từ Đại Hội đảng lần thứ 7, ban lãnh đạo đảng đã loại trừ phái ghét Trung Quốc (Nguyễn Cơ Thạch, Mai Chí Thọ...) ra khỏi Bộ Chính Trị. Vào tháng 11 cùng năm, tổng bí thư Đỗ Mười, thủ tướng Võ Văn Kiệt đã viếng thăm Bắc Kinh, cùng các nhà lãnh đạo Trung Quốc ra thông cáo chung bình thường hóa quan hệ giữa hai nước. Buôn bán song phương giữa hai nước tăng nhanh: vào năm 1991 mới 120 triệu đô la, qua 1992 lên 400 triệu, vào 1993 lên đến 530 triệu đô-la.

Tuy nhiên những xích mích nhỏ gần đây như vụ Bắc Kinh bao che các nhân viên sứ quán Bắc Triều Tiên ở Hà Nội và Phnom Penh lợi dụng đường đi qua Việt Nam để đem lượng lớn đồ la giả 100 đô la bị khám phá ở Thái Lan và Hà Nội, thái độ trịch thượng của Bắc Kinh qua việc pháo kích eo biển Đài Loan (nước đầu tư nhiều nhất vào Việt Nam). Nhất là gần đây bàn tay Bắc Kinh đã xuất hiện ở Cămbốt trong việc hòa giải giữa hai phe Ieng Sary và Đảng Nhân Dân Cách Mạng Căm-bốt,

ông Hoàng Sihanouk làm giảm ảnh hưởng Việt Nam ở Cămbốt, có thể tạo ảnh hưởng căng thẳng trở lại giữa quan hệ hai nước. Nhất là những phần tử thân Trung quốc đang bị cô lập ngay trong Đại Hội ĐCSVN vừa qua.

2. Đổi mới để xích gần đến thế giới tiên tiến

Việt Nam đề ra chính sách ngoại giao kinh tế kết hợp hai trục phát triển kinh tế và hợp tác quốc tế đã được 8 năm. Sau khi được tham gia vào khối ASEAN, bang giao với Mỹ, mục tiêu của Việt Nam hiện nay là vào năm 1997 được tham gia vào Hội nghị hợp tác kinh tế Châu Á Thái Bình Dương (APEC) với tư cách hội viên chính thức.

Nếu được trở thành hội viên chính thức của APEC, địa vị của Việt Nam trên trường quốc tế không những được nâng cao, Việt Nam cũng có cơ hội để tiếp xúc chính thức với các nước tiên tiến Nhật, Mỹ, Úc ở các hội nghị quốc tế. Việt Nam muốn nhân cơ hội này du nhập được lượng lớn tư bản và kỹ thuật từ Mỹ, Nhật. Đối với Việt Nam, việc tăng cường hợp tác với Trung Quốc và các nước ASEAN quả có quan trọng vì quan hệ các nước láng giềng. Nhưng để có thể phát triển nhanh chóng thành một nước công nghiệp, Việt Nam cần phát triển quan hệ sâu rộng hơn với các nước tiên tiến.

Mục tiêu kinh tế trước mắt của phe đổi mới là chần chừ lại các ngành kỹ nghệ bị bỏ bê từ trước. Nhưng mục tiêu lâu dài thực sự của những người đề ra đường lối đổi mới và chủ trương ngoại giao kinh tế của Việt Nam là muốn được tham gia vào quan hệ phân công sản xuất quốc tế với các nước tiên tiến để đến đầu năm 2000 Việt Nam có được cơ sở của một nước công nghiệp, để đến khoảng 2020 thành một nước phát triển trung bình trên thế giới.

Lúc phát động đổi mới vào năm 1986, muốn thay đổi hình ảnh, với lối suy nghĩ mới, để phủ nhận thành tích tàn tệ của kế hoạch 5 năm lần thứ nhất (1976-1980) với suất tăng trưởng bình quân của công nghiệp mỗi năm chỉ có 0,6% (trong đó công nghiệp nhẹ mỗi năm giảm bình quân 3,3%). Họ đã thành công trong 5 năm đầu thập niên (1990-1995) với suất tăng trưởng bình quân 8%, lạm phát giảm chỉ còn 3,2% mỗi năm. Lượng xuất nhập khẩu của Việt Nam, chỉ tiêu chính của phát triển ngoại thương tiếp tục tăng, dù đầu tư có giảm 2 năm nay do quy chế bảo thủ. Tỷ

suất nhập khẩu-tổng sản lượng quốc nội chiếm 55% vượt qua tỉ suất của Thái Lan và Nam Dương.

Các nước đối tượng xuất khẩu chính của Việt Nam là Nhật Bản, Singapore, Đài Loan, Trung Quốc, Hương Cảng... Trong khi đó các nước được Việt Nam nhập khẩu hàng nhiều nhất là Singapore, Đại Hàn, Đài Loan, Nhật Bản rồi mới đến Pháp và các nước Âu Mỹ khác. Còn về mặt đầu tư từ nước ngoài, từ khi Việt Nam công bố luật đầu tư (1987) cho đến nay các xí nghiệp tư nhân đầu tư nhiều nhất theo thứ tự là Đài Loan, Hương Cảng, Đại Hàn, Singapore, Nhật, Úc rồi mới đến các nước Âu Mỹ khác. Theo thống kê của Hiệp hội chần chừ mậu dịch Nhật Bản (JOTRO) thì tổng ngạch đầu tư của nước ngoài vào Việt Nam từ 1985 đến cuối 1995 lên đến khoảng 17 tỉ đô la (số đầu tư được cấp giấy phép).

Hai năm nay, lượng trực tiếp đầu tư từ hai nước ASEAN Mã Lai và Thái Lan có tăng đáng kể. Về phía Mỹ, sau khi ngưng cấm vận từ 1994, đầu tư tư nhân để giữ chỗ trước cũng gia tăng, nhảy vọt từ 200 triệu đô la (1994) lên 500 triệu (1995) và dự định đạt hơn 1 tỉ đô la vào năm 1996 này. Tỷ lệ tăng trong 3 năm đầu này cao gấp đôi lượng ngoại thương với Trung Quốc của Việt Nam từ 1991 đến 1993.

Có thể nói mục tiêu trước mắt của phe đổi mới trong ban lãnh đạo Việt Nam do Thủ tướng Kiệt cầm cờ là với sự tăng cường quan hệ quốc tế và phát triển kinh tế ổn định làm sao vào năm 1997 tới Việt Nam được gia nhập vào APEC và được Mỹ công nhận là nước được hưởng quy chế tối huệ quốc.

Tuy nhiên, dù bị mất hai chủ tướng Tùng-Phan, phe bảo thủ vẫn còn dựa vào Trung quốc, với các tuyến đường xe lửa được nối lại và mới đe dọa bị "diễn biến hòa bình" để phản công. Nhưng có thể nói từ khi Việt Nam đã dùng sự phân công lao động quốc tế, mở rộng quan hệ quốc tế với các nước tiên tiến, yêu cầu của xã hội đòi phát triển kinh tế ưu tiên có thể không cho phép phe bảo thủ đi ngược lại ngoại giao kinh tế.

Còn thêm thái độ của 3 trung tâm kinh tế tiên tiến của thế giới (Bắc Mỹ, EC và Nhật Bản) tuy có cảm tình với phe đổi mới ở Việt Nam nhưng họ đòi hỏi phe này, qua Thủ tướng Võ Văn Kiệt, phải có những dấu hiệu bật đèn xanh cho thấy là đầu tư của các nước tiên tiến cho việc phát triển tái thiết Việt Nam là không uổng phí.

Vụ tập trận đe dọa eo biển Đài Loan

SƯỚNG QUÁ CHÍNH PHỦ ƠI !!!

của Trung Quốc, việc tiếp tục thí nghiệm vũ khí hạt nhân bất kể dư luận của Trung quốc đã làm Nhật chính thức ngưng lại việc thực hiện kế hoạch viện trợ lần thứ 3 cho Trung Quốc. Gần đây, vụ tiếm thủy đình của Bắc Triều Tiên mắc cạn ở Nam Hàn cũng làm cho ba nước Mỹ, Nhật và Nam Hàn (3 nước có khả năng trợ giúp kỹ thuật cao nhất cho Việt Nam) cảnh giác thêm với các nước XHCN Châu Á.

Đây là cơ hội cuối cùng cho ông Võ Văn Kiệt và những người tự nhận là đổi mới trong chính quyền Việt Nam hiện nay, nếu họ muốn được góp một phần tích cực cho "ngoại giao kinh tế", dân chủ và phát triển thực sự cho lịch sử Việt Nam tiến lên. Nếu không họ sẽ được nhân dân Việt Nam đánh giá "cùng là cá mè một lứa" cùng với phe thủ cựu phong kiến đỏ, chỉ vì quyền lợi riêng của bè nhóm mình, định cản đường lịch sử bằng cách bắt dân tộc Việt Nam phải lệ thuộc Trung Hoa một lần nữa.

Nếu họ nghĩ rằng để phát triển đất nước Việt Nam, cần phải hòa nhập vào thế giới tự do bình đẳng, được phát triển trong dân chủ đa dạng, đa nguyên, phe đổi mới ở Việt Nam phải chứng tỏ sẵn sàng hoà hợp, hòa giải với dân tộc, với thế giới, để Việt Nam có thể làm một mẫu mực phát triển "ngoại giao kinh tế". Cuối năm 1996, đầu năm 1997 là cơ hội cuối cùng để họ chứng minh điều đó. Hy vọng sẽ kịp thời làm được vai trò rất lớn cho đất nước ta nhận được sự hợp tác thực sự từ các nước tiên tiến, từ mọi người Việt Nam yêu nước và có khả năng trên thế giới để Việt Nam đổi mới thực sự.

Nguyễn Minh
Tokyo, ngày Thu phân 1996

Thông Luận

hoan nghênh mọi ý kiến đóng góp mọi ủng hộ tài chánh và cảm ơn quý vị cổ động để phổ biến nó

Ngân phiếu hoặc chi phiếu xin về
VIET NAM FRATERNITE
(xin đừng đề Thông Luận)

Địa chỉ liên lạc:
Association VietNam Fraternité
24 Square des Cottages
91200 ATHIS-MONS, FRANCE

Hôm rày Quốc Hội đang họp, bà con tiệm nước chúng tôi cũng tập tành quan tâm đến chuyện "quốc sự", theo dõi diễn tiến nội dung nghị sự của cơ quan quyền lực cao nhất nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

May quá có Anh Tư "đặc sản Nghi Tầm" mới đến, tiệm nước mình sẽ được thưởng thức hương vị thủ đô.

Khai vị...

Sau Đại Hội 8 của Đảng CSVN, dân chúng Bắc Hà ai nấy đều lắc đầu ngao ngán: "Vũ Như Cần", Bộ Chính Trị mang đặc trưng Bảo Thủ - Mafia - Quân Phiệt. Cơ cấu Ban Thường Vụ Bộ Chính Trị thiếu tính trí tuệ, tập họp toàn là bọn thất học. Đã thế, Tổng Bí Thư còn được đàn em tô chuốt, nặn ra một lý lịch "đẹp":

- . Thành phần bản thân công nhân.
- . Nghề nghiệp thợ sơn. Bánh hòn?

- Ủa sao kỳ vậy? Xuất thân của cụ Đồ Mười là một tên thiến heo, chớ có làm hàng xuồng gì đâu mà lý lịch Đảng ghi là công nhân. Hóa ra như thế Tổng Bí Thư Đảng CSVN lại khai man lý lịch? Thiếu trung thực với chính mình, thì làm sao trung với nước, hiếu với dân, thủy chung với bạn bè, đồng chí... Lời nói của Đồ Mười chắc như đinh đóng "cột chui" vậy!?!...

- Ấy, các bạn chớ có xúc phạm đến "ngài" mà phải tội bị chém đầu. Chẳng qua là người chỉ đăng trí lãnh tụ đấy thôi! Các bác không biết chứ, đấy là sự thâm thúy của sĩ phu Bắc Hà. Bơm cho ngài Tổng Bí Thư bay bổng lên tận mây xanh, ngài ngây ngất "sướng rên", híp mắt sánh mình với cụ Tôn Đức Thắng, một thợ cơ khí chánh gốc - anh hùng Hắc Hải. Ví Tổng Bí Thư nhà ta cũng là một lãnh tụ thiên tài của thế giới có máu điên và phát-xít như tên thợ sơn - đồ tể Hitler vậy. Bánh thiet!

Rõ khổ cho sự dốt nát, thích tăng bóc của cụ Đồ Mười nên đành "ngậm bồ hòn làm ngọt". Võ lờ ra "tức cảnh hồng", càng tức càng "xệ". Y như rằng "mặt cửa - mướp đàng gặp nhau". Thế mới đều!!!

Dọn món...

Đến dự lớp nghiên cứu Nghị Quyết Đại Hội 8 tại Học Viện Quân Sự Đà Lạt, ngài Tổng Bí Thư đã lên gân cổ hỏi toàn thể các cán bộ nghiên cứu giảng dạy

Mác-Lênin của các trường Đại Học, các Viện... đang có mặt.

- Liệu chế độ cộng sản Việt Nam có sụp đổ không?

Là đầu độc, chính Đồ Mười biết rõ hơn ai hết chế độ Độc Tài - Quân Phiệt - Mafia dưới danh xưng Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam đã như con bệnh "giang mai" đến thời kỳ chót: Tham nhũng trầm kha - Phân hóa tột đỉnh... đang cơn hấp hối hết thuốc chữa. Với thể trạng như vậy không cần phải danh y hoặc nhà thông thái, người tiệm nước chúng tôi có thể trả lời ngay: Chế Độ Cộng Sản Việt Nam Ngùm Là Cái Chắc!

Mới đây, tại cuộc họp Quốc Hội khóa 8, kỳ thứ 10, Lê nhỏ (Lê Khả Phiêu), thượng tướng, ủy viên Ban Thường Vụ Bộ Chính Trị, cũng đã mại hơi lên tiếng đả kích tham nhũng: "...tham nhũng đã làm hư hại đến bản chất cách mạng của đất nước và làm giai cấp công nhân và nhân dân không còn tin tưởng vào Đảng và Nhà Nước nữa...".

Vừa nghe thì thật là hay

Ngậm ra ngậm đặng nuốt cay thế nào.

Lạy Chúa tôi! Các ngài là chúa tể của loài cá mập, lại cứ giả giọng nai tơ... Người dân ở khắp ba miền đất nước hiểu rất rõ rằng: Chùi mép sạch không đồng nghĩa với đạo đức cao. Và hệ thống tham nhũng trong Quân Đội Nhân Dân Việt Nam có qui mô, cũng như giá trị thu vén, đục khoét thuộc loại "Hạm" - "Soái Hạm".

Hãy xem kìa, những Tổng Công Ty Trường Sơn, Tổng Công Ty Miền Trung, Tổng Công Ty Miền Đông, Tổng Công Ty Miền Tây... hoặc TOSECO của Tổng Cục Tình Báo Quân Đội, núp dưới danh nghĩa là làm kinh tế cho Quốc Phòng, đã khai man trốn thuế, tổ chức buôn lậu bằng những phương tiện tốt nhất, với lá chắn bọc kín "bất khả xâm phạm", một lãnh địa riêng của tập đoàn Quân Phiệt - Mafia cho đến Thủ Tướng Chánh Phủ cũng chưa thể động chạm gì đến được. Nghĩa là tha hồ tham nhũng, lũng đoạn theo kiểu các cụ cứ hốt, các chú cứ hốt, các cô cứ hốt, các cậu cứ hốt... Phê re như uống la-bi-e ướp lạnh, phải vậy hèn đồng chí Nguyễn Chí Vinh (quí tử của cố đại tướng Nguyễn Chí Thanh) - Tổng Cục 2 Tình Báo Quân Đội?

Những vụ "bí mật" buôn bán vũ khí thuộc chiến lợi phẩm của quân đội Mỹ và Sài Gòn cũ. Quân dụng, phương tiện, khí

tài ở Tổng Kho Hậu Cần Long Bình (Biên Hòa) tự nhiên bốc hơi sạch lảng - giá trị hàng tỷ Mỹ kim - nhưng không còn trong hồ sơ lưu trữ của Bộ Quốc Phòng???

Xe tăng, pháo tầm xa... trên Chiến Trường K (Campuchia) đang sử dụng, được Bộ Chỉ Huy Mặt Trận K làm ảo thuật úm-ba-la trở nên phé liệu thanh lý, cần bán theo giá đồng nát nhôm vụn. Còn nữa, những giàn tên lửa đất đối đất, đất đối không, có các hệ thống điện tử điều khiển tự động, đặc biệt nhiều chi tiết được chế tạo bằng kim loại quý như bạch kim, v.v... đều bị tháo gỡ bán hết ráo, làm tê liệt sức chiến đấu của cả binh chủng. Trách nhiệm này hồng lệ thuộc Bộ Lao Động và Thương Binh, hoặc Ban Bảo Vệ Bà Mẹ và Trẻ Em?

Đặc quyền, đặc lợi chiếm dụng, sang nhượng đất quân đội của các căn cứ quân sự tại các thành phố lớn Sài Gòn, Hà Nội, Hải Phòng, Cần Thơ, Nha Trang, Vũng Tàu, Đà Nẵng... Với số tiền chênh lệch trên 2.690 tỷ đồng, 979 lượng vàng, cùng 425.737 USD không nộp cho ngân sách nhà nước. Số tiền này nó đi đâu?

Ngoài ra, hàng ngàn công thự bị các "thủ trưởng" sử dụng làm của riêng, rồi cho các công ty và cá nhân nước ngoài thuê từ 30 triệu đồng đến 50 triệu đồng mỗi tháng, hay sang bán 700-800 lượng vàng, tiền xài một nghỉ - hưởng thụ phè phỡn. Còn thân phận của người lính thì cuộc sống cơ cực sát tận đáy bùn đen của xã hội, lúc đang tại ngũ cũng như khi ra quân! Gia sản thủ trưởng không chỉ có một cơ ngơi dinh thự, mà có nhiều vi-la nguy nga cho chính mình, cho rể, cho con, cho dâu cháu, lẫn bồ nhí... Ông bà Trung Tướng Nam Phong (Hiệu trưởng Trường Sĩ Quan Lục Quân 2) có đầy đủ danh sách nhà cửa của các quan-tướng chiếm đoạt trái phép, dọa sẽ công bố cho Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam làm cho cả Thượng Tướng Lê Khả Phiêu và Trung Tướng Nguyễn Thế Bôn, Tổng tham mưu phó QĐNDVN, sồn cả ra quần. Dân gian có câu: "Di vãng gian dối dễ dầu gì giầu giếm". Phải vậy hôn Đại Tướng Đoàn Khuê? Đúng là quân vừa ăn cướp vừa la làng!!!

Tội nghiệp cho Tư Khương (Đại tá Nguyễn Hữu Khương, nguyên Giám đốc Công An thành phố Hồ Chí Minh), Phó trưởng ban an ninh - quốc phòng của Quốc Hội, than thở: "Bọn tham nhũng, khi tham nhũng không phải là không sợ, nhưng vì chúng chắc có người bao che nên

cứ làm...". Ông Cò đứng đầu ngành cảnh sát, an ninh của một thành phố lớn nhất nước, với trang bị đầy đủ các phương tiện trấn áp, trại giam, với lực lượng lính kín, chỉ điểm đông như ruồi cũng đành bất lực trước "quốc nạn" này thì thật là khó hiểu?!

Ồ, điều đó thật đơn giản. Là cơ quan quyền lực bảo vệ và thi hành pháp luật, nhưng không truy tố, xét xử nghiêm được các vụ án tham nhũng có nghĩa là chính cấp chỉ huy đứng đầu các ngành công an ấy đều cùng một ruột, đã thề đồng sanh đồng tử với nhau thì làm sao điều tra ra hồn. Nếu có, cũng truy tìm "cuội" rồi đánh tháo cho đồng bọn mà thôi. Như vụ người đẹp Tiền Giang - Trần Xuân Hoa, chắc đồng chí Tư Khương còn nhớ rõ...

Bọn Mafia mang danh hiệu Bộ Nội Vụ cũng "độc chiêu" không kém. Chúng tổ chức bán cả đất của cơ quan Bộ Nội Vụ tại Sài Gòn, ép Lê Đình Xư, Giám đốc Công Ty Xuất Nhập Khẩu Đất Việt, làm bù nhìn chịu trần mình ký hợp đồng liên doanh với nước ngoài. Trong khi mọi việc đi đêm ngả giá, kèm lót tay, đã thỏa thuận với Đại tá Toàn - Nguyễn, Tổng cục trưởng an ninh Bộ Nội Vụ.

Lươn lẹo bán cả Khu tập thể công an ở Phạm Văn Hai (Tân Bình), Nhà tập thể an ninh Nguyễn Trãi (Phường Bến Nghé, Quận 1). Cơ quan an ninh điều tra xét hỏi (đường Tôn Đức Thắng) cũng đã giao dứt cho ngoại quốc... Núp dưới danh nghĩa của những công ty xuất nhập khẩu như: công ty Bạch Đằng, Thái Bình Dương, Đất Việt, các công ty thương mại - du lịch như Liên Hồng, Phù Nam, Hoa Hồng, A&T... tổ chức của bọn tham nhũng Mafia được bọn công an bao che bảo vệ như trứng mỏng. Như thế làm sao tham nhũng ở xứ này ngày không mạnh thêm lên và là mối đe dọa thường trực cho sự phát triển của đất nước? Cần biết thêm chi tiết, số liệu về kinh doanh tài chánh, mạng lưới tổ chức, phương tiện hoạt động, xin vui lòng liên hệ với đồng chí Sáu Thảo (Nguyễn Thị Thảo), Giám đốc Sở Du Lịch Thành Phố Hồ Chí Minh - Địa chỉ: 140 Nguyễn Đình Chiểu, Quận 3, Thành Phố Hồ Chí Minh.

Bọn này còn có cả cỗ phần và là thành viên Hội Đồng Quản Trị của Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt-Hoa nữa. Hồng tin cứ hỏi đồng chí Bảy Khôi, Phó chỉ huy an ninh Công An Thành Phố Hồ Chí Minh, hoặc đồng chí Đại tá Ba Nghiêm, Cục phó Cục An Ninh Kinh Tế (A.17) Bộ Nội Vụ, sẽ được giới thiệu và giải đáp chu

đáo các thắc mắc. Vòi bạch tuộc của bọn Mafia Bộ Nội Vụ còn vươn tới cả tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, Đại tá Tổng cục phó Tổng Cục An Ninh (Tám Thi) đang rao bán 700 mẫu đất tại bãi biển du lịch Xuyên Mộc, giáp ranh với khu du lịch Suối Nước Nóng của Công Ty Du Lịch Saigon Tourist đang đầu tư. Thét ròi cả vùng biển Việt Nam đầy nắng ấm, biển trong, thơ mộng đều bị bọn Mafia - Tham nhũng này gả bán sạch cho Thái Lan, Đài Loan, Hồng Kông, Nhật Bản... để trục lợi. Dem tổ quốc, giang sơn phân năm xẻ bảy, bán đở bán tháo trước "giờ thứ hai mươi lăm".

Làm công an, hay bộ đội, các ông "ke" này lúc tiếp quản Sài Gòn chỉ có vồn vện có một cái ba-lô con cóc, thêm một chiếc vòng ny-lông là quý rồi. Đất nước luôn gặp thiên tai địch họa, thu nhập bình quân đầu người chỉ mới phần đầu đạt được mức 200 USD/năm. Thử hỏi, tiền của đâu mà bọn chúng tậu nhà, sắm đất, trữ vàng hàng trăm, hàng ngàn lượng vàng so với đồng lương chết đói của người công chức nhà nước?

Các bác rõ thật chất phác quá. Bọn chúng phát lên nhanh chính là nhờ kết bè tham ô tài sản xã hội chủ nghĩa, bóp họng nhân dân. Chỉ tính riêng trong việc đăng ký cho tàu trốn vượt biên do công an tổ chức tại hầu hết các tỉnh suốt nhiều năm, tổng số vàng bọn chúng thu vét, bỏ túi riêng đơn vị tính bằng tấn: hàng trăm tấn! Kết án một mình Mười Dọc, Giám đốc công an Đồng Nai, thì đúng là còn sót người, sót tội... sót vàng. Có phải vậy không, đồng chí Giám đốc Công Ty Thương Mại Nhà Hàng Khách Sạn Crystal (thuộc Bộ Nội Vụ) tại thành phố Hồ Chí Minh?

Nước ao bẩn, rửa nước ao cả làng mất toét. Tềm nhèm cả, chẳng còn ra thể thống gì hết. Không có dân chủ, quyền tự do ngôn luận bị bóp nghẹt, đương nhiên tạo môi trường hình thành chế độ Độc Tài - Mafia - Quân Phiệt tàn tệ như hiện nay.

Tráng miệng...

Được anh Tư Nghi Tầm đãi cho một châu các món "đặc sản", người tiệm nước Sài Gòn phải mượn lời của anh Năm Gác Cu (biệt danh của Đại tá Bùi Quốc Huy, Giám đốc công an thành phố Hồ Chí Minh), cùng hè nhau la thiet lớn cho đả: " SƯỞNG QUÁ CHÍNH PHỦ ƠI !!!".

Người Sài Gòn

Vài cảm nghĩ khi đọc Dự Án Chính Trị Dân Chủ Đa Nguyên

Trần Khắc Cần

Tôi không có tham vọng góp phần xây dựng cho DACT này, mà chỉ đứng trên cương vị người đọc qua một tài liệu giá trị, công phu suy nghĩ và trong tương lai có thể sẽ là một bản văn tư tưởng để các đoàn thể chính trị, văn hóa, triết học nghiên cứu ngó hầu đúc kết ra một văn bản hiến pháp tương lai Việt Nam. Tôi mạn phép phát biểu trên một vài vấn đề chi tiết để bổ sung hay gợi ý thêm.

Cần nhấn mạnh hơn nữa về vấn đề dân tộc, về truyền thống, về lịch sử của dân tộc Việt. Đồng ý đây là một bản văn tư tưởng mà các tác giả đã cố gắng đưa ra những tư duy mới mẻ, những suy nghĩ hợp với thời đại của thế kỷ này, giai đoạn, thời điểm kết thúc những ý hệ chính trị, những xung đột tư tưởng, thể chế, thay thế bởi những kế hoạch phát triển kinh tế, những luồng tư tưởng căn bản, mấu chốt dựa trên tinh thần dân chủ, tự do, nhân bản, nhân quyền.

Đồng ý đây là một văn bản kêu gọi mọi người Việt Nam hãy ngồi xích lại gần nhau, dẹp hết tị hiềm, xung đột, ghen ghét, hận thù. Hãy khiêm nhường cùng nhau kiểm thảo, tự phê để kết liễu những hành động chiến thắng tới cùng trong hoang tàn, đổ nát...hay thua cuộc, bỏ chạy trong hận thù, đổ kỵ, hung hăng...

Dự án kêu gọi khiêm nhường, kêu gọi thức tỉnh. Dự án nhấn mạnh sự cần thiết hợp nhậ hóa với thế kỷ 21 sắp tới. Kêu gọi thức tỉnh về sự yếu kém văn hóa, tinh thần Việt Nam, nhấn mạnh vào các tinh thần nhân quyền, tự do, cởi mở, cấp tiến của các xã hội phương Tây. Dự án mạnh dạn kêu gọi áp dụng cho xã hội Việt Nam toàn thể tinh thần phương Tây: dân chủ, tự do, bình đẳng, nhân quyền...

Nhưng yếu tố dân tộc cần được nhấn mạnh. Các xã hội phương Tây dù có giống nhau trên nhiều điểm nhưng vẫn có những đặc thái riêng biệt của họ. Xã hội Anh Quốc khác với xã hội Đức. Đức khác với Pháp, Pháp khác với Nhật Bản, tuy rằng Nhật Bản, theo dự án, đã áp dụng hoàn toàn tinh thần dân chủ Tây phương.

Đồng ý, mình phải hội nhập và theo đà tiến hóa của thế kỷ hiện đại, nhưng không thể nào quên bỏ, hời hợt, chê bai, khinh mạn, miệt thị lịch sử của dân tộc, những đấu tranh cố gắng của cha ông, những truyền thống, tập tục của gần 80 triệu

người dân Việt. Không nhấn mạnh vào vấn đề dân tộc là xa rời thực tế, là lấy ước muốn làm ảo tưởng, là coi Việt Nam như một chỗ không người mà một số chuyên viên ưu tú muốn làm một cuộc thí nghiệm chính trị, kinh tế, văn hóa !

Chính những tình tự dân tộc, tập tục, tiếng nói, văn hóa đã gắn bó người Việt với người Việt, dù có xa cách quê hương hàng ngàn dặm.

Chính những tình tự dân tộc, tình gia đình, làng xã, quê hương đã nối lại người Việt với người Việt sau hơn 30 năm chiến cuộc, xa cách, hận thù ví ý hệ, vì cuộc sống. Và có lẽ tình tự dân tộc là lý tính duy nhất tiếp tục sống động và còn lại, vượt lên trên cả những ý hệ quốc gia, cộng sản.

Tình tự dân tộc, quê hương, làng xã, gia đình, lịch sử cha ông còn là những thành trì kiên cố và cần thiết để đối phó với việc cơ giới hóa kinh tế, xã hội tiêu thụ sản xuất, cạnh tranh tư bản thương mại, bệnh tật xã hội, phóng đảng, đi điếm, côn đồ, lưu manh, hối lộ...

Điểm thứ hai tôi muốn bàn tới là vấn đề lòng yêu nước. Trong bản dự án, tôi lại thấy những ý kiến có vẻ nghi ngờ về lòng yêu nước của dân tộc Việt, nào là chúng ta chưa biết yêu nước, nào là lòng yêu nước hao mòn, kém cỏi, nào là những người cộng sản Việt Nam lãnh đạo không phải là những người yêu nước, họ chỉ phụng sự cho cộng sản quốc tế !

Tôi mạn phép bày tỏ sự bất đồng ý kiến qua việc nhắc lại từ nguyên thủy thời Việt sử.

Theo tôi, hình thức phát biểu lòng yêu nước thay đổi theo mỗi thời đại, nhưng tâm can xả thân cho đất nước, cho dân tộc, không thời nào không có người hy sinh vì đại nghĩa đó. Trong suốt dòng lịch sử Việt Nam, ngay cả người ngoại quốc cũng phải công nhận, đặc tính một quốc gia độc lập là đặc tính cao mạnh nhất của dân Việt. Ngay từ thời một ngàn năm thống trị của Hán tộc, người dân Giao Chỉ, tổ tiên của chúng ta, đã là dân Việt duy nhất (trong số các Việt tộc ở miền Nam Dương Tử Giang) luôn luôn chống đối lại Hán tộc, không chấp nhận bị Hán hóa, bằng các cuộc khởi nghĩa, nổi dậy, bằng các hình thức chống đối bằng văn hóa, tập tục, cuộc sống, tiếng nói, bằng cách Việt tính hóa các văn hóa

Trung Hoa. Cha ông ta thời đó đã biểu lộ tính cách độc lập, tạo hình ra một lãnh thổ riêng biệt với những sắc thái đặc biệt. Sau đó, từ thời kỳ độc lập trải qua các triều đại Đinh, Lê, Lý Trần..., các triều đại này tiếp tục bảo tồn nền độc lập của quốc gia Việt Nam trước các cuộc xâm lấn biên thùy hay tham vọng đô hộ của Trung Hoa. Những cuộc chiến tranh chống cự ngoại bang luôn luôn được hưởng ứng bởi toàn thể dân chúng: lòng yêu nước được thể hiện qua sự khát khao độc lập, không muốn sống luồn cúi trước áp lực ngoại bang.

Thời kỳ Hậu Lê và Trịnh-Nguyễn, dân tộc Việt Nam biểu hiện lòng yêu nước qua việc bành trướng về phương Nam. Người dân miền Nam tới miền đất mới thay vì bị đồng hóa bởi dân bản địa đã biểu lộ lòng yêu nước qua việc cùng quy tụ nhau lại những người cùng giống giống, cùng tiếng nói, hợp đoàn, hợp quần để khai thác, sinh tồn, duy trì các tập tục văn hóa, truyền thống của cha ông.

Lịch sử Việt Nam là một chuỗi dài kháng chiến ngoại xâm, hay bành trướng về phương Nam. Do ở các cuộc chiến tranh này, lòng yêu nước, tình dân tộc, quốc gia, làng xã, địa phương được hun đúc trở thành một đặc tính của dân tộc Việt.

Trong thời bình, tầng lớp sĩ phu, nho sĩ được thành danh do ở thi cử, học thức, đã đề cao lòng yêu nước bởi tinh thần đại nghĩa ~~dân tộc~~, trung quân, ái quốc, trí quân, ~~trách dân~~ (thờ vua, làm ơn cho dân).

Yêu nước là trung thành với vua, vì vua đại diện cho quốc gia, và để mà làm ơn cho dân, phụng thờ dân. Kẻ sĩ xứng đáng là kẻ sĩ xả thân vì nghĩa vụ, học thành tài để giúp dân, giúp nước. Kẻ sĩ yêu nước không mù quáng thờ vua. Vua phải là vua hiền, yêu dân, yêu nước. Còn nếu vua tồi, quan thối, kẻ sĩ vẫn có cách bỏ mũ áo, từ quan về nhà dạy học, tỏ bày tính cách độc lập của mình ngoài một xã hội ung thối. Kẻ sĩ thực hiện đạo lý trí quân trách dân. Gánh vác vũ trụ, giang sơn là hoài bão của kẻ sĩ, là trách nhiệm họ đã tự đặt cho mình. Đại nghĩa dân tộc là tinh thần thấm nhuần sâu sắc, cho nên "quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách". Lòng yêu nước của họ thể hiện qua tám chữ này.

THỜI SỰ... TIỀN TỨC...

Thời kỳ Pháp thuộc, ngoài một số quan lại xu thời hay gian hùng theo Pháp, hay một số trí thức được huấn luyện ở một nền giáo dục mới, nền giáo dục của chính quyền bảo hộ, các sĩ phu yêu nước vẫn tiếp tục hoạt động chống đối lại chính quyền bảo hộ. Nhiều sĩ phu tử tiết để trọn nghĩa với dân, với nước. Nhiều tổ chức yêu nước ra đời, phong trào Đông kinh nghĩa thực, phong trào Duy Tân, đảng Việt Nam Quốc Dân Đảng. Những người lãnh tụ đảng cộng sản Việt Nam thời này cũng là những người yêu nước. Tất cả đã đứng lên hoạt động vì lòng yêu độc lập tự do, ý chí bất khuất của truyền thống dân tộc. Thế kỷ 20 là thế kỷ trao đổi quốc tế của những luồng tư tưởng, ý hệ. Thời đại thay đổi, quốc gia mất chủ quyền, người trí thức không còn vua để thờ, chỉ còn đại nghĩa dân tộc nung nấu cho ý chí yêu nước của mình.

Ngày hôm nay, chúng ta cô vô, thúc đẩy, đề nghị cho một lòng yêu nước tự nguyện. Nhưng chúng ta không nên chối bỏ, chèn trách những hoạt động, suy nghĩ của cha ông. Nên trong tinh thần đại nghĩa dân tộc đó mà phải tôn vinh, tìm hiểu, nghiên cứu người xưa, vì họ là gạch nối giữa ta và quốc gia, dân tộc. Nên hành diện và có bổn phận tiếp nối sự nghiệp của cha ông. Thúc đẩy việc khảo cứu những di tích lịch sử, các sách vở, tác phẩm của tiền nhân, tìm hiểu, phát triển các tập tục, văn hóa cổ truyền của các làng xã, địa phương, dân tộc Kinh, Thượng.

Điểm thứ ba nữa là điểm mà dự án đề nghị áp dụng một thể chế chính trị tương lai cho Việt Nam. Trên điểm này, tôi hoàn toàn đồng ý với ý kiến của anh Tôn Thất Long trong số Thông Luận tháng 9 vừa qua. Chúng ta không nên đề nghị một thể chế chính trị quá cứng nhắc, không để cửa cho các thế hệ trẻ sau này. Và những gì mà chúng ta quả quyết ngày hôm nay chưa chắc đã là đúng cho tương lai 40, 50 năm sau. Hơn nữa, những đề nghị thể chế chính trị và cơ cấu tản quyền mà dự án đưa ra nhiều khi không tưởng đúng như anh Long đã khéo léo trình bày khi đi vào chi tiết cho thực tế Việt Nam.

Trên đây là những cảm nghĩ của tôi về DACT. Có thể các bạn cho là những điều tôi viết là thừa, vì hoặc đã có viết trong dự án rồi, hoặc khỏi cần phải nói. Nhưng nghĩ rằng nhắc lại còn hơn là không nói. Thừa còn hơn thiếu và tinh thần hòa giải là chấp nhận nghe ý kiến và thảo luận, tránh những ngộ nhận, ẩn ý, những chê bai, dả kích...

Trần Khắc Cảnh

Đánh giá lại biến cố Thiên An Môn?

Cuối tháng 10-1996, thị trưởng Bắc Kinh Lý Kỳ Viêm (Li Qi Yan) "từ chức" và được Giả Khánh Lâm, bí thư tỉnh ủy Phúc Kiến thay. Giữa tháng 11, một "thải tử đảng" Châu Bắc Phương bị kết án tử hình treo. Hai vụ này khá hy hữu nhưng có quan hệ mật thiết với nhau. Người ta còn nhớ cách đây gần 2 năm (tháng 2-1995), Châu Bắc Phương bị bắt trong vụ biển thủ, hối lộ của hãng Thủ Gang, một hãng gang thép có tầm vóc lớn của Trung Quốc. Châu Bắc Phương là con của ông Châu Quan Ngũ, giám đốc hãng Thủ Gang và người bạn gần nửa thế kỷ của ông Đặng Tiểu Bình. Một trong nhiều chi nhánh của Thủ Gang ở Hương Cảng lại do Đặng Chất Phương, con trai út của ông Đặng chủ trì.

Trong tháng 4-1995, một phó thị trưởng Bắc Kinh Vương Bảo Sâm dùng súng lục tự vẫn. Điều tra cho biết là Vương Bảo Sâm có dính líu tới một vụ biển thủ lớn mà chủ chốt là bí thư thành ủy Bắc Kinh Trần Hy Đồng, một trong 21 ủy viên bộ chính trị của đảng cộng sản Trung Quốc. Số tiền biển thủ lên tới 2 tỷ USD.

Trần Hy Đồng bị loại khỏi ban chấp hành trung ương nhưng còn là đảng viên và bị tù chờ ngày xét xử. Trần Hy Đồng khi vào bộ chính trị ở Đại Hội lần thứ 14 (1992) là thị trưởng Bắc Kinh và cũng là người đóng vai trò chính trong việc tàn sát sinh viên cùng với ông Đặng Tiểu Bình trong biến cố Thiên An Môn năm 1989. Là người gốc Tứ Xuyên ông Đồng thuộc vây cánh của ông Bình cùng với Lý Kỳ Viêm vừa bị cách chức.

Đại hội thứ 15 sắp được họp vào tháng 10 trong năm tới để chọn người lãnh đạo mới. Giang Trạch Dân từ nhiều tháng qua đã loại các con cái, họ hàng của ông Đặng Tiểu Bình ở các chức vụ trong đảng nay lại tiến thêm một bước mới trong việc đưa các người thân gần của ông Đặng ra trước pháp luật mà ông không dám làm cách đây gần 2 năm. Điều này chứng tỏ Giang Trạch Dân đang củng cố được địa vị trước đại hội thứ 15. Giang Trạch Dân chắc cũng sẽ đánh giá lại biến cố Thiên An Môn cũng như Đặng Tiểu Bình trước đây đã dùng cách đánh giá lại sự kiện sinh viên xuống đường tưởng niệm cố thủ tướng Chu Ân Lai (trong năm 1976 và đã bị cho là phản cách mạng). Lý do là vì sự kiện Thiên An Môn còn phân hóa xã hội Trung Quốc. Dưới chiêu bài chống tham nhũng để loại các thành phần trực tiếp tham gia

đàn áp trong biến cố Thiên An Môn, Giang Trạch Dân không làm gì khác hơn Đặng Tiểu Bình trước đây để có thể trở thành nhân vật số một của chế độ. Như vậy, số phận của Trần Hy Đồng sẽ như "chỉ mảnh treo chuông" trong những ngày sắp tới.

Đổi mới trong quan hệ Mỹ- Trung?

Một trong những thất bại về ngoại giao của tổng thống Bill Clinton trong nhiệm kỳ đầu là về Trung Quốc. Thái độ của chính quyền Clinton đối với Bắc Kinh không rõ rệt về sự lựa chọn giữa thương mại và nhân quyền. Thái độ khi thì cứng rắn (biểu dương lực lượng ở Đài Loan, chống đối gia nhập của Bắc Kinh vào tổ chức thương mại quốc tế, chống việc Bắc Kinh ứng cử để tổ chức Thế vận hội vào năm 2000) khi thì quá yếu ớt như vẫn gia hạn quy chế tối huệ quốc về thương mại mà không đòi hỏi điều kiện nào.

Thái độ đó có thể giải thích sự kiện là lần đầu tiên, trong những thập niên gần đây, một tổng thống Mỹ trong nhiệm kỳ không công du chính thức ở Bắc Kinh cũng như không tiếp đón các lãnh đạo Trung Quốc tại Hoa Thịnh Đốn. Ngoại trưởng Mỹ Christopher chỉ viếng thăm chính thức Bắc Kinh một lần trong năm 1994. Dĩ nhiên các nhà lãnh đạo hai nước có gặp nhau ở các hội nghị quốc tế như ở Liên Hiệp Quốc và các lần họp của APEC.

Nhiệm kỳ hai của ông Clinton có thể sắp mở một kỷ nguyên mới về bang giao giữa hai nước. Ngoại trưởng Christopher vừa viếng thăm chính thức Bắc Kinh trước khi từ giã chính trường. Cùng lúc đó ông Clinton đã gặp lại ông Giang Trạch Dân tại hội nghị của APEC được nhóm họp ở Manila. Hai bên đã đi đến một thỏa thuận là Giang Trạch Dân sẽ viếng thăm Hoa Kỳ trong năm 1997 (có lẽ là trước đại hội 15 của đảng cộng sản Trung Quốc) và Clinton sẽ sang Bắc Kinh trong năm 1998. Điều người ta lưu ý là trong các lời tuyên bố của ông Clinton là Hoa Kỳ không có ý định ngăn chặn Trung Quốc và hy vọng xứ này trở thành một đối tượng hợp tác. Phát ngôn viên Thẩm Quốc Phóng (Shen Guo Fang) chào mừng thái độ mềm dẻo và thực tiễn của Clinton. Giang Trạch Dân cũng hy vọng Hoa Kỳ sẽ không dùng vũ khí thương mại để can thiệp vào nội bộ Trung Quốc. Như vậy vấn đề nhân quyền không còn là trọng tâm trong quan hệ bang giao giữa hai xứ.

THỜI SỰ... TIN TỨC... THỜI SỰ...

Hàng trăm người chết vì lũ lụt

Chưa bao giờ Việt Nam bị các trận mưa lũ gây tác hại đồng loạt và nghiêm trọng trên cả nước như năm nay. Từ Bắc chí Nam không có vùng nào thoát khỏi mưa lũ. Cho đến cuối tháng 8-1996, thiệt hại về nhân mạng do bão lụt của các tỉnh miền Bắc như sau: 290 người chết, 186 người mất tích và hơn 500 người bị thương. Các tỉnh bị thiệt hại nhiều nhất là Nghệ An, Thanh Hóa, Thái Bình, Nam Hà, Ninh Bình, Vinh Phú, Hà Bắc và Lai Châu. Gần như các hạ tầng cơ sở đều bị hư hỏng nặng sau các cơn lũ. Chưa khắc phục được những thiệt hại do các trận lụt tháng 8-1996, cơn bão tháng 10 còn gây nhiều tai hại hơn.

Tính đến ngày 1-11-1996, lũ ở đồng bằng sông Cửu Long đã làm thiệt mạng 162 người, trong đó có 129 trẻ em. Trên 730.000 căn nhà và 2.500 trường học bị ngập, hơn 1.700 căn khác bị nước cuốn trôi, 27.000 hecta lúa bị mất trắng và 240.000 hecta lúa và hoa màu khác bị thiệt hại nặng.

Mưa lớn kéo dài cũng đã làm cho hơn 50 địa điểm tại Hà Nội bị ngập úng nặng, có nơi nước dâng lên trên một mét; các khu vực quanh các hồ nhỏ phía Tây thành phố đều bị ngập nước. Riêng xã Hưng Linh, huyện Hưng Yên, tỉnh Nghệ An, có 7 học sinh bị chết đuối vì bị lật đò. Tại Sài Gòn, nhiều khu vực dân cư và diện tích hoa màu trong các huyện ngoại thành (Bình Chánh, Củ Chi, Thủ Đức và Hóc Môn) và các quận nội thành (quận 5, 6, Tân Bình và Bình Thạnh) cũng bị ngập nước.

Tại Quảng Trị, lũ ở miền giáp núi làm ngập 8.605 phòng học, bệnh xá và nhà dân, 4 người chết và 1 bị thương. Tại Thừa Thiên, các trận mưa bão đã làm thiệt mạng 24 người và 69 người bị thương. Quảng Nam-Đà Nẵng có 24 người chết, 4 người mất tích và 4 người bị thương; hơn 40.600 nhà dân, trường học, bệnh xá bị chìm trong nước; 16.000 hộ dân với 50.000 nhân khẩu cần được cứu trợ khẩn cấp, các tuyến tình lộ lên vùng núi đều bị tắc ách. Quảng Ngãi có 30 người chết, 830 ngôi nhà bị sập và 12.320 nhà bị hư hỏng. Bình Định có 10 người chết, trong đó 4 em nhỏ, và 20 người bị thương. Kontum có 9 người chết, 2 người mất tích, 127 nhà bị nước cuốn trôi cùng 10 cây cầu, 79 công trình thủy lợi, 5 trường học bị hư hỏng hoàn toàn, 754 ngôi nhà chìm trong nước,

hệ thống điện thoại nhiều nơi bị gián đoạn.

Hệ thống ngân hàng Việt Nam bị teo hẹp

Trong chín tháng đầu năm 1996, tốc độ tăng trưởng của các ngân hàng nội địa giảm sút nặng so với các ngân hàng ngoại quốc và liên doanh. Mặc dù có số lượng đông hơn (riêng tại Sài Gòn có 4 ngân hàng quốc doanh với 24 chi nhánh cùng 18 ngân hàng cổ phần và hai công ty tài chính), tỷ lệ tăng trưởng của các ngân hàng nội địa là 1,6% trong hệ thống ngân hàng quốc doanh và 2,4% trong hệ thống ngân hàng cổ phần. Trong khi đó tốc độ tăng trưởng của các ngân hàng ngoại quốc đang hoạt động trong nước là 7,8%, ngân hàng liên doanh 3,8%.

Sự teo hẹp này có hai lý do. Một là dân chúng mất tin tưởng vào hệ thống ngân hàng nội địa, hai là phương pháp tiếp thị của các ngân hàng trong nước còn quá thô sơ so với các ngân hàng ngoại quốc và liên doanh.

Thêm tám tỉnh, thành phố mới

Ngày 6-11-1996, quốc hội cộng sản Việt Nam đã thông qua nghị quyết chia cắt 8 tỉnh, thành cũ thành 16 tỉnh, thành mới. Tỉnh Bắc Thái cũ được chia lại thành hai tỉnh Bắc Cạn (thủ phủ: thị xã Bắc Cạn) và Thái Nguyên (thủ phủ: thành phố Thái Nguyên). Tỉnh Hà Bắc chia thành hai tỉnh Bắc Giang (thủ phủ: thị xã Bắc Giang) và Bắc Ninh (thủ phủ: Bắc Ninh). Tỉnh Hải Hưng thành tỉnh Hải Dương (thủ phủ: thị xã Hải Dương) và Hưng Yên (thủ phủ: thị xã Hưng Yên). Tỉnh Nam Hà thành Hà Nam (thủ phủ: thị xã Phủ Lý) và Nam Định (thủ phủ: thành phố Nam Định). Tỉnh Vinh Phú thành Phú Thọ (thủ phủ: thành phố Việt Trì) và Vinh Phúc (thủ phủ: thị xã Vinh Yên). Tỉnh Quảng Nam - Đà Nẵng thành thành phố Đà Nẵng và Quảng Nam (thủ phủ: thị xã Tam Kỳ). Tỉnh Sông Bé thành Bình Dương (thủ phủ: thị xã Thủ Dầu Một) và Bình Phước (thủ phủ: thị trấn Đồng Xoài). Tỉnh Minh Hải thành Bạc Liêu (thủ phủ: thị xã Bạc Liêu) và Cà Mau (thủ phủ: thị xã Cà Mau).

Nói chung sự chia cắt mới này chỉ là lập lại các ranh giới và thủ phủ của các tỉnh đã có từ thời Pháp thuộc cho các tỉnh tại miền Bắc và thời Việt Nam Cộng Hòa cho các tỉnh tại miền Nam. Như vậy trên

cả nước hiện nay có cả thảy 61 tỉnh, thành. Theo nguồn tin ngoại quốc, ông Võ Văn Kiệt chống lại việc chia thêm này, coi đó là hành động chia chủ quyền quốc gia cho các thế lực đảng ở địa phương.

Kế hoạch giảm và giãn nợ cho Việt Nam

Theo đánh giá mới đây của Quỹ Tiền Tệ Quốc Tế (IMF), Việt Nam nằm trong số 41 quốc gia bghèo nhất thế giới đang chịu gánh nặng nợ nần nước ngoài. IMF cũng đánh giá Việt Nam là một trong số 18 nước thuộc loại nợ duy trì (sustainable debt).

Trước khả năng khó hoàn trả nợ của Việt Nam, IMF và Ngân Hàng Quốc Tế (WB) đưa ra kế hoạch ba điểm nhằm giảm và giãn nợ cho Việt Nam: 1-thành lập quỹ nợ luân chuyển khoảng 400 triệu USD hàng năm dùng để trả nợ đến hạn hay trả một phần nợ cho nước ngoài; 2-đề nghị xét lại và hoãn thời gian trả nợ của Câu Lạc Bộ Paris (chủ nợ là các quốc gia) cho 90% số nợ thay cho 67% như hiện nay; 3-dự kiến trước khả năng cho vay mới của các chủ nợ đa phương.

Tuồng cũng nên nhắc lại là hồi cuối năm 1995 Việt Nam đã xin xóa khoản nợ 800 triệu USD của Câu Lạc Bộ London (chủ nợ là các tư nhân), phần lớn là nợ của tư nhân Nhật Bản, nhưng không thành. Chính phủ Nhật Bản sau đó phải đứng ra bảo trợ bằng cách trả thay cho Việt Nam các khoản tiền lãi đáo hạn dưới hình thức viện trợ không bồi hoàn. Sự kiện này làm Việt Nam mất uy tín đối với các định chế cho vay tư nhân và từ đó bị xếp vào hạng các quốc gia không có khả năng hoàn trả nợ. Cán cân xuất nhập khẩu trong 9 tháng đầu năm đến nay của Việt Nam thâm hụt 3,3 tỷ USD, đây cũng là một món nợ lớn khó trả.

Viện trợ không bồi hoàn

Viện trợ có hai hình thức: cho vay (để mua hàng hóa) với lãi suất ưu đãi (thấp) và viện trợ không bồi hoàn. Tất cả các khoản viện trợ đều dưới dạng hàng hóa và dịch vụ, không có viện trợ nào bằng tiền mặt cả. Với khối lượng hàng hóa viện trợ này, đảng cộng sản phân phối cho các cơ quan trực thuộc để bán ra thị trường và thu tiền về cho nhà nước. Thực tế thì số tiền thu được không quay về ngân khố mà vào túi những người lãnh đạo và tay chân. Tài sản riêng của đảng cộng sản Việt Nam được các chuyên gia quốc tế ước lượng khoảng

THỜI SỰ... TIỀN TỨC... THỜI SỰ...

20 tỷ USD, và có hơn 300 cán bộ cao cấp có tài sản riêng trên 100 triệu USD. Mặc dầu vậy số nợ với các quốc gia ngoại quốc vẫn còn đó. Nếu chính quyền cộng sản không trả các khoản nợ đó, chính con cháu chúng ta sẽ phải trả và trả với giá cao hơn. Lãi suất cho vay tuy thấp nhưng tích lũy mãi với thời gian sẽ trở thành cao. Viện trợ không bồi hoàn chỉ là những hình thức giúp đỡ gián tiếp như trả nợ giùm, trả lương cho nhân viên ngoại quốc hay tặng phẩm vật, dụng cụ chuyên ngành cho các cơ sở có liên quan đến quốc gia viện trợ đó. Khối lượng viện trợ này không đáng kể so với khối lượng viện trợ dưới dạng hàng hóa và dịch vụ; nó chỉ chiếm khoảng từ 10 đến 20% tổng số viện trợ của quốc gia chủ nợ.

Hiện nay chính cộng đồng người Việt hải ngoại mới là người viện trợ không bồi hoàn không những lớn nhất mà còn trực tiếp cho Việt Nam. Những khoản tiền gửi về nước là cho không, mỗi năm không dưới vài trăm triệu USD. Thế mà cộng đồng người Việt hải ngoại vẫn bị bạc đãi và bị trừ dập dưới đủ mọi hình thức.

Lượng kiều hối tiếp tục giảm

Sau khi chính quyền cộng sản ban hành việc triển khai thuế thu nhập đối với những người có người thân từ nước ngoài gửi tiền về hồi đầu năm 1996, số lượng tiền chuyển về nước qua các hệ thống chính thức đã giảm hẳn. Lượng kiều hối chuyển qua Ngân Hàng Ngoại Thương (EXIMBANK) trong tháng 1-1996 là 7,7 triệu USD, đến tháng 8 giảm xuống 5,3 triệu USD, tháng 9 còn 3,7 triệu USD. Lượng kiều hối qua hệ thống các ngân hàng khác (Ngân Hàng Á Châu, Đông Á) cũng đã giảm từ 50 đến 70%.

Theo qui định mới của việc khai thuế này, thuế thu nhập chỉ tính trên số tiền gửi trên 2 triệu đồng trở lên với thuế suất 5%. Đó là chưa kể những khoảng chênh lệch về hối suất và phí chuyển ngân phải trả cho ngân hàng.

Qui định mới về người Việt hồi hương

Theo nguồn tin được chính thức loan báo từ Việt Nam và đã được các hãng thông tấn ngoại quốc loan truyền rộng rãi, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã ký nghị định ngày 21-11-1996 qui định rõ ràng việc

cho người Việt sống ở nước ngoài được hồi hương. Nghị định này sẽ có hiệu lực thi hành kể từ ngày mùng 1-1-1997

Rất nhiều điều kiện đã được đặt ra, những điều kiện mà những người Việt sống ở ngoài nước phải thỏa mãn nếu muốn hồi hương. Dưới đây là một số điều kiện chính:

Muốn hồi hương đơn phương phải làm thủ tục xin hồi hương tại các cơ quan lãnh sự của Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam nơi mình cư trú. Trong hồ sơ xin hồi hương, đương đơn phải được một cơ quan chính quyền hay gia đình mình bảo lãnh không chống đối chế độ. Nhưng tiên quyết, người này phải dứt khoát về vấn đề quốc tịch nghĩa là phải có quốc tịch Việt Nam và mang thông hành (hộ chiếu) Việt Nam, nếu không có thông hành (hộ chiếu) thì phải chứng minh rằng vẫn còn giữ quốc tịch Việt Nam. Ngoài ra còn phải chứng tỏ có khả năng tự lập được về mặt kinh tế để sinh sống ở trong nước.

Hội đủ các điều kiện kể trên rồi còn phải khai lý lịch cá nhân, ghi rõ quá trình hoạt động vì sao đã xuất ngoại và vì sao muốn hồi hương. Nói theo ngôn ngữ của chính quyền cộng sản đương sự phải có "lý lịch chính trị trong sạch", trong thời gian cư ngụ tại nước ngoài "không tham gia hay ủng hộ một tổ chức nào chống lại tổ quốc xã hội chủ nghĩa Việt Nam và cộng đồng người Việt" (xin hiểu là các "Việt kiều yêu nước").

Hiện thời các tòa đại sứ cộng sản chưa nhận được những văn thư hướng dẫn việc thi hành cụ thể nghị định 1-11-1996. Nhưng chắc chắn là trong những ngày sắp tới sẽ phải nhận được các văn thư này.

Tất nhiên là còn phải đợi trắng đen rõ rệt để dứt khoát phê phán về những qui định ngày 21-11-1996. Nhưng có rõ thêm chẳng nữa thì cũng không thể ra khỏi cái khung độc quyền "xã hội chủ nghĩa" đã quá rõ. Nước Việt Nam qua nghị định kể trên đã trở thành nước riêng của đảng cộng sản và những ai còn theo đảng này. Chính quyền cộng sản đã tự cho phép mình ngăn cản không cho tất cả những người Việt Nam - những công dân Việt Nam theo nghĩa rộng rãi, chính đáng của danh từ này - được trở về nước, dù họ ra đi từ đâu, từ bao giờ, không kể vì lý do gì và đã sinh sống ở đâu. Nhà cầm quyền cộng sản thêm một lần nữa đã cho mọi người Việt Nam hiểu rõ thế nào là "tổ quốc xã hội chủ nghĩa", thế nào là nhân quyền

(quyền con người), nói chung, thế nào là "Nhà nước pháp quyền".

Võ Văn Kiệt cấm đón bắt đài truyền hình nước ngoài

Ông Võ Văn Kiệt vừa ký lệnh cấm dân chúng dùng ăng ten pa-ra-bôn để bắt các đài truyền hình nước ngoài. Người Việt Nam không có quyền biết những gì đang xảy ra trên thế giới. Đó là cách mà Đảng Cộng sản muốn dắt dân tộc vào thế kỷ 21 và kỷ nguyên trí tuệ!

Nhiều người sẽ nhớ tới ông Võ Văn Kiệt qua quyết định này, cũng như người ta sẽ nhớ tới ông Phạm Văn Đồng qua bức công hàm ông gửi cho Chu Ân Lai nhìn nhận yêu sách về Trường Sa và Hoàng Sa của Trung Quốc.

Miến Điện được vào ASEAN năm 1997 ?

Hiệp hội các nước Đông Nam Á Châu (ASEAN) đã tổ chức một cuộc họp thượng đỉnh không chính thức vào ngày 30-11-96 tại thủ đô Djakarta của Nam Dương. Sau buổi họp, ASEAN tuyên bố có thể cho Miến Điện gia nhập vào cùng lúc với Lào và Căm Bốt, nghĩa là vào tháng 7-1997. Trước đây vì có phản ứng dè dặt của Phi Luật Tân, Thái Lan và Singapore nên người ta nghĩ rằng việc gia nhập của Miến Điện sẽ bị hoãn lại một hay hai năm. Tuyên bố thận trọng của ASEAN được giải thích bằng sự kiện là họ còn e dè phản ứng của các nước Tây phương. Các nước này đã thường lên án chế độ độc tài quân phiệt ở Rangoon.

Trong tuyên bố các lãnh đạo ASEAN cũng tỏ vẻ bất bình về việc Bồ Đào Nha vận động để đưa vấn đề độc lập của nhân dân Timor (mà Nam Dương đã chiếm lấy khi chế độ thuộc địa Bồ Đào Nha được phá bỏ trên quần đảo Nam Dương) vào chương trình đối thoại và hợp tác kinh tế giữa ASEAN và Liên Hiệp Châu Âu. Ngoài ra ASEAN xác định lại lập trường là không muốn bàn về các vấn đề xã hội trong hồ sơ của Tổ Chức Thương Mại Thế Giới.

Lập trường trên của ASEAN có thể được giải thích bằng lý do cơ bản là đa số thành viên của tổ chức này vẫn còn ở trong chế độ độc tài nên các lãnh đạo sợ phải đề cập đến các đòi hỏi về xã hội và nhân quyền. Họ hối hả đón tiếp thêm một chế độ độc tài quân phiệt để thêm vây cánh. Phải chăng là để có gì thì chết cả cụm?

Tùy bút

California, một năm sau

Mùa thu năm ngoái, tôi rời Cali mang tâm trạng "về chiều" gói ghém hình ảnh cuộc sống lúc đó đang chùng xuống của những người Việt tị nạn trên đất Mỹ: cuộc tranh đấu chấm dứt chuyên chế ở trong nước không đạt được những kết quả chờ đợi, nguồn trợ cấp xã hội bị đe dọa cắt giảm v.v... Mùa thu năm nay, tôi trở lại Cali và lần này tôi bỗng cảm thấy có chút gì là lạ trong cuộc sống ấy. Đường như tôi đã bắt gặp một mạch sống đang dâng lên, tuy nhiên khó xác định nó sẽ đi về đâu.

Về tới Paris, rất nhiều người hỏi tôi một loạt những câu hỏi giống nhau, bắt đầu bằng "Cali có gì lạ không?". Được dịp trút bầu tâm sự, tôi xả láng: "Có rất nhiều, đối với riêng tôi. Lần này Cali cho tôi biết đủ nắng, mưa, nóng, lạnh. Buổi trưa, đi bộ khu Bolsa, ánh nắng xiên khoai miền Bắc chiếu thẳng vào tôi làm rát mặt. Buổi tối, như để đền bù, Cali có cái lạnh của đêm Sài Gòn. Đặc biệt, tôi được dịp ngồi co ro trong một căn nhà tiền chế "mobilhome" nhìn lại cảnh ngày đêm mưa dầm gió bắc của quê tôi, miền Trung. Và khi nghe tiếng mưa đổ, nhìn những giọt nước mưa rơi tí tách, tôi liên tưởng đến hai câu thơ của một nhà thơ miền Nghệ Tĩnh thừa ông còn là thi sĩ "Tai nương nước giọt mái nhà, Nghe trời nặng nặng nghe ta buồn buồn". Đã lâu lắm rồi tôi mới lại được gặp thiên nhiên trong phong cảnh gợi nhớ quê hương. Mưa ở Cali rất hiếm, một năm tổng cộng có chừng vài chục ngày thôi..." Chuyện thời tiết xem ra không mấy hấp dẫn, tôi bị cất ngang "Nói chung có gì thay đổi không?". Câu trả lời bằng một tiếng "Có!" của tôi đã dẫn ngay tới câu hỏi "Tốt hay xấu?". Phần đông những người đối thoại của tôi đều ngạc nhiên khi nghe tôi nói "Có thể tốt mà cũng có thể xấu". Họ biết rằng tôi không chơi chữ và khi nói kiểu nước đôi như vậy là thực sự có vấn đề.

Cali, hơn mười lăm năm trước

Nhớ lại năm 1985, lần đầu tiên tôi đặt chân tới Quận Cam, miền Nam Cali. Tôi còn khoác trên vai chiếc áo măng tô chống lạnh của Paris và của miền Đông nước Mỹ. Một người bạn đi đón tôi ở phi trường Los Angeles bảo tôi rằng "ở đây không lạnh lắm đâu, như Sài Gòn tôi".

Sau hai ngày nghỉ ngơi, tôi được mời tham dự một buổi tiếp tân của Nhật báo Người Việt. Trong đám đông, nhiều khuôn mặt quen thuộc, tưởng tôi không còn được gặp lại, cũng nhiều khuôn mặt lạ, nhưng tất cả đều là những khuôn mặt Việt Nam của một Việt Nam đang sống lại sau biến cố Tháng Tư đen 1975. Khi được yêu cầu phát biểu cảm tưởng, tôi nhớ đã ứng khẩu nói đại khái như sau: "Sau 1975, Cali đã trở thành nơi được gọi là thủ đô của người Việt tị nạn. Tôi đã bị hút tới đây như con thiêu thân bị ánh đèn hút". Trong tôi lúc đó, một nước Việt Nam mới đang thành hình trên đất nước người, với màu sắc, hình ảnh, tiếng nói Việt Nam tập trung nơi tụ điểm đây nghiệp khu Bolsa. Một bức tường vô hình đã ngăn cách hai nước Việt Nam, trong khi chờ đợi nước mới thay nước cũ...

Cali, hai mươi hai năm sau

Tôi được mời với tư cách khách phương xa tham dự lễ "kỷ niệm 18 năm xuất bản Nhật báo Người Việt", nhân dịp báo này ra số thứ 4000. Không khí cuộc họp mặt năm nay - 1996 - khác hẳn không khí năm xưa - 1985. Nhiều khuôn mặt mang thêm dấu vết của năm tháng đang sửa soạn rút vào hậu trường. Một lớp người trước đây còn nhỏ nay đã xuất hiện nơi những hàng đầu, đầy tự tin. Ngôn ngữ đã trở nên pha trộn. Người Việt nói, hát tiếng Mỹ. Người Mỹ nói, hát tiếng Việt. Nam nữ thanh niên Việt Nam sử dụng thành thạo, không mặc cảm tiếng Mỹ. Lượng thông tin do báo chí, các đài phát thanh, đài truyền hình cung cấp đều đặn hàng ngày liên quan tới cuộc sống ở trong nước ngang - có lúc trội hơn - với lượng thông tin về những gì xảy ra ở hải ngoại. Các mục quảng cáo, rao vặt, tìm vợ tìm chồng đã trở thành huyết mạch của các cơ quan truyền thông đại chúng tiếng Việt. Cuộc sống của những người Việt tị nạn có vẻ đã không còn tạm dung để trở thành cố định. Họ đã thực sự "chọn nơi này làm quê hương", như lời hát của một bản du ca. Người tị nạn về thăm quê nhà không còn phải lén lút như trước nữa. Số người trong nước được sang Mỹ để theo học các trường Trung học, Đại Học hoặc để thăm gia đình hay kinh doanh ngày một tăng. Bức tường vô hình năm nào còn ngăn cách hai nước Việt Nam đã nứt rạn ở nhiều chỗ nếu chưa biến mất hẳn. Vết thương "cải tạo" đã lên da non. Tất nhiên, sự mờ nhạt của các lần tranh đấu, chưa làm dịu giọng một số lãnh

tự chính trị, văn hóa, văn nghệ. Quốc kỳ, cờ vàng ba sọc đỏ vẫn được trưng lên những ngày lễ và thường xuyên tại những khu thương mại, trong một số chùa, nhà thờ. Du khách vẫn còn cảm thấy đang đi trên đất "Sài Gòn nhỏ" (Little Saigon). Nhưng điều khó cảm thấy rõ là tâm hồn của Sài Gòn nhỏ nay đang ở đâu.

Trước ngưỡng cửa của văn minh thịnh thị

Những thay đổi trong cuộc sống của người Việt tị nạn tại Cali ngày một nhiều, một sâu, một rộng. Hai nét nổi bật là sự xuất hiện rục rịch của phụ nữ và tuổi trẻ nam nữ Việt Nam trên đất nước người. Người phụ nữ Việt Nam định cư tại Mỹ đã có dịp chúng tỏ bản lĩnh không thua sút gì nam giới về mọi mặt. Tre già măng mọc, thế hệ thứ hai (gồm cả những lớp tuổi tới đất Mỹ khi còn nhỏ nhưng đã lớn lên trên đất này) hiện đang bắt đầu nắm trong tay vận mệnh của gia đình mình, của cộng đồng người Việt ở hải ngoại. Vì sống tập trung đông đảo và thường xuyên với nền văn minh thịnh thị Mỹ, cộng đồng người Việt ở Mỹ sau hơn hai mươi năm tiếp xúc đã biến thành bộ phận tiên tiến của cộng đồng người Việt ở nước ngoài và chắc chắn sẽ ảnh hưởng lớn sự biến đổi trong tương lai của tập thể này.

Nhờ tiến bộ của khoa học, nhất là của truyền thông, những trở ngại về không gian thời gian giữa trong và ngoài nước đang ở trên đà được khắc phục. Nghe xa, nhìn xa, nói xa hàng vạn dặm không còn là chuyện Phong Thần ngày xưa. Điều tôi cảm thấy nhân chuyến viếng thăm đất Mỹ lần này là sự biến đổi sẽ diễn ra theo hai chiều. Sự thành bại của nhu cầu chấm dứt chuyên chế cộng sản ở trong nước tùy thuộc vào hai nguồn sức mạnh chính của người Việt tị nạn, đó là phụ nữ và tuổi trẻ. Hai nguồn sức mạnh này đã nhập vào được lưu lượng trên các xa lộ thông tin để đi vào mạng lưới thông tin toàn cầu. Nhưng cũng cần phải có những mũi nhọn tư tưởng để hướng dẫn phối hợp hành động. Tạm dùng một ảnh tượng để hình dung tương lai: Con sinh vật đầy sức sống đang lớn lên từ những đốm nóng tàn của những thập niên chiến tranh phải được sự trợ lực của một ý thức lịch sử sắc bén. Những thế hệ sắp qua đời làm được gì để trợ lực cho những thế hệ đang tiếp nối mình đi vào văn minh thịnh thị mà không mất gốc?

Trần Thanh Hiệp

tạp ghi...

Tham nhũng là quốc nạn, là kẻ nội phản, cướp cạn, cướp ngày, là v.v... Dù mọi từ ngữ nặng nề. Trong suốt khóa họp kéo dài một tháng, quốc hội của nhà nước cộng sản hầu như đã chỉ bàn về tham nhũng. Ông Kiệt đề nghị ban hành một pháp lệnh chống tham nhũng. Ông Đỗ Mười, trái lại, cho rằng không cần, các văn kiện chống tham nhũng đã đủ rồi chỉ cần áp dụng thôi. Và ông Đỗ Mười mất bình tĩnh: "Nói nhiều rồi, nhiều quá rồi, đừng bàn nữa, làm đi!". Nhưng làm gì và ai làm? Quốc hội cuối cùng cũng chỉ bàn vì không biết làm gì hơn. Chống tham nhũng trong hoàn cảnh mà nó đã trở thành một cách suy nghĩ và hành động như hiện nay đòi hỏi một chấn động tâm lý lớn khiến mỗi người lấy quyết định cá nhân từ đây không tham nhũng nữa và cũng không chấp nhận sống chung với tham nhũng nữa, đồng thời khiến xã hội không còn đất sống cho tham nhũng. Chỉ có một thay đổi toàn diện, thay đổi cả chế độ lẫn nhân sự mới tạo nổi chấn động tâm lý đó.

Tham nhũng là hậu quả của tâm lý bất chấp lẽ phải, đặt lợi ích riêng lên trên quyền lợi của tập thể. Một đảng tự biết mình bị nhân dân chán ghét mà vẫn khư khư áp đặt độc quyền cai trị, tự biết đường lối mình có hại cho đất nước mà vẫn ngoan cố không thay đổi, hơn nữa lại còn chiếm đoạt hàng chục tỷ đô-la của đất nước làm tài sản của đảng, đảng ấy có tư cách gì để kêu gọi chống tham nhũng?

Vấn chuyện quốc hội. Ông Nguyễn Hà Phan mất chức phó chủ tịch quốc hội và mất luôn chức đại biểu quốc hội vì "lý do lịch sử". "Lý do lịch sử" là thế nào? Một đại biểu quốc hội không bị pháp luật truy tố, chưa nói không bị kết án, tại sao lại có thể mất chức đại biểu quốc hội? Cùng chẳng thấy nói có biểu quyết gì về vấn đề này. Báo chí trong nước chỉ tưởng thuật là cái ghế của ông Nguyễn Hà Phan trên bàn chủ tịch được đem cất đi. Chỉ có thế, đảng đã ra lệnh, thế là đủ. Quốc hội gì mà kỳ cục vậy? Hiến pháp của chế độ nói "quốc hội là cơ quan quyền lực cao nhất". Khôi hài. Ai cũng biết quốc hội này chỉ là cơ quan bù nhìn, không có thực quyền. Điều khó ngờ là nó không có cả sự tự trọng hình thức tối thiểu.

Singapore đang mở "chiến dịch mỉm cười". Hàng loạt bích chương được dán khắp nơi với chân dung những người thuộc mọi thành phần nam phụ lão ấu đang tươi cười, với khẩu hiệu kêu gọi dân chúng hãy cười, đừng lo âu. Nhưng người dân Singapore vẫn không cười được. Họ vẫn lo âu, và có lý do để lo âu. Kinh tế Singapore đang khựng lại. Không phải vì người Singapore ít cười mà vì những nguyên nhân cơ bản hơn nhiều. Nụ cười sẽ không đủ. Còn cần những biện pháp mạnh. Các biện pháp này sẽ rất nhức nhối, khó mà cười được. Singapore sẽ phải đón nhận một ngày mai chật vật. Ông Lý Quang Diệu sẽ không còn vị thế để lên lớp dạy dỗ các nước khác về "khuôn mẫu Khổng Giáo mới" của ông. Và lại cái "Khổng Giáo mới" của ông Lý Quang Diệu chỉ là một thứ Khổng Giáo tiều tằm. Một thứ "Khổng Giáo đô-la" nói tiếng Anh, tôn thờ lợi nhuận và đặt thương mại lên trên hết. Singapore đã thành công không phải nhờ Khổng Giáo, dù là Khổng Giáo tân trang, mà nhờ một lý do trái ngược hẳn. Đó là quốc gia đầu tiên đã bỏ hẳn nếp sống cổ truyền để tây phương hóa triệt để, áp dụng một chính sách kinh tế tư bản tuyệt đối. Chỉ sau khi Singapore đã trở thành giàu có ông Lý Quang Diệu mới dạy đời những bài học mà ông không hề theo và cũng không hề biết. Singapore lâm vào khó khăn thì người ta sẽ đỡ phải nghe những bài học lão lếu.

Phép màu tháng 9. Trong thời gian vài tuần lễ chiến dịch giúp người Việt định cư tại Palawan đã thu hoạch được một triệu rưỡi USD. Một thành tích rất đáng tự hào. Nhưng ngay sau đó là một sự kiện đáng buồn. Đã có tranh cãi, đôi khi với lời lẽ nặng nề, giữa các nhân vật và các tổ chức thiện nguyện. Tất cả đều là những người tốt, những tổ chức tốt, đáng quý trọng, đáng tôn vinh. Những lời qua tiếng lại này thật là đáng tiếc. Nhưng điều mà tôi lấy làm lạ là không thấy phe nào nhấn mạnh sự kiện đáng lẽ phải được coi là quan trọng nhất: sự ra đời của một cộng đồng người Việt mới, tại Philippines. Người Việt ở đây quá ít, nếu lại sống tản mạn thì không phải là một cộng đồng. Cần một địa điểm tập trung nào đó để làm thủ phủ, để xây ngôi đình Việt Nam, để gặp gỡ nhau, hội hè và hướng về đất nước. Điều này đang được thực hiện với dự án thành lập một khu Việt Nam. Các cộng đồng người Việt ở nước nào cũng cần thiết cả chứ không phải chỉ ở các nước phát triển. Tất cả đều

là những đài quan sát, những con mắt của đất nước để nhìn thế giới. Ở đâu chúng ta cũng cần có những đầu cầu. Khu định cư Palawan đáng giá nhiều lần số tiền một triệu rưỡi USD. Và nó còn có một giá trị tượng trưng đặc biệt: đó là mảnh đất Việt Nam mới mà chính cộng đồng người Việt hải ngoại đã mua làm quà tặng cho một số đồng bào, và cho tổ quốc.

Ông Lê Đức Anh bị tai biến mạch máu não. Vấn đề thay thế ông nhưc nhối cho đảng cộng sản. Nếu thay thế ông là chuyện dễ thì đảng cộng sản đã làm trong Đại Hội VIII rồi. Nhưng có gì là bất ngờ? Khi bầu một người lãnh đạo đã 76 tuổi, người ta phải chờ đợi những hậu quả như vậy. Không có vấn đề mới là điều đáng ngạc nhiên. Sắp tới có thể đến lượt Đỗ Mười hay ông Võ Văn Kiệt. Toàn là những nhân vật không thể thay thế mà vẫn phải thay thế, những vấn đề không thể giải quyết mà vẫn phải giải quyết. Không phải vì một thí sinh dở không làm được bài và không muốn nộp bài mà một lúc nào đó tiếng chuông không vang lên báo hiệu hết giờ. Đảng cộng sản có mọi quyền hành và khống chế tất cả nhưng lại khốn đốn vì những vấn đề xuất phát từ nội bộ, những con rối từ trong xương đục ra theo lời cụ Nguyễn Văn Trán, bởi vì không còn một sứ mạng lịch sử nào hay một lý tưởng nào vượt lên trên những tị hiềm nhỏ bé của các đảng viên và gấn bó họ với nhau. Nó đã mất lý do tồn tại. Như một cơ thể đang bị sự sống già từ.

Hà Sĩ Phu sắp được trả tự do. Bạn bè chờ đợi để tung bùng đón ông về như một thắng lợi chung. Có gì đáng coi là thắng lợi, nhất là cùng lúc ấy Bảo Cự lại đang bị đe dọa? Tuy vậy anh em dân chủ trong nước vẫn hân hoan vì bỗng dưng họ có cảm tưởng như vừa sò mó được niềm vui và sự lạc quan. Đó là yếu tố mới và đáng chú ý nhất.

Nguyễn Gia Kiểng

**Thông Luận
hoan nghênh mọi ý kiến
đóng góp
mọi ủng hộ tài chánh
và cảm ơn quý vị cổ động để
phổ biến nó**